Biểu số: 16B/GNN-2025

Khổ biểu: 29,7x21cm

**Phụ lục II**

# DANH SÁCH CÔNG DÂN TẠM HOÃN GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2027

*(Kèm theo Thông báo số /TB-BCH ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ CHQS tỉnh)*

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm, tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>Nơi ở hiện nay của bản thân<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc, Tôn giáo | Trình độ văn hóa, CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng, Đoàn | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Xuân Bình<br>Không<br>12/9/2004<br>091204001533 | Làm ruộng<br>ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận<br>Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận<br>ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận<br>ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | 10/12<br>Không<br>Không | Nguyễn Xuân Minh, 1965, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Nga, 1973, Làm ruộng<br>Không | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 2 | Phan Quốc Cường<br>Không<br>12/01/2006<br>091206014518 | Làm ruộng<br>ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận<br>Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận<br>ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận<br>ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | 12/12<br>Không<br>Đoàn | Phan Văn Hùng (chết)<br>Trần Thị Dương, 1981,Công nhân<br>Không | Điểm a, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 3 | Trần Hoàng Nhựt<br>Không<br>13/4/2002<br>091202008497 | Buôn bán<br>ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận<br>Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận<br>ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận<br>ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | 11/12<br>Không<br>Đoàn | <br>Trần Kim Chi, 1973, (tàn tật)<br>Không | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 4 | Trần Minh Luân<br>Không<br>1/7/2003<br>091203001559 | Làm ruộng<br>ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận<br>Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận<br>ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận<br>ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | 9/12<br>Không<br>Đoàn | Trần Văn Lẹ, 1975, Làm ruộng<br>Phạm Thị Màu, 1983, Làm ruộng<br>Không | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 5 | Huỳnh Til Súp Be<br>Không<br>19/05/2003<br>091203002475 | Làm ruộng<br>ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận<br>Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận<br>ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận<br>ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 12/12<br>Không<br>Đoàn | Huỳnh Văn Biên, 1970, tai biến<br>Lê Thị Hường, 1972 (chết)<br>Không | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 6 | Hồ Châu Lê Nguyễn<br>Không<br>27/06/2000<br>091200015752 | Công nhân<br>TP. Hồ Chí Minh<br>Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận<br>TP. Hồ Chí Minh<br>TP. Hồ Chí Minh | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | ĐH xây dựng<br>B1<br>Đoàn | Hồ Ngọc Tuấn, 1962, Làm ruộng<br>Lê Thị Đẹp, 1966, Làm ruộng<br> | Điểm b, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 7 | Nguyễn Văn Đua<br>Không<br>2/9/2001<br>091201009509 | Công nhân<br>TP. Hồ Chí Minh<br>Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận<br>TP. Hồ Chí Minh<br>TP. Hồ Chí Minh | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, Không | 12/12<br>Không<br>Đoàn | Nguyễn Việt Trung, 1968, Làm ruộng<br>Đỗ Thị Ấm, 1974, Làm ruộng<br>Không | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 8 | Mai Tuấn Vỹ | Sinh viên ĐH TT TT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH TT TT | Mai Văn Tam, 1977, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Cẩm Thuý, 1982, Làm ruộng | |
| | 5/7/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008735 | | | | | | |
| 9 | Nguyễn Ngọc Hiển | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Ngọc Thoại, 1980, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phan Thị Hằng, 1981, Làm ruộng | |
| | 07/05/2006 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Đoàn | Nguyễn Ngọc Quỳnh, 2007, Làm ruộng | |
| | 091206014353 | | | | | | |
| 10 | Nguyễn Chí Tâm | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Thái, 1979, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lâm Thị Hồng, 1978, Làm ruộng | |
| | 26/6/2007 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207018027 | | | | | | |
| 11 | Phan Văn Hảo | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Phan Văn Khởi, 1977, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Khẻo, 1984, Làm ruộng | |
| | 9/11/2007 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207001735 | | | | | | |
| 12 | Nguyễn Vi Khang | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Tám, 1974, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phan Thị Phúc, 1976, Làm ruộng | |
| | 16/11/2002 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091202011909 | | | | | | |
| 13 | Huỳnh Quốc Can | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Văn Đang, 1979, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TP. Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lâm Thị Mỹ Thương, 1981, Làm ruộng | |
| | 17/3/2001 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091201000880 | | | | | | |
| 14 | Trương Văn Hửu | Sinh viên ĐH CN điện lạnh | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN điện lạn | Trương Văn Út, 1980, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Hutech TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Muội, 1984, Làm ruộng | |
| | 17/5/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204005237 | | | | | | |
| 15 | Lê Long Đỉnh | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Nghiệp, 1983, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Hồ Thị Lèo, 1982, Làm ruộng | |
| | 20/1/2004 | Không | | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204001681 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 16 | Phạm Khánh Băng | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Út , 1976, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Đinh Thị Xuyên, 1978,làm ruộng | |
| | 19/12/2001 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091201001521 | | | | | | |
| 17 | Nguyễn Văn Tạo | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Hổ, 1976, Làm ruộng | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Tới, 1978, Làm ruộng | |
| | 20/07/2004 | Không | | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204007890 | | | | | | |
| 18 | Nguyễn Văn Hào | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hoàng, 1975, Công nhân | Điểm d, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Trần Thị Oanh, 1977, Công nhân | |
| | 04/11/2001 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201002643 | | | | | | |
| 19 | Lê Chí Cường | Sinh viên ĐH Sư phạm | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sư phạm | Lê Tấn Quyền, 1971, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Bạc Liêu | tỉnh Cà Mau | Nông dân | Không | Phan Thị Út, 1976, Làm ruộng | |
| | 20/4/2001 | Không | tỉnh Cà Mau | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091201000905 | | | | | | |
| 20 | Nguyễn Gia Huy | Sinh viên ĐH Marketing | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Marketing | Nguyễn Thanh Hậu, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Gia Định | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Anh, 1978, Làm ruộng | |
| | 2/7/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091203001529 | | | | | | |
| 21 | Lê Khánh Lâm | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Lê Văn Giang, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Võ Trường Toản | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Diệp Bích Tiền, 1982, Làm ruộng | |
| | 20/11/2003 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203001226 | | | | | | |
| 22 | Hồ Hoàng Chương | Sinh viên ĐH Marketing | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Marketing | Hồ Văn Giang, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lâm Thị Duyên, 1975, Làm ruộng | |
| | 9/1/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204001163 | | | | | | |
| 23 | Lê Nguyễn Nhật Huỳnh | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Lê Danh Buôn, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Phương Bạc, 1981, Làm ruộng | |
| | 14/2/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204008786 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 24 | Trần Nam Định | Sinh viên ĐH KTXD | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTXD | Trần Văn Đà, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KTCN Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Tiếng, 1979, Làm ruộng | |
| | 14/10/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204001534 | | | | | | |
| 25 | Nguyễn Hoàng Yên | Sinh viên ĐH NTTS | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NTTS | Nguyễn Văn Điền, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Huỳnh Bích Tiền, 1984, Làm ruộng | |
| | 8/6/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205000771 | | | | | | |
| 26 | Nguyễn Minh Đới | Sinh viên ĐH Qh công chúng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Qh công chú | Nguyễn Văn Tường, 1969, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phạm Thị The, 1970, Làm ruộng | |
| | 16/8/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002015 | | | | | | |
| 27 | Huỳnh Minh Kha | Sinh viên CĐ Kinh tế KT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Kinh tế KT | Huỳnh Tường Duy, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao đẳng Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út, 1985, Làm ruộng | |
| | 20/8/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205002093 | | | | | | |
| 28 | Lưu Bá Hoàng | Sinh viên ĐH Máy tính TT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Máy tính TT | Lưu Minh Hậu, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn T Kiều Trang, 1978, Làm ruộng | |
| | 24/9/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001507 | | | | | | |
| 29 | Lưu Bá Huy | Sinh viên ĐH KT Xây dựng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Xây dựn | Lưu Minh Hợp, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ Kim Dự, 1981, Làm ruộng | |
| | 30/9/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001100 | | | | | | |
| 30 | Đỗ Trần Chí Nhớ | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Đỗ Hữu Em , 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Nhung, 1985, Làm ruộng | |
| | 7/10/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001069 | | | | | | |
| 31 | Trần Khánh Lâm | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Trần Nhựt Trường, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Xin, 1982, Làm ruộng | |
| | 8/1/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001168 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 32 | Nguyễn Tuấn Em | Sinh viên ĐH Kỹ thuật điện | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kỹ thuật điệ | Nguyễn Văn Tâm, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Kế, 1978, Làm ruộng | |
| | 01/02/2006 | Không | | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001339 | | | | | | |
| 33 | Lê Thành Vĩ | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Lê Thanh Đặng, 1968, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thủy, 1971, Làm ruộng | |
| | 01/05/2006 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Thị Yến Linh, 2007, Làm ruộng | |
| | 091206001047 | | | | | | |
| 34 | Võ Chí Tân | Sinh Viên ĐH CNTT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Võ Quốc Tuấn, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngọc, 1984, Làm ruộng | |
| | 04/08/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206009004 | | | | | | |
| 35 | Trần Quốc Linh | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Trần Văn Bền, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ánh, 1979, Làm ruộng | |
| | 03/11/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001111 | | | | | | |
| 36 | Nguyễn Huy Bình | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Nguyễn Văn Dện, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Luyến, 1974, Làm ruộng | |
| | 24/11/2006 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001097 | | | | | | |
| 37 | Trương Quốc Tuấn | Sinh Viên ĐH Luật | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật | Trương Văn Hận, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sa Bal, 1981, Làm ruộng | |
| | 10/12/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001156 | | | | | | |
| 38 | Trần Đăng Khoa | Sinh viên ĐH Kiến trúc | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kiến trúc | Trần Văn Mến, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Xây Dựng Miền Tây | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Phan Thị Kim Luỹ, 1978, Làm ruộng | |
| | 8/3/2007 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207017259 | | | | | | |
| 39 | Nguyễn Nhật Quỳnh | Sinh viên ĐH KT Cơ Khí | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Cơ Khí | Nguyễn Thanh Vũ, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ánh, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/3/2007 | Không | | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 09107018312 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 40 | Huỳnh Thanh Nhựt | Sinh viên ĐH Y Dược | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Dược | Huỳnh Thanh Phong, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Y Dược TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Diệu Hiền, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/4/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207005311 | | | | | | |
| 41 | Nguyễn Nhật Hào | Học sinh TT GDNN-GDTX | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Văn Kiên, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | xã Vĩnh Phong, AG | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê T Tuyết Xuân, 1982, Làm ruộng | |
| | 10/5/2007 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207012275 | | | | | | |
| 42 | Nguyễn Hoàng Linh | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Nguyễn Văn Điền, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Huỳnh Bích Tiền, 1984, Làm ruộng | |
| | 22/8/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207011298 | | | | | | |
| 43 | Nguyễn Duy Bình | Sinh Viên ĐH KT hệ thống CN | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT hệ thống | Nguyễn Văn Du, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kỹ thuật CN Cần thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Ngọc Mai, 1985, Làm ruộng | |
| | 25/8/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207008074 | | | | | | |
| 44 | Đoàn Minh Quy | Sinh viên ĐH KTCN | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTCN | Đoàn Minh Quyền, 1987, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Dung, 1990, Làm ruộng | |
| | 31/8/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207007506 | | | | | | |
| 45 | Ngô Thanh Phong | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Ngô Văn Nhã, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nguyễn Tất Thành | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Không | |
| | 2/9/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | | |
| | 091207007833 | | | | | | |
| 46 | Trần Quốc Trương | Sinh viên ĐH Thủy sản | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thủy sản | Trần Văn Phú, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Cẩm Hồng, 1983, Làm ruộng | |
| | 14/10/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207004576 | | | | | | |
| 47 | Nguyễn Minh Khôi | Sinh viên ĐH KT Xây dựng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Xây dựng | Nguyễn Thanh Dũng, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đặng Thị Cẩm Tơ, 1977, Làm ruộng | |
| | 31/10/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207002588 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 48 | Huỳnh Hoàng Khiêm | Sinh viên ĐH KTCN | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTCN | Huỳnh Tấn Đá, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phạm Thị Hạnh, 1986, Làm ruộng | |
| | 29/11/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207011964 | | | | | | |
| 49 | Nguyễn Huy Viên | Sinh viên ĐH NTTS | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NTTS | Nguyễn Huy Khoa, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Hồng Cẩm, 1979, Làm ruộng | |
| | 5/12/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207002987 | | | | | | |
| 50 | Phạm Nguyễn Tuấn Hùng | Sinh viên CĐ Nuôi trồng TS | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Nuôi trồng TS | Phạm Gia Phương; 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hương; 1986, Làm ruộng | |
| | 28/04/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 038208020394 | | | | | | |
| 51 | Trần Công Đức | Sinh viên ĐH QL công nghiệp | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QL công nghiệp | Trần Văn Thanh; 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KT Công nghệ CT | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Tiền; 1990, Làm ruộng | |
| | 8/5/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208010747 | | | | | | |
| 52 | Huỳnh Nhựt Huy | Sinh viên ĐH CNXD | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNXD | Huỳnh Văn Yêm; 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Đặng Minh Thu; 1986, Làm ruộng | |
| | 01/7/2008 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208001553 | | | | | | |
| 53 | Phan Thanh Thiên | Sinh viên ĐH Vật lý kỹ thuật | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Vật lý kỹ thuật | Phan Thanh Biết; 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ Thị Bích; 1982, Làm ruộng | |
| | 30/7/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208015759 | | | | | | |
| 54 | Lâm Thành Phát | Sinh viên ĐH Sư phạm | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sư phạm | Lâm Văn Lê; 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Đồng Tháp | tỉnh Đồng Tháp | Nông dân | Không | Bùi Thị Thủy; 1983, Làm ruộng | |
| | 15/08/2008 | Không | tỉnh Đồng Tháp | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006276 | | | | | | |
| 55 | Nguyễn Phan Bảo Dinh | Sinh viên CĐ CNTT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNTT | Nguyễn Văn Thắng; 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ KTCN Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Phan Thị Lê Huyền; 1986, Làm ruộng | |
| | 09/09/2008 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208013197 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 56 | Nguyễn Trung Kiên | Sinh viên ĐH CNKT Ô TÔ | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNKT Ô TÔ | Nguyễn Văn Ngà; 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Chung Thị Út Được; 1980, Làm ruộng | |
| | 20/9/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208016832 | | | | | | |
| 57 | Nguyễn Triệu Phú | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Nguyễn Văn Vui; 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Điểm; 1983, Làm ruộng | |
| | 29/09/2008 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 0691208014091 | | | | | | |
| 58 | Trương Trọng Dĩ | Sinh viên CĐ DV pháp lý | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ DV pháp lý | Trương Văn Hận; 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao đẳng Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sà Bal; 1981, Làm ruộng | |
| | 12/10/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208007658 | | | | | | |
| 59 | Nguyễn Gia Bảo | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Nguyễn Lộc Ninh, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | Tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Võ Thị Lan, 1984, Làm ruộng | |
| | 29/8/2001 | Không | Tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091201012648 | | | | | | |
| 60 | Phan Thanh Tâm | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Phan Thanh Hùng, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Võ Trường Toản | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Ngô Ngọc Trầm, 1969, Làm ruộng | |
| | 17/4/2002 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091202000746 | | | | | | |
| 61 | Trần Quốc Duy | Sinh viên ĐH KT cơ điện tử | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT cơ điện | Trần Thanh Tiềm, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP.Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Thắm, 1978, Làm ruộng | |
| | 25/11/2003 | Không | TP.Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091203003095 | | | | | | |
| 62 | Nguyễn Hữu Ân | Sinh viên ĐH Thông tin | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thông tin | Nguyễn Văn Liêu, 1979, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn T Thu Giang, 1979, Giáo viên | |
| | 9/1/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204018531 | | | | | | |
| 63 | Hồng Hoàng An | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Hồng Hoàng Cường, 1979, Nhân viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH FPT Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Điệp, 1980, Giáo viên | |
| | 20/8/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204007560 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 64 | Văn Phú Tân | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Văn Công Vủ, 1971, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phan Thị Hà, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/9/2004 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204001037 | | | | | | |
| 65 | Phạm Cao Tuấn | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Phạm Ngọc Sáu, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP.Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Ni, 1982, Làm ruộng | |
| | 25/9/2004 | Không | TP.Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204013100 | | | | | | |
| 66 | Đặng Nhứt Lam | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Đặng Chế Linh, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Trần Thị Cẩm Nhanh, 1981, Làm ruộng | |
| | 17/10/2004 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 09120400884 | | | | | | |
| 67 | Đặng Chí Trung | Sinh viên ĐH KT phần mềm | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT phần mề | Đặng Văn Dũng, 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phan Thị Thắm, 1965, Làm ruộng | |
| | 13/2/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001104 | | | | | | |
| 68 | Nguyễn Minh Trí | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Nguyễn Văn Khiêm, 1967, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê T Kim Liên, 1974, Làm ruộng | |
| | 26/3/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001121 | | | | | | |
| 69 | Nguyễn Thái Học | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Nguyễn Việt Sỉ, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Huệ, 1977, Làm ruộng | |
| | 29/9/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205002027 | | | | | | |
| 70 | Phạm Dương Trường Trọng | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Phạm Văn Khạo, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Dương T Bích Thủy, 1988, Làm ruộng | |
| | 10/12/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 096206000567 | | | | | | |
| 71 | Huỳnh Gia Thịnh | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Huỳnh Minh Hải, 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | Tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Ngọc, 1967, Làm ruộng | |
| | 15/11/2007 | Không | Tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207011112 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 72 | Nguyễn Thế Trân | Sinh viên ĐH Luật | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật | Nguyễn Việt Sĩ, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Hồ Ngọc Diễm, 1982, Làm ruộng | |
| | 6/12/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008783 | | | | | | |
| 73 | Nguyễn Thành Liêm | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Nguyễn Duy Khánh, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Lê Ngọc Du, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/10/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008664 | | | | | | |
| 74 | Trần Vũ Kha | Sinh viên CĐ CN ô tô | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN ô tô | Trần Vũ Hùng, 1977, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Nghề KG | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bé Mười, 1977, Làm ruộng | |
| | 4/4/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207007566 | | | | | | |
| 75 | Nguyễn Hải Đăng | Sinh viên ĐH NTTS | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NTTS | | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Chi, 1972, Làm ruộng | |
| | 29/5/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207006910 | | | | | | |
| 76 | Trần Hữu Tài | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Trần Quốc Thanh, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Hồng Nhanh, 1983, Làm ruộng | |
| | 1/4/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207000204 | | | | | | |
| 77 | Phan Nhân Hoà | Sinh viên CĐ Điện tử | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Điện tử | Phan Văn Hải, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sáu, 1967, Làm ruộng | |
| | 17/10/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207006587 | | | | | | |
| 78 | Lê Bình Thiên | Sinh viên CĐ Y tế | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Y tế | Lê Đức Thừa, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lê Ngọc Bích, 1985, Làm ruộng | |
| | 4/2/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207000139 | | | | | | |
| 79 | Nguyễn Văn Thái Ngọc | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Nguyễn Văn Chính, 1964, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Văn Thị Hạnh, 1968, Làm ruộng | |
| | 3/3/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207000138 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 80 | Nguyễn Khánh Duy | Sinh viên ĐH Điện tử | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Điện tử | Nguyễn Văn Đệ, 1979, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | Tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Lê Cẩm Thuý, 1978, Giáo viên | |
| | 22/9/2007 | Không | Tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207004364 | | | | | | |
| 81 | Lưu Tấn Đạt | Sinh viên ĐH Khoa học dữ liệu | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Khoa học dữ liệu | Lưu Minh Tâm, 1983, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kỹ thuật công nghệ CT | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Hà Thị Liễu, 1983, Công nhân | |
| | 24/12/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207006538 | | | | | | |
| 82 | Lương Quốc Bảo | Sinh viên CĐ Du lịch | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Du lịch | Lương Văn Trung; 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Du lịch Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Diệp Thị Do; 1973, Làm ruộng | |
| | 7/7/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208008472 | | | | | | |
| 83 | Tạ Hoàng Huỳnh Kha | Sinh viên ĐH KTPM | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTPM | Tạ Văn Thành; 1984, Thợ sắt | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHXD Miền Tây | Tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Hoàng Thị Hường; 1985, Cán bộ | |
| | 22/9/2008 | Không | Tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208010074 | | | | | | |
| 84 | Diệp Phú Thịnh | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Diệp Văn Lớn, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hương, 1980, Làm ruộng | |
| | 16/9/2003 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091203001537 | | | | | | |
| 85 | Trần Văn Thịnh | Sinh viên ĐH QL Đất Đai | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QL Đất Đai | Trần văn Dương, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ Thị Út Xiếu, 1981, Làm ruộng | |
| | 19/3/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204001987 | | | | | | |
| 86 | Nguyễn Hoàng Khánh | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Nguyễn Hoàng Nguyện, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Cơ, 1984, Làm ruộng | |
| | 24/8/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204002133 | | | | | | |
| 87 | Phan Gia Vi | Sinh viên CĐ Logistics | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Logistics | Phan Văn Giúp, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kinh tế đối ngoại | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn T Kiều Ngoan, 1983, Làm ruộng | |
| | 4/3/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001119 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 88 | Đặng Phương Quí | Sinh viên ĐH Xét nghiệm y học | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Xét nghiệm | Đặng Văn Phú, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Y Dược Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1978, Làm ruộng | |
| | 5/7/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205011827 | | | | | | |
| 89 | Trương Nhật Lâm | Sinh viên ĐH KT điện | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT điện | Trương Văn Danh, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Tài, 1970, Làm ruộng | |
| | 20/8/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205013054 | | | | | | |
| 90 | Trần Nhựt Lam | Sinh viên ĐH KH máy tính | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KH máy tính | Trần Văn Út, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KT-CN Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Mãnh, 1975, Làm ruộng | |
| | 7/11/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001066 | | | | | | |
| 91 | Bùi Phong Phú | Sinh viên ĐH KT Điện tử | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Điện tử | Bùi Văn Út Em, 1971, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trong, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/1/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001545 | | | | | | |
| 92 | Nguyễn Thái Đông | Sinh viên ĐH KTXD | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTXD | Nguyễn Tuấn Phương, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn T Bích Nhu, 1985, Làm ruộng | |
| | 28/1/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 089206020461 | | | | | | |
| 93 | Phạm Gia Lạc | Sinh viên ĐH Công thương | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Công thương | Phạm Minh Lợi, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHCT TPHCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thanh Thủy, 1984, Làm ruộng | |
| | 15/05/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206007397 | | | | | | |
| 94 | Phan Thế Vinh | Sinh Viên ĐH CN KT điện tử | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN KT điện | Phan Văn Toàn, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Vũ Hải Niềm, 1984, Làm ruộng | |
| | 27/05/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001692 | | | | | | |
| 95 | Diệp Minh Cảnh | Sinh Viên ĐH Kế toán | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kế toán | Diệp Minh Trường, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tố, 1983, Làm ruộng | |
| | 18/07/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206006786 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 96 | Phan Quốc Đại | Sinh viên ĐH Văn học | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Văn học | Phan Hùng Hiện, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn T Tuyết Nhung, 1980, Làm ruộng | |
| | 14/09/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206015549 | | | | | | |
| 97 | Trương Chí Liêm | Sinh viên ĐH KT CK động lực | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT CK động | Trương Văn Phèn, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Loan, 1979, Làm ruộng | |
| | 13/10/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001540 | | | | | | |
| 98 | Lê Tấn Vàng | Sinh viên ĐH Công Nghiệp | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Công Nghiệp | Lê Văn Mi, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Bùi Thị Mảnh, 1974, Làm ruộng | |
| | 9/1/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207005393 | | | | | | |
| 99 | Nguyễn Vũ Kha | Sinh viên ĐH Báo chí | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Báo chí | Nguyễn Văn Mến, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Mỹ Xuyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 21/1/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207000292 | | | | | | |
| 100 | Nguyễn Văn Thoại | Sinh viên ĐH Kế Toán | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kế Toán | Nguyễn Văn Cà, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ Thị Bích, 1977, Làm ruộng | |
| | 2/2/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207000322 | | | | | | |
| 101 | Đào Nguyễn Bảo Duy | Sinh viên CĐ CN Ô tô | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Ô tô | Đào Văn Tuấn, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Bách khoa Sài Gòn | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thuỷ Triều, 1980, Làm ruộng | |
| | 5/4/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 09120700029 | | | | | | |
| 102 | Nguyễn Vũ Đức | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Nguyễn Văn Hoài, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huệ, 1981, Làm ruộng | |
| | 9/4/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207011213 | | | | | | |
| 103 | Lâm Nhựt Hào | Sinh viên ĐH Thủy Sản | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thủy Sản | Lâm Văn Út, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Lô Thị Thu Tư, 1986, Làm ruộng | |
| | 22/4/2007 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207012030 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 104 | Lê Minh Thương | Sinh viên ĐH Sư Phạm | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sư Phạm | Lê Minh Khơi, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chín Đen, 1983, Làm ruộng | |
| | 11/5/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008049 | | | | | | |
| 105 | Trần Lạc Thiên | Sinh viên ĐH Luật | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật | Trần Văn Hoài, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đặng Thị Nhanh, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/5/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008368 | | | | | | |
| 106 | Trần Huỳnh Minh Khôi | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Trần Văn Bọ Em, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Chí Linh, 1984, Làm ruộng | |
| | 21/5/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207001745 | | | | | | |
| 107 | Trần Tiến Đạt | Sinh viên ĐH Truyền Thông | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Truyền Thông | Trần Quốc Tuấn, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 8/6/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207010138 | | | | | | |
| 108 | Trần Đăng khôi | Sinh viên ĐH Luật | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật | Trần Ngọc Ngoan, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Mộng Nhi, 1984, Làm ruộng | |
| | 14/6/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207001999 | | | | | | |
| 109 | Đặng Thái An | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Đặng Trúc Phương, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Thái Thị Gấm, 1972, Làm ruộng | |
| | 11/7/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008851 | | | | | | |
| 110 | Phạm Thành Khá | Sinh Viên ĐH Y Khoa | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Phạm Văn Toàn, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Lệ Hằng, 1977, Làm ruộng | |
| | 19/7/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207012641 | | | | | | |
| 111 | Phan Chi Lăng | Sinh viên ĐH Xây Dựng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Xây Dựng | Phan Văn Đen, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ Thị Nhẹ, 1969, Làm ruộng | |
| | 26/7/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207010682 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 112 | Mai Ngô Thái | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Mai Xuân Hùng, 1976, (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Ngô Cẩm Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 10/10/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207004542 | | | | | | |
| 113 | Lê Công Luận | Sinh viên ĐH CNKT Năng lượng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNKT Năng | Lê Có Lý, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Hồng Ni, 1986, Làm ruộng | |
| | 9/02/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208008324 | | | | | | |
| 114 | Cao Minh Đăng | Sinh viên ĐH Thanh nhạc | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thanh nhạc | Cao Sơn Hà, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Văn Hiến | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Nhì, 1977, Làm ruộng | |
| | 13/02/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | | | | | | | |
| 115 | Võ Hoài Nhân | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Võ Văn Chèo; 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phạm Thị Út; 1984, Làm ruộng | |
| | 09/04/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208014893 | | | | | | |
| 116 | Phan Thế Hiển | Sinh viên ĐH Sinh học ứng dụng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sinh học ứng dụng | Phan Văn Toàn; 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Vũ Hải Niềm; 1985, Làm ruộng | |
| | 24/9/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208012337 | | | | | | |
| 117 | Trần Hoài Khang | Học sinh | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Trần Hoài Phong; 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường THPT Thới Bình | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Diệu Hiền; 1987, Làm ruộng | |
| | 06/10/2008 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208002498 | | | | | | |
| 118 | Đỗ Minh Phúc | Sinh viên CĐ CN Ô tô | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Ô tô | Đỗ Trường Em; 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Công thương VN | tỉnh Thái Nguyên | Nông dân | Không | Trang Tuyết Sương; 1980, Làm ruộng | |
| | 04/11/2008 | Không | tỉnh Thái Nguyên | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208006509 | | | | | | |
| 119 | Đặng Thành Sang | Sinh viên ĐH KH Hàng hải | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KH Hàng hải | Đặng Văn Tám; 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH GTVT TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn T Ngọc Linh; 1986, Làm ruộng | |
| | 27/10/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208015383 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 120 | Phan Hoài Triết | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Phan Ni Đil, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nguyễn Tất Thành | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn T Tố Quyên, 1987, Làm ruộng | |
| | 18/3/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204002211 | | | | | | |
| 121 | Phạm Chí Nguyên | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Phạm Văn Kiệt, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trương Thị Mến, 1982, Làm ruộng | |
| | 12/6/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001301 | | | | | | |
| 122 | Trần Đình Luận | Sinh viên ĐH QLTN và MT | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QLTN và M | Trần Văn Thảo, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Võ Thị Phượng, 1981, Làm ruộng | |
| | 24/7/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205002016 | | | | | | |
| 123 | Phan Trung Thực | Sinh viên ĐH KD quốc tế | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KD quốc tế | Phan Ni Đil, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TC-Maketing | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn T Tố Quyên, 1987, Làm ruộng | |
| | 5/11/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001058 | | | | | | |
| 124 | Châu Minh Nhả | Sinh viên ĐH MT truyền thông | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH MT truyền t | Châu Minh Phong, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn T Cẩm Xuyên, 1980, Làm ruộng | |
| | 29/11/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001515 | | | | | | |
| 125 | Dương Thanh Nhân | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Dương Thanh Nguyên, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Định, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/12/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001662 | | | | | | |
| 126 | Đặng Xiêu Phàm | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Đặng Văn Sịl, 1987, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Đăng Bé Duyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 25/1/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001041 | | | | | | |
| 127 | Nguyễn Minh Thức | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Nguyễn Văn Đầy, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đặng Thị Thắm, 1985, Làm ruộng | |
| | 11/08/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001333 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 128 | Trương Quốc Huy | Sinh viên CĐ CNTT | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNTT | Trương Văn Dữ, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Võ Thị Cẩm Nhung, 1985, Làm ruộng | |
| | 31/08/2006 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001940 | | | | | | |
| 129 | Dương Đông Tỷ | Sinh viên CĐ Thiết kế đồ họa | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Thiết kế đồ | Dương Minh Hoàng, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường FPT Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Nhành, 1978, Làm ruộng | |
| | 03/12/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001105 | | | | | | |
| 130 | Phan Tấn Khang | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Phan Thanh Bé, 1988, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Chúc Ly, 1986, Làm ruộng | |
| | 24/9/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207009609 | | | | | | |
| 131 | Lê Thành Lợi | Sinh viên ĐH Du lịch | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Du lịch | Lê Thành Trung, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Văn Hiến | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều Diễm, 1985, Làm ruộng | |
| | 5/7/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207014466 | | | | | | |
| 132 | Huỳnh Lâm Gia Bảo | Sinh viên CĐ CN Ô tô | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Ô tô | Huỳnh Văn Thuỳ, 1968, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao Đẳng KG | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lâm Thuý An, 1980, Làm ruộng | |
| | 25/7/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207015668 | | | | | | |
| 133 | Phan A Đam | Sinh viên ĐH Luật Kinh tế | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật Kinh tế | Phan Văn Mung, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Kim Hên, 1979, Làm ruộng | |
| | 24/12/2007 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008231 | | | | | | |
| 134 | Võ Trí Hạo | Sinh viên QL Đất Đai | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | QL Đất Đai | Võ Văn Liềng, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Nhung, 1984, Làm ruộng | |
| | 9/10/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207005410 | | | | | | |
| 135 | Võ Tiến Vinh | Sinh viên ĐH CN | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN | Phan Minh Hùng, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN TP. HCM | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Ngọc Sang, 1982, Làm ruộng | |
| | 27/12/2007 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207009833 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 136 | Nguyễn Đăng Khôi | Sinh viên ĐH CN Sinh học | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN Sinh học | Nguyễn Văn Phèn, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ny, 1990, Làm ruộng | |
| | 30/8/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207001294 | | | | | | |
| 137 | Đặng Trọng Lil | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Đặng Trọng Nguyễn; 1988, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Cẩm Thúy; 1990, Làm ruộng | |
| | 22/11/2008 | Không | xã U Minh Thượng, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208005848 | | | | | | |
| 138 | Đặng Anh Tú | Sinh viên Đại học truyền thông | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | Đại học truyền thông | Đặng Văn Toàn; 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Đại học Tây đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trịnh Thị Cẩm Hường; 1978, Làm ruộng | |
| | 19/11/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208135587 | | | | | | |
| 139 | Huỳnh Nguyễn Hoài Nam | Sinh viên CĐ CN Kỹ Thuật | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Kỹ Thuật | Huỳnh Hùng Trang; 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Bà Rịa Vũng Tàu | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tiền; 1975, Làm ruộng | |
| | 27/04/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208008517 | | | | | | |
| 140 | Hồ Bình An | Sinh viên ĐH Kiến Trúc | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kiến Trúc | Hồ Minh Khang; 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đặng Ngọc Diễm; 1983, Làm ruộng | |
| | 13/08/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208009428 | | | | | | |
| 141 | Lê Trần Gia Thịnh | Sinh viên ĐH KH Máy tính | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KH Máy tính | Lê Văn Linh; 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tôn Đức Thắng | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Sậy; 1976, Làm ruộng | |
| | 23/09/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208015020 | | | | | | |
| 142 | Nguyễn Nhật Quỳnh | Học sinh | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hồng Khul, 1988, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | 21/01/2009 | Trường THPT Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phan Kim Chúc, 1988, Làm ruộng | |
| | Không | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091209014270 | | | | | | |
| 143 | Nguyễn Phát Tài | Sinh viên ĐH KTXD | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTXD | Nguyễn Văn Quyền, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đinh T Mộng Kiều, 1979, Làm ruộng | |
| | 4/2/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204001523 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 144 | Nguyễn Văn Nghĩa | Sinh viên ĐH Q lý Xây dựng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Q lý Xây dự | Nguyễn Xiêm Em, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KT-CN Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Trừ, 1980, Làm ruộng | |
| | 7/2/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204001232 | | | | | | |
| 145 | Nguyễn Tấn Khôi | Sinh viên ĐH CN Sinh học | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN Sinh họ | Nguyễn Văn Tuấn, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Công nghệ TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Văn Thị Sinh, 1977, Làm ruộng | |
| | 20/2/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091204011364 | | | | | | |
| 146 | Phạm Văn Toàn | Sinh viên CĐ KD quốc tế | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ KD quốc tế | Phạm Văn Sự, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao đẳng Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Văn Thị Kiệm, 1972, Làm ruộng | |
| | 26/4/2005 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001058 | | | | | | |
| 147 | Nguyễn Vũ Lực | Sinh viên ĐH CN Thông tin | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN Thông t | Nguyễn Thanh Tùng, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Trần Kim Nhi, 1976, Làm ruộng | |
| | 29/8/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001102 | | | | | | |
| 148 | Nguyễn Ngọc Phú | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN Thông t | Nguyễn Văn Hận, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Màu, 1971, Làm ruộng | |
| | 20/10/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205001093 | | | | | | |
| 149 | Trần Khánh Duy | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Trần Văn Hoài, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Không | |
| | 5/1/2006 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | | |
| | 091206016550 | | | | | | |
| 150 | Huỳnh Văn Mảnh | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Huỳnh Văn Dũng, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Xuyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 01/02/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001109 | | | | | | |
| 151 | Nguyễn Văn Thạch | Sinh viên ĐH Nuôi trồng TS | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Nuôi trồng T | Nguyễn Văn Quyền, 1976, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Đinh T Mộng Kiều, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/2/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001543 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 152 | Nguyễn Gia Huy | Sinh viên ĐH Luật | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật | Nguyễn Văn Lil, 1967, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KT-CN Cần Thơ | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Trần Thanh Nhanh, 1968, Làm ruộng | |
| | 19/08/2006 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206001551 | | | | | | |
| 153 | Lê Minh Trí | Học sinh THPT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Lê Văn Dửng, 1987, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TT GDNN và GDTX Cụm Gò | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phan Thị Mộng, 1987, Công nhân | |
| | 11/10/2006 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001096 | | | | | | |
| 154 | Nguyễn Nhật Hào | Sinh viên ĐH TMĐT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH TMĐT | Nguyễn Văn Tự, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Khoa, 1983, Làm ruộng | |
| | 7/2/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207016493 | | | | | | |
| 155 | Bùi Vĩ Khang | Sinh Viên CĐ KT Máy lạnh | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ KT Máy lạnh | Bùi Vi Khánh, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Cao đẳng Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dung, 1976, Làm ruộng | |
| | 13/2/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207009362 | | | | | | |
| 156 | Nguyễn Văn Giàu | Sinh viên ĐH KT hình ảnh y học | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT hình ảnh y | Nguyễn Văn Nhỏ, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cửu Long | Tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Đinh Thị Nhanh, 1981, Làm ruộng | |
| | 17/2/2007 | Không | Tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016287 | | | | | | |
| 157 | Lý Thành Phú | Sinh viên ĐH KTĐT Viễn Thông | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KTĐT Viễn Thông | Lý Văn Nam, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dư, 1988, Làm ruộng | |
| | 22/3/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011370 | | | | | | |
| 158 | Trần Gia Lạc | Sinh viên ĐH Thương mại ĐT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thương mại ĐT | Trần Văn Hiền, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Trần Hồng Diệu, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/5/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207004238 | | | | | | |
| 159 | Trần Duy Khánh | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Trần Văn Hoài, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thi, 1981, Làm ruộng | |
| | 20/7/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207014368 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 160 | Ngô Trí Vinh | Sinh viên CĐ CN Ô tô | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Ô tô | Ngô Chí Công, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Công thương VN | tỉnh Thái Nguyên | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Liên, 1975, Làm ruộng | |
| | 10/6/2007 | Không | tỉnh Thái Nguyên | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207010732 | | | | | | |
| 161 | Nguyễn Minh Triết | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Nguyễn Văn Ngoan, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phan Thị Chúc, 1985, Làm ruộng | |
| | 23/7/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207008850 | | | | | | |
| 162 | Nguyễn Hoài Thương | Sinh viên ĐH QL VH-NT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QL VH-NT | | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH VH TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chân, 1983, Làm ruộng | |
| | 1/8/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207001291 | | | | | | |
| 163 | Nguyễn Văn Đô | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Nguyễn Văn Cọt; 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Thơm; 1982, Làm ruộng | |
| | 27/02/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208010366 | | | | | | |
| 164 | Nguyễn Hạ Thiên | Sinh viên CNKT Năng lượng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CNKT Năng lượng | Nguyễn Văn Thừa; 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KT Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Dương Thị Kim Ngoan; 1982, Làm ruộng | |
| | 22/10/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208004993 | | | | | | |
| 165 | Nguyễn Gia Bảo | Sinh viên CĐ CNOT | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNOT | Nguyễn Văn Dũng; 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Công thương | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Phương Châu; 1986, Làm ruộng | |
| | 19/12/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208001717 | | | | | | |
| 166 | Dương Văn Vạn | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Dương Văn Danh, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Ngô Thị Cà Tuốc, 1981, Làm ruộng | |
| | 20/1/2003 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 09120300441 | | | | | | |
| 167 | Trần Khánh Đăng | Sinh viên ĐH CN sinh học | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN sinh học | Trần Văn Tùng, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Ngô Thị Lắng, 1979, Làm ruộng | |
| | 14/1/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205012865 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 168 | Ngô Trần Duy Thịnh | Sinh viên ĐH Sư phạm | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sư phạm | Ngô Hồng Hải, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Lèo, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/6/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205016803 | | | | | | |
| 169 | Nguyễn Triệu Phú | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Nguyễn Văn Phong, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần thơ | Nông dân | Không | Phạm Thị Mơ, 1984, Làm ruộng | |
| | 2/9/2005 | Không | TP. Cần thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001096 | | | | | | |
| 170 | Lý Thái An | Sinh viên ĐH KT Ôtô | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Ôtô | Lý Thanh Bình, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thảo, 1979, Làm ruộng | |
| | 06/04/2006 | Không | | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206006415 | | | | | | |
| 171 | Lê Hoàng Nhất | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Lê Văn Công, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hương, 1984, Làm ruộng | |
| | 25/04/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001329 | | | | | | |
| 172 | Lê Văn Trường | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Lê Văn Vô, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Đỗ Ngân Em, 1986, Làm ruộng | |
| | 23/05/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206005869 | | | | | | |
| 173 | Từ Minh Thiện | Sinh viên ĐH Truyền thông | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Truyền thôn | Từ Thanh Hiền, (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nguyễn Tất Thành | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Kiều Thị Nga, 1968, Làm ruộng | |
| | 27/07/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206010008 | | | | | | |
| 174 | Đặng Hiếu Kiên | Sinh viên ĐH Kỹ thuật | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kỹ thuật | Đặng Hữu Nhân, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Lê Mỹ Loan, 1988, Làm ruộng | |
| | 24/08/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206011544 | | | | | | |
| 175 | Phạm Thanh Đạt | Sinh viên ĐH Y (RHM) | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y | Phạm Thanh Tâm, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ T Thu Giang, 1981, Làm ruộng | |
| | 08/09/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001089 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh<br>Họ, chữ đệm, tên thường dùng<br>Ngày tháng năm sinh<br>Số thẻ căn cước/CCCD | Nghề nghiệp<br>Nơi làm việc<br>Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi thường trú của gia đình; bản thân<br>Nơi ở hiện nay của bản thân<br>Nơi làm việc (nếu có) | Thành phần gia đình<br>Thành phần bản thân<br>Dân tộc, Tôn giáo | Trình độ văn hóa, CMKT<br>Ngoại ngữ<br>Đảng, Đoàn | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp<br>Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 176 | Nguyễn Quan Huy<br>Không<br>9/6/2007<br>091206010602 | Sinh Viên ĐH TC Ngân hàng<br>Trường ĐH Nguyễn Tất Thành<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH TC Ngân hà<br>Không<br>Đoàn | Nguyễn Văn Thịnh, 1980, Làm ruộng<br>Trần Thị Lan, 1982, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 177 | Trần Thư Hoàng<br>Không<br>8/3/2007<br>091207016961 | Sinh viên ĐH QTKD<br>Trường ĐH Nam Cần Thơ<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>TP. Cần Thơ<br>TP. Cần Thơ | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH QTKD<br>Không<br>Đoàn | Trần Văn Thoại, 1982, Làm ruộng<br>Trần Thị Chúc Ly, 1983, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 178 | Hồ Ngọc Tỷ<br>Không<br>5/10/2007<br>091207011509 | Sinh viên ĐH NTTS<br>Trường ĐH Nam Cần Thơ<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>TP. Cần Thơ<br>TP. Cần Thơ | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH NTTS<br>Không<br>Đoàn | Hồ Văn Vàng, 1975, Làm ruộng<br>Trần Thị Nhi, 1972, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 179 | Trần Minh Đăng<br>Không<br>18/11/2007<br>091207014659 | Sinh viên ĐH Giáo dục TC<br>Trường ĐH Cần Thơ<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>TP. Cần Thơ<br>TP. Cần Thơ | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH Giáo dục TC<br>Không<br>Đoàn | Trần Văn Dũng, 1984, Làm ruộng<br>Nguyễn Bích Thuỷ, 1987, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 180 | Nguyễn Chí Cương<br>Không<br>17/10/2007<br>091207003932 | Sinh viên ĐH CNTT<br>Trường ĐH Kiên Giang<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>Phường Rạch Giá, AG<br>Phường Rạch Giá, AG | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH CNTT<br>Không<br>Đoàn | Nguyễn Trung Kiên, 1984, Làm ruộng<br>Đỗ Thị Phê, 1989, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 181 | Đặng Vỹ Hào<br>Không<br>29/12/2007<br>091207001290 | Sinh viên ĐH KHXH và ND<br>Trường ĐH Văn Hiến<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH KHXH và N<br>Không<br>Đoàn | Đặng Văn Đường, 1983, Làm ruộng<br>Nguyễn Trúc Giang, 1984, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 182 | Trần Khánh Đăng<br>Không<br>01/10/2008<br>091208012482 | Sinh viên ĐH Thú Y<br>Trường Đại học Trà Vinh<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>xã Vĩnh Phong, AG | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH Thú Y<br>Không<br>Đoàn | Trần Khánh Dư; 1984, Làm ruộng<br>Nguyễn Thị Thúy Nga; 1985, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| 183 | Ngô Trần Duy Phát<br>Không<br>25/11/2008<br>091208004925 | Sinh viên ĐH GD Thể chất<br>Trường ĐH Đồng Tháp<br>Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận<br>xã Vĩnh Phong, AG | Trung nông<br>Nông dân<br>Kinh, không | ĐH GD Thể chấ<br>Không<br>Đoàn | Ngô Hồng Hải, 1972, Giáo viên<br>Trần Thị Lẽo; 1980, Làm ruộng<br>Không | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 184 | Huỳnh Minh Tân | Sinh viên ĐH KT Xây dựng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Xây dựng | Huỳnh Thanh Tùng, 1978, Làm ruông | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Bách khoa TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Thạch Thị Sơn Ca, 1978, Làm ruông | |
| | 4/12/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208016189 | | | | | | |
| 185 | Chim Hoàng Phi | Sinh viên ĐH Sư Phạm | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sư Phạm | Cao Văn Kiêng; 1971, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Nga; 1971, Làm ruộng | |
| | 15/01/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208007852 | | | | | | |
| 186 | Nguyễn Văn Lợi | Sinh Viên ĐH Luật | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật | Nguyễn Văn Tấn, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thủy, 1974, Làm ruộng | |
| | 09/04/2001 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091201007296 | | | | | | |
| 187 | Bạch Hoài Nhân | Sinh viên ĐH Y | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y | Bạch Văn Nám, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Y Khoa PNT | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lâm Thị Thẩm, 1977, Làm ruộng | |
| | 19/07/2003 | Không | | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091203000859 | | | | | | |
| 188 | Vũ Đình Đông | Sinh viên ĐH CN sinh học | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN sinh học | Vũ Đình Năm, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KH&TN TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Không | |
| | 25/11/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 09120427463 | | | | | | |
| 189 | Trần Văn Vẹn | Sinh viên ĐH NTTS | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NTTS | Trần Văn Trang, 1968, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Đặng Thị Kim Ngân, 1972, Làm ruộng | |
| | 08/3/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091203009446 | | | | | | |
| 190 | Nguyễn Danh Dự | Sinh viên ĐH KT xây dựng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT xây dựn | Nguyễn Văn Cang, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐHXD Miền Tây | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Yến, 1985, Làm ruộng | |
| | 13/6/2005 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205002514 | | | | | | |
| 191 | Nguyễn Nhựt Hào | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Nguyễn Danh Xâm, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng Nghi, 1986, Làm ruộng | |
| | 24/10/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205009556 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 192 | Trần Minh Khôi | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Trần Văn Tiển, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Bùi Thị Ngân, 1984, Làm ruộng | |
| | 28/11/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205007945 | | | | | | |
| 193 | Lâm Vũ Duy | Sinh viên ĐH CN thực phẩm | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN thực phẩ | Lâm Chí Nguyện, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Danh Thị Ngọc, 1984, Làm ruộng | |
| | 24/01/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002598 | | | | | | |
| 194 | Danh Ngà | Sinh viên CĐ CN KT Ô to | ấp Kinh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN KT Ô to | Danh Ni, 1984, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ cơ điện và NNNB | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Danh Thị Kim Đào, 1984, Công nhân | |
| | 28/05/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002257 | | | | | | |
| 195 | Nguyễn Gia Nguyên | Sinh viên CĐ QTDN | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ QTDN | Nguyễn Văn Dình, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Sài Gòn | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kim Vui, 1977, Làm ruộng | |
| | 27/7/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206002599 | | | | | | |
| 196 | Trần Trọng Kha | Sinh viên ĐH CNKT Ô tô | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNKT Ô tô | Trần Văn Hoàng, , 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH SP KT Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chuyên, , 1978, Làm ruộng | |
| | 7/8/2006 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002600 | | | | | | |
| 197 | Đặng Vi Tính | Sinh viên ĐH CNKT ôtô | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNKT ôtô | Đặng Văn Dể, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Dương Thị Hồng Nhung, 1982, Làm ruộng | |
| | 6/9/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002248 | | | | | | |
| 198 | Phan Văn Trường | Sinh viên CĐ CN OTO | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN OTO | Phan Văn Kiệt Anh, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Hằng, 1981, Làm ruộng | |
| | 20/01/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011419 | | | | | | |
| 199 | Trần Minh Nhựt | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Trần Văn Sáng, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thuý, 1980, Làm ruộng | |
| | 05/02/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016696 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 200 | Đinh Thiện Khiêm | Sinh viên ĐH Quản lý TD TT | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Quản lý TD | Đinh Văn Đủ, 1986, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Trần Thị Mỹ Xuyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 16/2/2007 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207002603 | | | | | | |
| 201 | Vũ Huỳnh Lộc | Sinh viên ĐH CN KT Ô tô | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN KT Ô tô | | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường DH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Lan, 1986, Làm ruộng | |
| | 25/04/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207001458 | | | | | | |
| 202 | Lê Minh Kha | Sinh viên CĐ Y khoa | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Y khoa | Lê Văn Koang, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Y Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nghiệp, 1983, Làm ruộng | |
| | 14/05/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207015644 | | | | | | |
| 203 | Lê Văn Liền | Sinh viên CĐ CNKT Điện | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNKT Điện | Lê Văn Hoa, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao Đẳng Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Đặng Thị Đúng, 1987, Làm ruộng | |
| | 29/5/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016352 | | | | | | |
| 204 | Nguyễn Văn Sang | Sinh viên KT CN Cần Thơ | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | KT CN Cần Thơ | Nguyễn Văn Danh, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đào, 1981, Làm ruộng | |
| | 06/8/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016032 | | | | | | |
| 205 | Lê Thanh Hiền | Sinh viên ĐH Kế toán | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kế toán | Lê Văn Ngoan, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đinh Thị Thuỳ, 1979, Làm ruộng | |
| | 14/8/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207017906 | | | | | | |
| 206 | Nguyễn Quốc Khánh | Sinh viên ĐH XD | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH XD | Nguyễn Văn Việt, 1967, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Hồ Thị Hoài, 1969, Làm ruộng | |
| | 19/08/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207001288 | | | | | | |
| 207 | Lê Thanh Khiêm | Sinh viên ĐH Nông nghiệp | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Nông nghiệp | Lê Thanh Phường, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH KT TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trương Thị Thuỷ, 1982, Làm ruộng | |
| | 29/12/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011873 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 208 | Trần Minh Nhật | Sinh viên CĐ CN Ô tô | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Ô tô | Trần Văn Tiển, 1974, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao Đẳng Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Bùi Thị Ngân, 1984, Làm ruộng | |
| | 30/12/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207007994 | | | | | | |
| 209 | Nguyễn Thanh Nhiên | Sinh viên ĐH Y Khoa | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y Khoa | Nguyễn Văn Nâu, 1983, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Lài, 1982, làm ruộng | |
| | 08/01/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016291 | | | | | | |
| 210 | Trần Nguyễn Hữu Thịnh | Sinh viên ĐH KT Điều khiển | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Điều kh | Trần Văn Khải, 1982, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH GTVT TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Khánh Linh, 1984, làm ruộng | |
| | 31/01/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015324 | | | | | | |
| 211 | Danh Vũ Luân | Học sinh | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Danh Hoà Thuận, 1972, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TT GDNN&GDTX cụm Gò Qu | xã Gò Quao, tỉnh An Giang | Nông dân | Không | Sơn Thị Huệ, 1977, làm ruộng | |
| | 02/3/2008 | Không | xã Gò Quao, tỉnh An Giang | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208015473 | | | | | | |
| 212 | Quách Thành Tài | Sinh viên CĐ KT Cơ khí | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ KT Cơ khí | Quách Văn Nhanh, 1983, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nghị Thị Loan, 1981, làm ruộng | |
| | 02/7/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208007572 | | | | | | |
| 213 | Quách Thành Phát | Sinh viên CĐ KT Điện tử | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ KT Điện tử | Quách Văn Nhanh, 1983, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nghị Thị Loan, 1981, làm ruộng | |
| | 02/7/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208011371 | | | | | | |
| 214 | Quách Văn Hoàng Khôi | Sinh viên ĐH KT Xây dựng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Xây dựn | Quách Văn Vũ, 1979, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Xây dựng Miền Tây | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thuý, 1983, làm ruộng | |
| | 03/7/2008 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001183 | | | | | | |
| 215 | Nguyễn Gia Khiêm | Sinh viên CĐ CNKT Điện | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNKT Điện | Nguyễn Văn Đảm, 1974, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Điện lực TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thuỳ Trang, 1976, làm ruộng | |
| | 01/8/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208012567 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 216 | Nguyễn Gia Phú | Sinh viên ĐH CN KT Xây dựng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN KT Xây | Nguyễn Thanh Quyền, 1983, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích Ni, 1985, làm ruộng | |
| | 02/10/2008 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208001368 | | | | | | |
| 217 | Nguyễn Phúc Thành | Sinh viên ĐH Thương mai điện | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thương mai | Nguyễn Văn Điều, 1985, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Gia Định | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Ngọc Tươi, 1987, làm ruộng | |
| | 25/12/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016549 | | | | | | |
| 218 | Vũ Đình Khoa | Sinh viên ĐH CN thông tin | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN thông tin | Vũ Đình Học, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Học viện Bưu chính viễn thông | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hơn, 1981, Công nhân | |
| | 21/11/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 033204010275 | | | | | | |
| 219 | Nguyễn Phạm Triệu Vỹ | Sinh viên ĐH Khoa học dữ liệu | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Khoa học dữ | Nguyễn Văn Hiền (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thuý Kiều, 1977,làm ruộng | |
| | 12/01/2005 | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205007636 | | | | | | |
| 220 | Lê Đức Giàu | Sinh viên ĐH Y | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y | Lê Văn Buôl, 1975, Bác sĩ | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Gấm, 1976, Buôn bán | |
| | 26/5/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205002508 | | | | | | |
| 221 | Lê Hữu Lý | Sinh viên ĐH Ngôn Ngữ Anh | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Ngôn Ngữ A | Lê Thanh Tiền, 1974, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Thuỳ Linh, 1974, Công nhân | |
| | 30/5/2005 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205006612 | | | | | | |
| 222 | Lê Văn Hửu | Sinh viên ĐH Y | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y | Lê Văn Út, 1983,làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Trần Thị Tú Quyên, 1984, Làm ruộng | |
| | 03/8/2005 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205015686 | | | | | | |
| 223 | Nguyễn Trọng Phúc | Sinh viên ĐH QTKD | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Nguyễn Văn Khương, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Công Thương TPH | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Kỳ Duyên, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/8/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205013933 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 224 | Đặng Minh Huy | Sinh viên ĐH Xây dựng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Xây dựng | Đặng Tấn Việt, 1980, giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Ngọc Diễm, 1980, giáo viên | |
| | 25/08/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001557 | | | | | | |
| 225 | Hồ Khắc Nguyện | Sinh viên ĐH Kỹ Thuật ô tô | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kỹ Thuật ô | Hồ Minh Tâm, 1977, giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH GTVT TP. Hồ Chí | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Cẩm Em, 1978, giáo viên | |
| | 26/9/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205006761 | | | | | | |
| 226 | Lê Nguyễn Trung Lực | Sinh viên QT dịch vụ du lịch | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | QT dịch vụ du lị | Lê Quốc Em, 1980, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN TPHCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Cẩm Nhung, 1982, Công nhân | |
| | 20/10/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206001341 | | | | | | |
| 227 | Diệp Minh Huy | Sinh viên CĐ CNTP | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNTP | Diệp Minh Tú, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Trường CĐ Kiên Giang | Nông dân | Không | Hồ Thị Liễu Cam, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/4/2007 | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016166 | | | | | | |
| 228 | Huỳnh Mẫn Đạt | Học sinh TTGDTX | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Huỳnh Mẫn, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường GDTX Phường Rạch G | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Tím, 1986, Làm ruộng | |
| | 05/12/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207012593 | | | | | | |
| 229 | Trần Văn Phát | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Trần Ngọc Du, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Danh Thị Kiển, 1979, Làm ruộng | |
| | 28/4/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207014598 | | | | | | |
| 230 | Nguyễn Ngọc Tài | Học sinh TTGDTX | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Hoàng Ngân, 1982, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | TTGDNN&GDTX Cụm Gò Qu | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Ngọc Dưỡng, 1984, Công nhân | |
| | 13/10/2007 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207004717 | | | | | | |
| 231 | Dương Tam Nhựt | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Dương Minh Sang, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Ngọc Mãi, 1988, Làm ruộng | |
| | 13/11/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207002411 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 232 | Huỳnh Nguyễn Thăng Long | Sinh viên ĐH CN KT Xây dựng | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN KT Xây | Huỳnh Ngọc Nguyên, 1980, Công chức | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Trân, 1981, Công chức | |
| | 26/12/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207015530 | | | | | | |
| 233 | Nguyễn Minh Khôi | Sinh viên CĐ Hàn | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Hàn | Nguyễn Văn Thái, 1980, làm thuê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ KT Cao Thắng | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Võ Thị Mỹ Duyên, 1985, làm thuê | |
| | 22/02/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208014630 | | | | | | |
| 234 | Huỳnh Huy Nhân | Sinh viên ĐH Thiết Kế đồ họa | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thiết Kế đồ | Huỳnh Thanh Phong, 1965, buôn bán | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huệ, 1970, buôn bán | |
| | 26/02/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208006821 | | | | | | |
| 235 | Nguyễn Phi Long | Sinh viên ĐH Du lịch | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Du lịch | Nguyễn Văn Mọi, 1975, làm thuê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tiếp, 1979, làm thuê | |
| | 19/5/2008 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208005869 | | | | | | |
| 236 | Nguyễn Minh Phú | Sinh Viên ĐH QTKD | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTKD | Nguyễn Minh Phụng, 1984, làm thuê | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Huệ, 1984, làm thuê | |
| | 16/8/2008 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208004904 | | | | | | |
| 237 | Lê Anh Tuấn | Sinh viên CĐ Y | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Y | Lê Kiên, 1976, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Y tế Rạch Giá | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lưu Thị Thu Em, 1976, làm ruộng | |
| | 31/8/2008 | Không | | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208005788 | | | | | | |
| 238 | Nguyễn Thiện Nhân | Sinh viên CĐ nghề Rạch Giá | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ nghề Rạch G | Nguyễn Văn Phúc, 1984, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ nghề Rạch Giá | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Hoàng Út, 1983, làm ruộng | |
| | 10/9/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208008268 | | | | | | |
| 239 | Trần Minh Đăng | Sinh viên ĐH xây dựng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH xây dựng | Trần Thanh Đành, 1967, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Lài, 1971, Làm ruộng | |
| | 30/03/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204006397 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 240 | Nguyễn Vĩ Đang | Sinh viên KT Hình ảnh y học | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | KT Hình ảnh y h | Nguyễn Văn Thương, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Võ Thị Phận, 1985, Làm ruộng | |
| | 08/01/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002509 | | | | | | |
| 241 | Nguyễn Hoàng Vương | Sinh viên ĐH Bách khoa | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Bách khoa | Nguyễn Hoàng Linh, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐHQG TP. Hồ Chí Minh | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phan Thị Thắm, 1979, Làm ruộng | |
| | 10/11/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002175 | | | | | | |
| 242 | Trần Văn Thiết | Sinh viên ĐH CN KT Ô tô | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN KT Ô tô | Trần Văn Hạnh, 1969,làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tha, 1970, Làm ruộng | |
| | 13/12/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002170 | | | | | | |
| 243 | Lê Văn Chương | Sinh viên ĐH CN KT ô tô | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN KT Ô tô | Lê Văn Trên, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Lâm Thị Út Sữa, 1984, Làm ruộng | |
| | 02/01/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206007834 | | | | | | |
| 244 | Bùi Nguyễn Khánh Duy | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Bùi Văn Giới, 1979, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cửu Long | tinh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hường, 1982, Làm ruộng | |
| | 01/9/2006 | Không | tinh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206010047 | | | | | | |
| 245 | Lê Bão Tường | Sinh viên ĐH CN Điện | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN Điện | Lê Văn Đầy, 1975, giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cửu Long | tinh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Lê Thị Thuý Nhỏ, 1976, Làm ruộng | |
| | 19/01/2006 | Không | tinh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002605 | | | | | | |
| 246 | Nguyễn Chí Đăng | Sinh viên ĐH TCNH | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH TCNH | Nguyễn Văn Miên, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Diệu, 1973, Làm ruộng | |
| | 20/01/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002604 | | | | | | |
| 247 | Lê Trọng Nhân | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Lê Văn Kiệm, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH SPKT Vĩnh Long | tinh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Phạm Thị Gọn, 1983, Làm ruộng | |
| | 09/9/2006 | Không | tinh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206006431 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 248 | Vũ Đình Dũng | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Vũ Đình Kỳ, 1969, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thoa, 1972, Làm ruộng | |
| | 07/11/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002245 | | | | | | |
| 249 | Nguyễn Quốc Kiệt | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Nguyễn Văn Những, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Kim Chi, 1981, Làm ruộng | |
| | 30/11/2006 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002502 | | | | | | |
| 250 | Nguyễn Phúc Lộc | Sinh viên CĐ Điện Lực | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Điện Lực | Nguyễn Văn Đây, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Điện lực TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đỗ Minh Khoa, 1985, Làm ruộng | |
| | 16/02/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207011470 | | | | | | |
| 251 | Trần Minh Nhật | Sinh viên ĐH TCNH | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH TCNH | Trần Văn Quân, 1985, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Mai Thị Kim Em, 1984, Làm ruộng | |
| | 30/7/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014297 | | | | | | |
| 252 | Nguyễn Trí Hậu | Sinh viên Đại học KT XD | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | Đại học KT XD | Nguyễn Văn Trung, 1981, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Xây dựng Miền Tâ | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều Em, 1981, làm ruộng | |
| | 16/4/2008 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208001505 | | | | | | |
| 253 | Nguyễn Văn Trường | Học sinh THPT | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Chính, 1974, chết | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường THPT Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Mai Thi Kỳ, 1975, làm ruộng | |
| | 15/4/2008 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208013847 | | | | | | |
| 254 | Bùi Ngọc Hải | Sinh viên ĐH QTDV DL | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QTDV DL | Bùi Văn Thiệt, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lình, 1985, Làm ruộng | |
| | 11/01/2005 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205010466 | | | | | | |
| 255 | Nguyễn Minh Tâm | Sinh viên ĐH TC-NH | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH TC-NH | Nguyễn Minh Triết 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Ngoại thương | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngoan 1981, Làm ruộng | |
| | 12/01/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205008110 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 256 | Nguyễn Nhật Huy | Sinh viên ĐH Maketting | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Maketting | Nguyễn Văn Chương, 1973, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Cẩm, 1979, Giáo viên | |
| | 10/03/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002179 | | | | | | |
| 257 | Bùi Nguyễn Quan Quy | Sinh viên ĐH Luật Hành chính | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật Hành | Bùi Văn Ngà, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều, 1980, Làm ruộng | |
| | 02/4/2005 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091200002507 | | | | | | |
| 258 | Phạm Văn Tính | Sinh viên ĐH GD thể chất | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH GD thể chấ | Phạm Văn Ngon, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH SP TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Loan, 1986, Làm ruộng | |
| | 20/5/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 372132175 | | | | | | |
| 259 | Nguyễn Quốc Vĩ | Sinh viên CĐ NTTS | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ NTTS | Nguyễn Cưu Ghi, 1978, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ KT-KT Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Ngô Thị Đèo, 1979, Làm ruộng | |
| | 05/08/2005 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 09120504061 | | | | | | |
| 260 | Phạm Vi Tường | Sinh viên ĐH QT Thuỷ sản | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QT Thuỷ sả | Phạm Văn Vũ 1965, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Thị Liên 1976, Làm ruộng | |
| | 05/8/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205012942 | | | | | | |
| 261 | Võ Hải Đăng | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Võ Văn Dư, 1983, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Bùi Thị Khéo,1983, Làm ruộng | |
| | 18/09/2005 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002596 | | | | | | |
| 262 | Nguyễn Trọng Nhân | Sinh viên ĐH KH máy tính | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KH máy tính | Nguyễn Văn Thi, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH CN-KT Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Diện, 1982, Làm ruộng | |
| | 14/10/2005 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091205002506 | | | | | | |
| 263 | Nguyễn Ngọc Đường | Sinh viên CĐ CN Ôtô | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN Ôtô | Nguyễn Văn Đen, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao đẳng kiên giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Đào Thị Nguyệt, 1981, Làm ruộng | |
| | 26/01/2006 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206007835 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 264 | Nguyễn Chí Bằng | Sinh viên ĐH Y khoa | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y khoa | Nguyễn Chí Công, 1980, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Võ Trường Toản | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Hồ Thị Nhi, 1980, Công nhân | |
| | 02/9/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 09120601603 | | | | | | |
| 265 | Nguyễn Ngọc Tài | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Nguyễn Văn Tự, 1983, Giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ái Ngà, 1984, Làm ruộng | |
| | 10/6/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206004195 | | | | | | |
| 266 | Phạm Chí Vĩ | Sinh viên ĐH KT-TC NH | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT-TC NH | Phạm Văn Út,1989, Công nhân | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Tây Đô | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Huyền, 1987, Công nhân | |
| | 17/11/2006 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206008611 | | | | | | |
| 267 | Châu Đình Khang | Sinh viên ĐH Quản lý TN&MT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Quản lý TN | Châu Văn Phúc, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đinh Thị Tho (chết) | |
| | 21/12/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206012566 | | | | | | |
| 268 | Danh Trí Nguyện | Sinh viên CĐ CN KT điện tử | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CN KT điện | Danh Nâu, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường Cao Đẳng Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Danh Thị Loan, 1983, Làm ruộng | |
| | 10/01/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207000351 | | | | | | |
| 269 | Nguyễn Trọng Phúc | Sinh viên ĐH Maketting | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Maketting | Nguyễn Văn Kỉnh, 1987, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Hutech | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Bé Liễu, 1981, Làm ruộng | |
| | 19/02/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207000166 | | | | | | |
| 270 | Phạm Hoàng Khải | Sinh viên ĐH GD thể chất | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH GD thể chất | Phạm Văn Ngon, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | ĐH SP TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Loan, 1986, Làm ruộng | |
| | 21/02/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207016797 | | | | | | |
| 271 | Đặng Hoàng Duy | Sinh viên ĐH QLTNMT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QLTNMT | Đặng Văn Thái, 1987, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Phạm Thị Khuyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 24/02/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207018154 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 272 | Phạm Hữu Nhơn | Sinh viên ĐH XD | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH XD | Phạm Văn Cận, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Út Dễ, 1984, Làm ruộng | |
| | 03/3/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207008775 | | | | | | |
| 273 | Trần Hoàng Huy | Sinh viên ĐH QLTNMT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QLTNMT | Trần Hoàng Nam, 1969, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Luối, 1977, Làm ruộng | |
| | 28/4/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207013602 | | | | | | |
| 274 | Trần Văn Phố | Sinh viên ĐH CNOT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNOT | Trần Văn Thảo, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Cao Thị Nga, 1972, Làm ruộng | |
| | 20/5/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207004799 | | | | | | |
| 275 | Phạm Nhựt Duy | Sinh viên ĐH QL Xây dựng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH QL Xây dự | Phạm Văn Dài, 1977, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Sữ Thị Tiền, 1976, Làm ruộng | |
| | 08/7/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207007480 | | | | | | |
| 276 | Nguyễn Văn Nhật | Sinh viên CĐ Điện lạnh | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ Điện lạnh | Nguyễn Văn Được Anh, 1980, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Truyền, 1982, Làm ruộng | |
| | 08/9/2007 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207013028 | | | | | | |
| 277 | Nguyễn Đăng Khoa | Sinh viên ĐH Ngôn ngữ Anh | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Ngôn ngữ A | Nguyễn Văn Đấu, 1975, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Đặng Thị Oanh, 1978, Làm ruộng | |
| | 21/11/2007 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207001870 | | | | | | |
| 278 | Mai Trung Kiên | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Mai Văn Kha, 1983, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH CN KT Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phạm Thị Cẩm Huyền, 1983, làm ruộng | |
| | 03/01/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208008187 | | | | | | |
| 279 | Trần Thái Khang | Sinh viên ĐH CNTT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CNTT | Trần Văn Mến, 1983, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Châu Thị Duyên, 1987, làm ruộng | |
| | 27/01/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208007320 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 280 | Phạm Văn Khang | Sinh viên CĐ CNKT ĐT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNKT ĐT | Phạm Văn Công, 1975, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Trần Thị Luyến, 1977, làm ruộng | |
| | 24/02/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208012579 | | | | | | |
| 281 | Mai Tiến Chuyển | Sinh viên ĐH Thanh Tra | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Thanh Tra | Mai Văn Chinh, 1980, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Học viện TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng, 1988, làm ruộng | |
| | 27/3/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006227 | | | | | | |
| 282 | Võ Như Phước | Sinh viên ĐH Y khoa | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Y khoa | Võ Văn Sang, 1985, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Trà Vinh | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Cao Thị Chín, 1985, làm ruộng | |
| | 08/4/2008 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208003359 | | | | | | |
| 283 | Đào Vũ Khương | Sinh viên CĐ CNKT CK | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNKT CK | Đào Văn Kha, 1985, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Lệ Thi, 1988, làm ruộng | |
| | 27/10/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208006029 | | | | | | |
| 284 | Phan Văn Duy | Sinh viên CĐ CNKT ĐT | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ CNKT ĐT | Phan Văn Mít, 1976, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ Kiên Giang | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Tròn, 1976, làm ruộng | |
| | 12/12/2008 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208016948 | | | | | | |
| 285 | Phạm Minh Chí | Sinh viên ĐH CN ô tô | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN ô tô | Phạm Văn Minh, 1972, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Nam Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1970, Làm ruộng | |
| | 22/03/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204017320 | | | | | | |
| 286 | Đỗ Hoàn Hôn | Sinh viên ĐH Giáo dục thể chấ | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Giáo dục TC | Đỗ Văn Chiến, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Trần Thị Ngới, 1973, Làm ruộng | |
| | 01/03/2004 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204002342 | | | | | | |
| 287 | Trần Nhật Hào | Sinh viên ĐH NTTS | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NTTS | Trần Văn Sơn, 1973, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Võ Thị Bích Như, 1983, Làm ruộng | |
| | 18/12/2004 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204001712 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 288 | Phan Trần Bình Khôi | Sinh viên ĐH xây dựng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH xây dựng | Phan Văn Hằng (chết) | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Miền Tây | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Trần Thị Lẹ, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/21/2006 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 092206011253 | | | | | | |
| 289 | Phan Thế Hiển | Sinh viên ĐH KT Ô tô | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT Ô tô | Phan Ngọc Trung, 1984, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH GTVT, TP. HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hương, 1988, Làm ruộng | |
| | 9/14/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206010153 | | | | | | |
| 290 | Bùi Thái Tổng | Sinh viên ĐH NN CN cao | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NN CN cao | Bùi Văn Tặng, 1981, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Thái Nguyên | tỉnh Thái Nguyên | Nông dân | Không | Bùi Thị Diễm, 1981, Làm ruộng | |
| | 01/11/2006 | Không | tỉnh Thái Nguyên | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206002247 | | | | | | |
| 291 | Lê Nhựt Hào | Sinh viên ĐH xây dựng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH xây dựng | Lê Văn Hợp, 1982, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Đặng Thanh Trang, 1986, Làm ruộng | |
| | 12/22/2006 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091206012921 | | | | | | |
| 292 | Lê Văn Khánh Linh | Sinh viên ĐH maketting | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH maketting | Lê Văn Mận, 1970, Làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phạn Thị Tuyết, 1979, Làm ruộng | |
| | 09/01/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207002034 | | | | | | |
| 293 | Nguyễn Quốc Thịnh | Sinh viên Đại học Luật Kinh tế | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Luật Kinh tế | Nguyễn Văn Sáu, 1975, giáo viên | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Kiên Giang | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Nguyễn Hồng Nguyên, 1978, Làm ruộng | |
| | 15/10/2007 | | xã Châu Thành, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207003128 | | | | | | |
| 294 | Danh Tuấn Kiệt | Sinh viên ĐH Sư phạm | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Sư phạm | Danh Tấn, 1979, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Thị Ny, 1987, làm ruộng | |
| | 07/02/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208010423 | | | | | | |
| 295 | Trương Minh Chí | Sinh viên CĐ HDDL | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | CĐ HDDL | Trương Văn Út, 1978, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường CĐ CN Sài Gòn | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Thị Hạnh, 1978, làm ruộng | |
| | 15/12/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208012173 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 296 | Nguyễn Nam Định | Sinh viên ĐH Triết học | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Triết học | Nguyễn Văn Mai, 1972, làm ruộng | Điểm g, khoản 1, Điều 41 Luật NVQS năm 2015 |
| | Không | Trường ĐH Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Phạm Thị Sương, 1970, làm ruộng | |
| | 03/9/2008 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208010043 | | | | | | |
| 297 | Bùi Văn Đạt | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Bùi Văn Chiến, 1969, Làm ruộng | Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thương, 1971, Làm ruộng | |
| | 05/07/2001 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Quách Thị Thảo, 2001, Làm ruộng | |
| | 091201010906 | | | | | | |
| 298 | Lê Văn Vẽ | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Vui, 1975, Làm ruộng | Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Cẩm Hường, 1976, Làm ruộng | |
| | 15/01/2005 | Không | | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205007526 | | | | | | |
| 299 | Phan Tuấn Kiệt | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Lèo, 1975, Làm ruộng | Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đỗ Bích Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 02/04/2004 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204004688 | | | | | | |
| 300 | Phan Tuấn Cường | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Phan Văn Lèo, 1975, Làm ruộng | Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Đỗ Bích Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 05/8/2005 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205013377 | | | | | | |
| 301 | Lê Trung Kiên | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lê Văn Bé, 1978, Làm ruộng | Không đủ tiêu chuẩn đạo đức chính trị |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Nông dân | Không | Phạm Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 5/11/2006 | Không | | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001532 | | | | | | |
| 302 | Lê Thanh Phong | thợ hớt tóc | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Lên, 1978, (Chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Mỹ Thanh, 1978, Làm ruộng | |
| | 3/5/2001 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201004182 | | | | | | |
| 303 | Lê Phúc Duy | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Mười (ly dị) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan T Mộng Tiền, 1976, Làm ruộng | |
| | 13/11/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Nguyễn T Thuỷ Tiên, 2000, Làm ruộng | |
| | 091201008422 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 304 | Quách Văn Linh | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Quách Văn Kiên, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Thảo, 1969, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202004048 | | | | | | |
| 305 | Nguyễn Minh Nhí | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1972, Làm ruộng | |
| | 31/7/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091202010475 | | | | | | |
| 306 | Nguyễn Văn Trưởng | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tưởng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sáu, 1979, Làm ruộng | |
| | 21/8/2002 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Trần Thị Nghi, 2004, Làm ruộng | |
| | 091202014425 | | | | | | |
| 307 | Nguyễn Trung Nguyên | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Việt Hải, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm T Mộng Nghi, 1983, Làm ruộng | |
| | 10/2/2003 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004781 | | | | | | |
| 308 | Trần Văn Chí Khanh | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Điệp, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lâm Thị Đầy, 1979, Làm ruộng | |
| | 24/3/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203018848 | | | | | | |
| 309 | Hoàng Văn Tiền | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Hoàng Phước Hải, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê T Hồng Tím, 1979, Làm ruộng | |
| | 20/4/2003 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203004283 | | | | | | |
| 310 | Lê Hoài Nhân | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Thanh Vũ, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lài, 1985, Làm ruộng | |
| | 10/5/2003 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091203003359 | | | | | | |
| 311 | Phan Vũ Kha | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Đậm, 1980, bỏ xứ | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | | |
| | 24/6/2003 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203009453 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 312 | Nguyễn Chí Nguyện | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Điển, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng, AG | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Xuyên, 1979, Làm ruộng | |
| | 11/9/2003 | Không | xã U Minh Thượng, AG | Kinh, không | Không | Trương T Lệ Trinh, 2006, Làm ruộng | |
| | 091203015129 | | | | | | |
| 313 | Lê Văn Pháp | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Thảo, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Ngô Thị Miên, 1983, Làm ruộng | |
| | 29/9/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Thạch Thị Mỹ Ngọc, 2005, Làm ruộng | |
| | 091203003261 | | | | | | |
| 314 | Huỳnh Văn Tuấn | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Mi, 1981, Chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hạnh, 1983, Làm ruộng | |
| | 4/1/2004 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204005241 | | | | | | |
| 315 | Nguyễn Bình Quý | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Quân, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sóc, 1974, Làm ruộng | |
| | 9/3/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204001099 | | | | | | |
| 316 | Phú Như Thuần | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phú Văn Mến, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Thúy, 1977, Làm ruộng | |
| | 7/4/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204011992 | | | | | | |
| 317 | Nguyễn Dủ Luân | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tận, (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Hân, 1973, Làm ruộng | |
| | 5/5/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204002074 | | | | | | |
| 318 | Nguyễn Quyết Lắm | Làm thuê | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 2/12 | Nguyễn Văn Chiến, 1964, (chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Um, 1963, Làm ruộng | |
| | 24/6/2004 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001696 | | | | | | |
| 319 | Lê Chí Tân | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Tấn Huyện, (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều, 1981, Làm ruộng | |
| | 16/7/2004 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204013736 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 320 | Nguyễn Hoài An | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1961, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Minh Thành | xã U Minh Thượng | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tươi, 1966, Làm ruộng | |
| | 27/7/2004 | Không | xã U Minh Thượng | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204008725 | | | | | | |
| 321 | Huỳnh Hoàng Phi | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Muôi, (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tuyết, 1979, Làm ruộng | |
| | 28/11/2004 | Không | | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091204009365 | | | | | | |
| 322 | Lê Thanh Khang | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Thanh Nhàn, 1982, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phường, 1984, Công nhân | |
| | 19/12/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204003470 | | | | | | |
| 323 | Nguyễn Thanh Đề | Làm thuê | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Thanh Liêm, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng, AG | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Kim Thúy, 1980, Làm ruộng | |
| | 5/1/2005 | Không | xã U Minh Thượng, AG | Kinh, không | Không | Giang Thị Như Ý, 2006, Làm ruộng | |
| | 091205009432 | | | | | | |
| 324 | Huỳnh Minh Khang | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Luốt, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Vũ Hồng Thơ, 1978, Làm ruộng | |
| | 19/1/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001092 | | | | | | |
| 325 | Nguyễn Mạnh Vĩ | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nhơn, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Cà Phal, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/2/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Võ T Ngọc Trân, 2008, Làm ruộng | |
| | 091205001536 | | | | | | |
| 326 | Huỳnh Minh Thuận | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Hồ Văn Gấm, 1982, Làm ruộng (Cha sau) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê T Kiều Nương, 1985, Làm ruộng | |
| | 10/2/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Vương Thùy Dương, 2007, Làm ruộng | |
| | 91205008177 | | | | | | |
| 327 | Phan Duy Khánh | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Quốc Việt, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Cẩm Loan, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/4/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205010522 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 328 | Nguyễn Nhật Linh | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | (không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Cà Mau | tỉnh Cà Mau | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Biếc, 1972, Công nhân | |
| | 5/5/2005 | Không | tỉnh Cà Mau | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205003520 | | | | | | |
| 329 | Nguyễn Hữu Nghĩa | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Ngọc, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Bích Ngự, 1978, Làm ruộng | |
| | 20/5/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001054 | | | | | | |
| 330 | Huỳnh Trần Khả | Làm thuê | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Thạch Em, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Thu Em, 1980, Làm ruộng | |
| | 29/7/2005 | Không | xã U Minh Thượng | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001125 | | | | | | |
| 331 | Huỳnh Hoàng Kha | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Tấn Đá, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Hạnh, 1986, Làm ruộng | |
| | 8/9/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001064 | | | | | | |
| 332 | Lâm Thành Đạt | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lâm Duy Lịnh, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thị Ngân, 1979, Làm ruộng | |
| | 12/10/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Nguyễn Thị Yến Khoa, 2006, Làm ruông | |
| | 091205001123 | | | | | | |
| 333 | Lâm Thanh Huy | Bảo vệ điện máy xanh | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lâm Thanh Thiên, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Phong, AG | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Bạch Thị Kiều, 1978, Làm ruộng | |
| | 17/10/2005 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001513 | | | | | | |
| 334 | Nguyễn Vũ Luân | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hiệp, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Dễ, 1975, Làm ruộng | |
| | 19/11/2005 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205010686 | | | | | | |
| 335 | Nguyễn Trọng Tình | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Vẹn, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Diệu, 1985, Làm ruộng | |
| | 7/12/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205002127 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 336 | Khương Trần Khắc Huy | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Khương Hùng Tám, 1960, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Phước, 1962, Làm ruộng | |
| | 17/12/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001657 | | | | | | |
| 337 | Phạm Vĩ Khiêm | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Minh Luân, 1985, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Nha, 1986, Công nhân | |
| | 01/01/2006 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Huỳnh T Ta Ly Nha, Làm ruộng | |
| | 091206001705 | | | | | | |
| 338 | Lê Thanh Dy | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Dững, 1984, Chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bé, 1985, Công nhân | |
| | 15/1/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206013845 | | | | | | |
| 339 | Trần Thiện Tiểu | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Cải Anh, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Quyên, 1969, Làm ruộng | |
| | 25/03/2006 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206001119 | | | | | | |
| 340 | Lê Nguyên Vẹn | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Thanh, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bé, 1980, Làm ruộng | |
| | 24/05/2006 | Không | | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091206002027 | | | | | | |
| 341 | Trần Quốc Cường | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Trung Dũng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu, 1984, Làm ruộng | |
| | 03/08/2006 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Võ T Tiểu Muội, 2005, Làm ruộng | |
| | 091206009375 | | | | | | |
| 342 | Huỳnh Văn Hảo | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Nhân, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Trinh, 1983, Làm ruộng | |
| | 07/09/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206014027 | | | | | | |
| 343 | Huỳnh Vĩnh Kỳ | Học nghề | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Luốt, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Hồng Thơ, 1978, Làm ruộng | |
| | 09/11/2006 | Không | xã U Minh Thượng | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001099 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 344 | Nguyễn Phúc Tài | Làm thuê | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Xuân, 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sự, 1990, Làm ruộng | |
| | 19/2/2007 | Không | xã U Minh Thượng | Kinh, không | Không | Không | |
| | 093207001217 | | | | | | |
| 345 | Lê Công Triển | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Công Tiến, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chúc Linh, 1989, Làm ruộng | |
| | 24/4/2007 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207010902 | | | | | | |
| 346 | Trần Chí Hữu | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Hậu, 1984, Làm ruộng (Ly hôn) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Tuyết Lẫy, 1987, Làm ruộng | |
| | 27/7/2007 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207016714 | | | | | | |
| 347 | Phạm Quốc Kiệt | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Nhả, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trang, 1979, Làm ruộng | |
| | 13/8/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207004575 | | | | | | |
| 348 | Nguyễn Khang | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn An, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích, 1975, Làm ruộng | |
| | 8/9/2007 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207014296 | | | | | | |
| 349 | Lê Quốc Khánh | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Sáng, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Khôn, 1985, Làm ruộng | |
| | 10/9/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207003835 | | | | | | |
| 350 | Nguyễn Nhựt Thiên | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đạt, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Cần Thơ | Nông dân | Không | Lê Bích Diệu, 1980, Làm ruộng | |
| | 29/9/2007 | Không | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207011271 | | | | | | |
| 351 | Nguyễn Văn Đại | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Đực, 1979, Chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Thị Xuân, 1979, Làm ruộng | |
| | 3/10/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207002584 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 352 | Nguyễn Gia Huy | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Quân; 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sóc; 1974, Làm ruộng | |
| | 16/04/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208009764 | | | | | | |
| 353 | Trần Quốc Thái | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Tư; 1986, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Nông dân | Không | Nguyễn T Minh Sương; 1984, Công nhân | |
| | 13/5/2008 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208005770 | | | | | | |
| 354 | Huỳnh Đại Vỹ | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Kết; Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Văn Ánh; Làm ruộng | |
| | 11/7/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208009134 | | | | | | |
| 355 | Nguyễn Nhật Hào | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Biết; 1972, Làm ruộng | |
| | 11/7/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208004598 | | | | | | |
| 356 | Lê Văn Hóa | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Hường; 1987, Công nhân | |
| | 01/8/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208012493 | | | | | | |
| 357 | Huỳnh Trưởng | Công nhân | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Quẹo; 1980, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn T Diễm Ngoan; 1989, Công nhân | |
| | 19/9/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 91208011997 | | | | | | |
| 358 | Nguyễn Anh Đông | Làm ruộng | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Nghiệp; 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nương; 1986, Làm ruộng | |
| | 12/12/2008 | Không | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208014655 | | | | | | |
| 359 | Nguyễn Trọng Nguyễn | Công nhân | ấp Kênh 3, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Thị Điều; 1980 | Trình độ văn hóa thấp |
| | 06/02/2009 | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | | |
| | Không | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 09120905443 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 360 | Nguyễn Tấn Tài | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Sang, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1978, Làm ruộng | |
| | 20/6/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091201005056 | | | | | | |
| 361 | Nguyễn Văn Toàn | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | (Không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đẹp, 1982, Làm ruộng | |
| | 1/1/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202012039 | | | | | | |
| 362 | Huỳnh Văn Khan | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Tâm, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Cao Thị Bích Dân, 1976, Làm ruộng | |
| | 17/6/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202003830 | | | | | | |
| 363 | Nguyễn Thanh Tâm | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Út, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Kim Hồng Thắm, 1973, Làm ruộng | |
| | 20/10/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202000854 | | | | | | |
| 364 | Ngô Phát Tài | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Ngô Hoàng Tuấn, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | Minh Thuận, AG | xã U Minh Thượng, AG | Nông dân | Không | Lâm Thị Đẹp, 1975, Làm ruộng | |
| | 21/2/2003 | Không | Minh Thuận, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203018358 | | | | | | |
| 365 | Cổ Văn Tàu Bắc | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Cổ Văn Dũng, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Kim Đào, 1976, Làm ruộng | |
| | 24/4/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203006835 | | | | | | |
| 366 | Nguyễn Tuấn Vũ | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Út, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Kim Hồng Thắm, 1977, Làm ruộng | |
| | 16/8/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202002321 | | | | | | |
| 367 | Lê Vĩ Khang | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Sang, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn T Mỹ Ái, 1983, Làm ruộng | |
| | 21/11/2003 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203009175 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 368 | Lê Văn Quyến | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Đuôl, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đỗ Thị Cẩm, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/12/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203016594 | | | | | | |
| 369 | Nguyễn Vũ Thạch | Làm thuê | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Đấu Anh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngọc, 1984, Làm ruộng | |
| | 2/4/2004 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001306 | | | | | | |
| 370 | Cổ Loa Thành | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Cổ Văn Dũng, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Kim Đào, 1976, Làm ruộng | |
| | 15/9/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091200008854 | | | | | | |
| 371 | Trần Phúc Khang | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Mười Chín, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn T Cà Buôl, 1980, Làm ruộng | |
| | 22/11/2004 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001292 | | | | | | |
| 372 | Võ Trường An | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Giới, 1973, (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Lil, 1976, Làm ruộng | |
| | 23/12/2004 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001529 | | | | | | |
| 373 | Nguyễn Tuấn Lợi | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Út, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Kim Hồng Thắm, 1977, Làm ruộng | |
| | 22/2/2005 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 91205001307 | | | | | | |
| 374 | Trần Hải Đăng | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Hoàng Tuấn, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần T Thùy Trang, 1976, Làm ruộng | |
| | 11/4/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205006718 | | | | | | |
| 375 | Nguyễn Thiện Khang | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Minh Chiến, 1961, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đặng Hồng Cẩm, 1962, Công nhân | |
| | 3/1/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001056 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 376 | Hồ Văn Thành | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Hồ Văn Nghiệp, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn T Mộng Kiều, 1986, Làm ruộng | |
| | 24/12/2005 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001884 | | | | | | |
| 377 | Lê Tuấn Kiệt | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Được, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1974, Làm ruộng | |
| | 7/2/2006 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206007268 | | | | | | |
| 378 | Ngô Thanh Đấu | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Ngô Hoàng Ngân, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Ngô T Thu Giàu, 1982, Làm ruộng | |
| | 30/4/2006 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 082206013142 | | | | | | |
| 379 | Nguyễn Phúc Kha | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh T Thu Ba, 1989, Làm ruộng | |
| | 24/09/2006 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001088 | | | | | | |
| 380 | Nguyễn Minh Vỷ | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh | Nông dân | Không | Nguyễn Chúc Ly, 1990, Công nhân | |
| | 08/12/2006 | Không | ấp Vĩnh Trinh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001045 | | | | | | |
| 381 | Nguyễn Vũ An | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Đấu Anh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngọc, 1984, Làm ruộng | |
| | 22/12/2006 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206004613 | | | | | | |
| 382 | Nguyễn Tiến Trực | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Nuôi, 1961, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Yến, 1964, Làm ruộng | |
| | 27/7/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207007362 | | | | | | |
| 383 | Tè Văn Trọng | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Tè Sang, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trịnh Hoàng Bé, 1979, Làm ruộng | |
| | 24/7/2007 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207017137 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 384 | Nguyễn Văn Chí Nguyện | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Bằng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thuỷ, 1977, Làm ruộng | |
| | 29/11/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207002066 | | | | | | |
| 385 | Ngô Phát Đạt | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Ngô Hoàng Tuấn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng, AG | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lâm Thị Đẹp, 1977, Làm ruộng | |
| | 3/6/2007 | Không | xã U Minh Thượng, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207017651 | | | | | | |
| 386 | Hồ Chí Vĩ | Làm ruộng | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Hồ Văn Nhẹ, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Liễu, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/12/2007 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207008864 | | | | | | |
| 387 | Phan Trọng Nghĩa | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Hùng; 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Thị Sanh; 1968, Làm ruộng | |
| | 20/11/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208013022 | | | | | | |
| 388 | Giảng Huy Em | Công nhân | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Giảng Văn Uôl; 1975, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích; 1976, Công nhân | |
| | 08/09/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208018362 | | | | | | |
| 389 | Dương Văn Khánh | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Dương Văn Kiệt, 1957, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Mai Thị Huệ, 1958, Làm ruộng | |
| | 1/7/2001 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091201008498 | | | | | | |
| 390 | Trương Bình An | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Dũng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thương, 1979, Làm ruộng | |
| | 17/8/2001 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Nguyễn T Ngọc Trân, 2002, Làm ruộng | |
| | 091201012105 | | | | | | |
| 391 | Nguyễn Hồng Nghị | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tây, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Phương, 1981, Làm ruông | |
| | 27/8/2001 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Bùi Kim Tiến, 2003, Làm ruông | |
| | 091201009332 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 392 | Trần Hoàng Phú | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Thanh Phong, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | VLXD Tiến dũng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn T Khánh An, 1982, Làm ruộng | |
| | 24/1/2002 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202007979 | | | | | | |
| 393 | Trần Tuấn Kiệt | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Trắng, 1978, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhung, 1978, Công nhân | |
| | 20/9/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202015295 | | | | | | |
| 394 | Lê Mạnh Huỳnh | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Liêm, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Quyên, 1971, Làm ruộng | |
| | 30/9/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 0912003005498 | | | | | | |
| 395 | Lê Thanh Tấn | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Thanh Phong, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thanh Tuyền, 1985, Làm ruộng | |
| | 4/4/2003 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203008552 | | | | | | |
| 396 | Phạm Khánh Di | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Triều, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng, AG | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Thanh, 1978, Làm ruộng | |
| | 12/4/2004 | Không | xã U Minh Thượng, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204009420 | | | | | | |
| 397 | Lê Huỳnh Nhựt | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Thanh Tùng, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phan Thị Kiều Thu, 1974, Làm ruộng | |
| | 5/7/2004 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001085 | | | | | | |
| 398 | Nguyễn Thái Toàn | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Đấu Em, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Loan, 1982 Làm ruộng | |
| | 22/5/2005 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205008685 | | | | | | |
| 399 | Nguyễn Chí An | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thái, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lâm Thị Hồng, 1978, Làm ruộng | |
| | 11/9/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205008721 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 400 | Nguyễn Đức Thịnh | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Công Định, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Trinh, 1972, Làm ruộng | |
| | 28/06/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206015225 | | | | | | |
| 401 | Trần Thanh Kiệt | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Đượm, 1976, Chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1978, Làm ruộng | |
| | 20/07/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001112 | | | | | | |
| 402 | Nguyễn Vũ Linh | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Của, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mùi, 1975, Làm ruộng | |
| | 16/08/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206017663 | | | | | | |
| 403 | Huỳnh Văn Dư | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Út, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thêm, 1988, Làm ruộng | |
| | 03/12/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 91206001698 | | | | | | |
| 404 | Trần Dủ Hào | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Mịnh, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan Thị My Til, 1984, Làm ruộng | |
| | 14/12/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206000298 | | | | | | |
| 405 | Nguyễn Vũ Thiên | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hận, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dô, 1984, Làm ruộng | |
| | 14/2/2007 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207000172 | | | | | | |
| 406 | Lưu Văn Dô | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lưu Văn Lợi, 1969, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Đến, 1978, Làm ruộng | |
| | 30/6/2007 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091207007274 | | | | | | |
| 407 | Kiều Hoàng Nhất | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Kiều Văn Út; 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Màu; 1979, Làm ruộng | |
| | 28/3/2008 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208004953 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 408 | Huỳnh Chí Nguyên | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Trung, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đông Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Phạm Kiều Riêng, Công nhân | |
| | 20/04/2008 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 96208000347 | | | | | | |
| 409 | Nguyễn Đình Trương | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Giáo; 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Mai Thị Nhanh; 1975, Làm ruộng | |
| | 7/7/2008 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208002959 | | | | | | |
| 410 | Võ Thành Huy | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Thành Nhân; Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | Bà Rịa Vũng Tàu | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Xuyến; Công nhân | |
| | 17/7/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208009375 | | | | | | |
| 411 | Phan Hoàng Phi | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Thanh Kiệt; 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều Tiên; 1982, Làm ruộng | |
| | 27/08/2008 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091208010241 | | | | | | |
| 412 | Nguyễn Văn Chương | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Minh Thùy; 1963, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Diễm; 1979, Làm ruộng | |
| | 12/12/2008 | Không | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 91208009286 | | | | | | |
| 413 | Huỳnh Chí Cường | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Được, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh T Cẩm Yến, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/4/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 09120100394 | | | | | | |
| 414 | Nguyễn Văn Lãm | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tính, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thương, 1973, Làm ruộng | |
| | 2/5/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091201014392 | | | | | | |
| 415 | Võ Kỳ Em | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Niếp, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Truyền, 1971, Làm ruộng | |
| | 25/5/2001 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Nguyễn Huyền Trang, 2001, Làm ruộng | |
| | 09121010504 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 416 | Đỗ Quốc Nghiêm | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đỗ Văn Cắt, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Sáu, 1974, Làm ruộng | |
| | 19/7/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091201009388 | | | | | | |
| 417 | Nguyễn Ngọc Bền | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần T Cẩm Đào, 1982, Làm ruộng | |
| | 3/8/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202010957 | | | | | | |
| 418 | Nguyễn Văn Dô | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tài, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Châu Thị Nhiên, 1972, Làm ruộng | |
| | 9/9/2001 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091201013270 | | | | | | |
| 419 | Tôn Nhi Khang | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Tôn Văn Cường, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Thuỷ, 1980, Làm ruộng | |
| | 25/10/2001 | Không | | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201008029 | | | | | | |
| 420 | Phạm Thế Hiển | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Tấn (ly hôn) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Ngọc Hân, 1975, Làm ruộng | |
| | 2/12/2001 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091201017103 | | | | | | |
| 421 | Nguyễn Trọng Phúc | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Trạng, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Lài, 1980, Làm ruộng | |
| | 29/6/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202014434 | | | | | | |
| 422 | Trần Văn Dương | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Phương, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng, 1983, Làm ruộng | |
| | 15/4/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202006475 | | | | | | |
| 423 | Huỳnh Đăng Khoa | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Thanh Điền, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Đồng Tháp | tỉnh Đồng Tháp | Nông dân | Không | Đặng Thị Thúy, 1978, Làm ruộng | |
| | 22/1/2002 | Không | tỉnh Đồng Tháp | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202010420 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 424 | Phạm Triệu Vỷ | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | (không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Đèo, 1968, Làm ruộng | |
| | 2/3/2002 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202001544 | | | | | | |
| 425 | Phan Văn Khải Minh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Mến, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Bùi Thị Đấu, 1966, Làm ruộng | |
| | 26/3/2002 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202013082 | | | | | | |
| 426 | Nguyễn Chí Nguyện | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Thẹo, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | Không | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bạn, 1974, Làm ruộng | |
| | 25/4/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202011973 | | | | | | |
| 427 | Nguyễn Hủ Nhân | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Hải, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Thủy, 1975, Làm ruộng | |
| | 27/4/2002 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202003879 | | | | | | |
| 428 | Phan Hải Âu | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Vũ, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Phan Thị Thoảng, 1974, Làm ruộng | |
| | 2/5/2002 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202004763 | | | | | | |
| 429 | Phan Văn Khanh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Vũ, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Bình An, AG | xã Bình An, AG | Nông dân | Không | Võ Thị Hiền, 1982, Làm ruộng | |
| | 2/5/2002 | Không | xã Bình An, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202003879 | | | | | | |
| 430 | Trần Lê Vinh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Trinh, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Lê Thị Út, 1974, Làm ruộng | |
| | 20/6/2002 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202010813 | | | | | | |
| 431 | Phan Ngọc Lợi | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Phan Văn Sang, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Oanh, 1971, Làm ruộng | |
| | 6/7/2002 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202014331 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 432 | Võ Trường Huỳnh Anh | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Trường Dũng Em, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Chơn, 1976, Làm ruộng | |
| | 13/8/2002 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202007606 | | | | | | |
| 433 | Trần Trường An | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Giang, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan Thị Thơ, 1983, Làm ruộng | |
| | 19/10/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Nguyễn Thị Bé Đẹp, 2004, Làm ruộng | |
| | 091202014083 | | | | | | |
| 434 | Nguyễn Quốc Anh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Dĩ, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Nga, 1974, Làm ruộng | |
| | 15/12/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091202001037 | | | | | | |
| 435 | Trần Văn Dương | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Cưng, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đặng Thị Nga, 1983, Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203002127 | | | | | | |
| 436 | Phạm Hoàng Sang | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Sãnh, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhanh, 1965, Làm ruộng | |
| | 1/1/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203012416 | | | | | | |
| 437 | Lê Quàng Khang | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Lê Văn Tuấn (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Oanh (bỏ xứ) | |
| | 19/5/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203010662 | | | | | | |
| 438 | Trần Văn Phúc | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Hết, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Võ Thị Đen, 1981, Làm ruộng | |
| | 25/5/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203009109 | | | | | | |
| 439 | Võ Chí Nguyện | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Kiệt, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan Thị Gìn, 1976, Làm ruộng | |
| | 15/6/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203010871 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 440 | Lê Khải Minh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Hồng Phong, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan Thị Luyền, 1982, Làm ruộng | |
| | 18/7/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Lê T Mỹ Duyên, 2007, Công nhân | |
| | 091203002055 | | | | | | |
| 441 | Lê Trí Bảo | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Lâm, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Thảo Ly, 1978, Làm ruộng | |
| | 18/7/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 096203011622 | | | | | | |
| 442 | Nguyễn Văn Bằng | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nhung, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Liễu, 1970, Làm ruộng | |
| | 11/8/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203003358 | | | | | | |
| 443 | Phan Quốc Việt | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Việt Mỹ, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn T Chúc Ly, 1975, Làm ruộng | |
| | 14/12/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203005257 | | | | | | |
| 444 | Lê Nguyễn Gia Bảo | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Thanh Tâm, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thiện, 1965, Làm ruộng | |
| | 19/12/2003 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203002058 | | | | | | |
| 445 | Trương Hữu Nhân | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trương Công Trang, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Linh, 1973, Làm ruộng | |
| | 22/12/2003 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203000303 | | | | | | |
| 446 | Trần Văn Dương Em | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Trần Văn Cưng, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đặng Thị Nga, 1980, Làm ruộng | |
| | 1/1/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203002085 | | | | | | |
| 447 | Nguyễn Văn Trường | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Bình, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hoà, 1981, Làm ruộng | |
| | 11/3/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204002603 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 448 | Dương Văn Khánh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Dương Văn Út, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nàng, 1985, Làm ruộng | |
| | 19/5/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204000347 | | | | | | |
| 449 | Nguyễn Hoàng Tủy | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Quốc Tuy, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thạch Em, 1982, Làm ruộng | |
| | 9/6/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001805 | | | | | | |
| 450 | Nguyễn Ngọc Phết | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Sơn, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Vũ, 1982, Làm ruộng | |
| | 24/6/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204001072 | | | | | | |
| 451 | Trần Văn Khải | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Ô, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Danh Thị Múa, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/7/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204002646 | | | | | | |
| 452 | Võ Dương Linh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Niếp, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Truyền, 1971, Làm ruộng | |
| | 16/8/2004 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204007942 | | | | | | |
| 453 | Võ Trung Thuận | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Trung Hiếu, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bích, 1986, Làm ruộng | |
| | 9/9/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091204011035 | | | | | | |
| 454 | Lưu Chí Vĩ | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lưu Minh Hiếu, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | Phường Rạch Giá | Phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lê Thị Hồng Yến, 1980, chết | |
| | 17/1/2005 | Không | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001099 | | | | | | |
| 455 | Châu Văn Nhân | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Châu Văn Tùng Em, 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan Thị Huyền, 1981, Làm ruộng | |
| | 6/2/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205014917 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 456 | Châu Văn Tính | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Châu Văn Nhịn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Mành, 1975, Làm ruộng | |
| | 29/3/2005 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205001055 | | | | | | |
| 457 | Trần Văn Ngoan | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Khởi, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Danh Thị Phượng, 1980, Làm ruộng | |
| | 6/4/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205005673 | | | | | | |
| 458 | Nguyễn Văn Lễ | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thảo, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Văn Thị Đẹp, 1974, Làm ruộng | |
| | 19/4/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205004184 | | | | | | |
| 459 | Đoàn Hữu Hậu | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đoàn Văn Tám, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê T Mỹ Hạnh, 1976, Làm ruộng | |
| | 15/5/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205012515 | | | | | | |
| 460 | Quách Thiện Duy | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | (không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Lùng, 1979, Làm ruộng | |
| | 26/5/2005 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205012564 | | | | | | |
| 461 | Ngô Tấn Phát | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Ngô Phước Quang, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Lâm Thị Thuỷ, 1969 Làm ruộng | |
| | 16/11/2005 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091205002094 | | | | | | |
| 462 | Nguyễn Huỳnh Trọng Nguyê | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Việt, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Võ Thị Đen, 1983, Làm ruộng | |
| | 3/1/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 09120600905 | | | | | | |
| 463 | Lâm Văn Đoàn | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lâm Văn Mách, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Tơ Em, 1982, Làm ruộng | |
| | 12/03/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 090206001549 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 464 | Lâm Nhật Tiên | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 1/12 | Lâm Văn Nơi, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Khuyên, 1986, Làm ruộng | |
| | 14/05/2006 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206016242 | | | | | | |
| 465 | Bùi Nhựt Em | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Bùi Văn Thanh, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Sẳn, 1979, Làm ruộng | |
| | 04/06/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206011916 | | | | | | |
| 466 | Trương Văn Nghĩa | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Trần Thị Bé Thu, 1983, Công nhân | |
| | 01/07/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001154 | | | | | | |
| 467 | Huỳnh Hữu Hiền | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Thành Viên, 1982, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nguyên, 1986, Công nhân | |
| | 05/07/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206013595 | | | | | | |
| 468 | Châu Minh Thức | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Châu Văn Mây, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phương, 1973, Làm ruộng | |
| | 24/08/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001541 | | | | | | |
| 469 | Lê Văn Trạng | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Để, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Hà Cẩm Hồng, 1979, Làm ruộng | |
| | 19/09/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206001697 | | | | | | |
| 470 | Trần Minh Khang | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Thanh Đạm, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Trúc, 1980, Làm ruộng | |
| | 27/09/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091206010667 | | | | | | |
| 471 | Nguyễn Văn Quyên | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Lên, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Hằng, 1973, Làm ruộng | |
| | 28/09/2006 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091206001378 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 472 | Lê Văn Vẹn | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Út, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Dương Thị Diễm, 1978, LR (Mẹ sau) | |
| | 11/11/2006 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091206015452 | | | | | | |
| 473 | Lương Văn Tuấn | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lương Văn Phải, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Cao Thị Nhắc, 1983, Làm ruộng | |
| | 26/11/2006 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091206001100 | | | | | | |
| 474 | Đồng Thanh Hiền | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đồng Văn Đẹp, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Đinh Thu Trang, 1987, Làm ruộng | |
| | 24/12/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091206009295 | | | | | | |
| 475 | Bùi Phạm Phát Tài | Công nhân | Tổ 3, ấp Kênh 14 | Trung nông | 5/12 | Bùi Thanh Mừng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Mộng Nghi, 1986, Làm ruộng | |
| | 17/10/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091207003101 | | | | | | |
| 476 | Nguyễn Văn Hoài | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thương, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Thuý Phượng, 1979, Làm ruộng | |
| | 14/1/2007 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207000141 | | | | | | |
| 477 | Châu Văn Thiện Ân | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Châu Văn Thiện Em, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Bạt, 1981, Làm ruộng | |
| | 25/10/2007 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207014232 | | | | | | |
| 478 | Trần Văn Kiệt | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Hết, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Đen, 1981, Làm ruộng | |
| | 8/11/2007 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207017259 | | | | | | |
| 479 | Trần Văn Sang | Làm Ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Vàng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Vẹn 1983, Làm ruộng | |
| | 15/5/2007 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207003524 | | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 480 | Phan Di Ân | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thắng, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phan Thị Thoảng, 1982, Làm ruộng | |
| | 19/4/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091207011251 | | | | | | |
| 481 | Cao Chí Công | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Cao Văn Vũ; 1981, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP.HCM | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Tiết Sương; 1981, Công nhân | |
| | 12/10/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091208012760 | | | | | | |
| 482 | Nguyễn Chí Tánh | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Tài; 1989, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Phấn; 1989, Làm ruộng | |
| | 7/7/2008 | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208003047 | | | | | | |
| 483 | Huỳnh Nhật Quang | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Xil; 1986, Làm ruộng (ly dị) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Ngô Tố Nga; 1982, Công nhân | |
| | 05/09/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091208005561 | | | | | | |
| 484 | Nguyễn Nhựt Anh | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Giang; 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Bảo Kiều; 1990, Làm ruộng | |
| | 25/03/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091208011873 | | | | | | |
| 485 | Nguyễn Thành Tiến | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Điền; 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thảo; 1990, Công nhân | |
| | 31/12/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | '091208012526 | | | | | | |
| 486 | Nguyễn Gia Bảo | Làm ruộng | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Tâm; 1988, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | 15/10/2008 | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mai Phương; 1989, Làm ruộng | |
| | Không | Không | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208003052 | | | | | | |
| 487 | Đặng Hoàng Khởi | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đặng Văn Dũng, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thủy, 1975, Làm ruộng | |
| | 24/4/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091201004164 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 488 | Nguyễn Trung Kiên | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hai, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chi, 1984, Làm ruộng | |
| | 11/9/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 096201001010 | | | | | | |
| 489 | Nguyễn Hoàng Phi | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | (không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Diễm, 1981, Công nhân | |
| | 22/9/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091201007896 | | | | | | |
| 490 | Nguyễn Văn Lợi | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Giàu, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Son, 1975, Làm ruộng | |
| | 11/2/2002 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091202009068 | | | | | | |
| 491 | Phạm Văn Nhã | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Mực, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP, Đồng Nai | TP, Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Màu, 1979, Làm ruộng | |
| | 2/5/2002 | Không | TP, Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091202009311 | | | | | | |
| 492 | Huỳnh Chí Tâm | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Thử, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Cẩm Phùng, 1984, Làm ruộng | |
| | 19/5/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202007245 | | | | | | |
| 493 | Nguyễn Hoàng Vĩnh | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Em, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Gấm, 1977, Làm ruộng | |
| | 1/6/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091202000850 | | | | | | |
| 494 | Lê Vũ Toàn | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Sỉ, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần T Bé Hai, 1973, Làm ruộng | |
| | 11/9/2002 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091202015624 | | | | | | |
| 495 | Nguyễn Trọng Thủ | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Cột, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Thơm, 1981, Làm ruộng | |
| | 10/10/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091203002984 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 496 | Huỳnh Văn Hoài | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Hường, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nguyệt, 1969, Làm ruộng | |
| | 30/11/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202008095 | | | | | | |
| 497 | Trần Văn Ngon | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Đức, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Khen, 1976, Làm ruộng | |
| | 5/1/2003 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091203010772 | | | | | | |
| 498 | Nguyễn Hữu Lưng | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Phương, (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Ngọc Châu, 1977, Làm ruộng | |
| | 20/1/2003 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091203001859 | | | | | | |
| 499 | Võ Văn Thức | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | (không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Quyên, 1971, Làm ruộng | |
| | 8/3/2003 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091203014500 | | | | | | |
| 500 | Nguyễn Văn Bảo | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Thạch Em, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP, Đồng Nai | TP, Đồng Nai | Nông dân | Không | Phạm Thị Trang, 1975, Làm ruộng | |
| | 29/9/2003 | Không | TP, Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091203016293 | | | | | | |
| 501 | Trần Văn Vĩ | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Việt Hùng, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều, 1980, Làm ruộng | |
| | 27/11/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203001539 | | | | | | |
| 502 | Hồ Chiều Đến | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Hồ Chiều Mến, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP, Đồng Nai | TP, Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thu, 1982, Làm ruộng | |
| | 22/12/2003 | Không | TP, Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091203001456 | | | | | | |
| 503 | Nguyễn Gia Bảo | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hưởng, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tươi, 1978, Làm ruộng | |
| | 4/1/2004 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091204003903 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 504 | Nguyễn Văn Khang | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Sỹ, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Nhị, 1983, Làm ruộng | |
| | 5/1/2004 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091204001297 | | | | | | |
| 505 | Nguyễn Trung Nhật | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hai, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | Đặc khu Phú Quốc, AG | Đặc khu Phú Quốc,AG | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chi, 1984, Làm ruộng | |
| | 21/3/2004 | Không | Đặc khu Phú Quốc,AG | Kinh, không | Không | | |
| | 091204003124 | | | | | | |
| 506 | Võ Vũ Kha | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | (Không có cha) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Võ Thị Ánh, 1984, Làm ruộng | |
| | 11/5/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204009116 | | | | | | |
| 507 | Nguyễn Văn Duy | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Nhàn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiềng, 1984, Làm ruộng | |
| | 2/6/2004 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091204012880 | | | | | | |
| 508 | Nguyễn Hoài Nhân | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Minh Tân (Chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nữa, 1977, Làm ruộng | |
| | 17/7/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091204003886 | | | | | | |
| 509 | Nguyễn Hoàng Anh | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Hữu Hoàng, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP, Đồng Nai | TP, Đồng Nai | Nông dân | Không | Dương T Mỹ Xuyên, 1984, Làm ruộng | |
| | 22/8/2004 | Không | TP, Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091204007778 | | | | | | |
| 510 | Phan Hải Âu | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Hải, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Diệu Huyền, 1982, Làm ruộng | |
| | 7/10/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204009419 | | | | | | |
| 511 | Lê Công Tuấn Anh | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Nhu, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 27/11/2004 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Phạm Tiểu Du, 2004, Làm ruộng | |
| | 091204001069 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 512 | Phạm Hữu Tình | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Hồng Biển, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hà, 1976, Làm ruộng | |
| | 19/12/2004 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 0912040116335 | | | | | | |
| 513 | Trần Văn Bền | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Trần Văn Sơn, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Bèo, 1967, Làm ruộng | |
| | 30/12/2004 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091204000350 | | | | | | |
| 514 | Trần Minh Triêu | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Son, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Nông dân | Không | Nguyễn Tố Quyên, 1986, Công nhân | |
| | 8/2/2005 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205001509 | | | | | | |
| 515 | Nguyễn Văn Đẳng | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thanh Bình, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Kim Lẹ, 1973, Làm ruộng | |
| | 15/2/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091205001665 | | | | | | |
| 516 | Hồ Chiều Kiếm | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Hồ Chiều Mến, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tươi, 1978, Làm ruộng | |
| | 15/2/2005 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205001057 | | | | | | |
| 517 | Nguyễn Hoàng Nam | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lợi, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Huế, 1983, Làm ruộng | |
| | 20/5/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205011126 | | | | | | |
| 518 | Hoàng Minh Tiện | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Hoàng Minh Thuận, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Yến, 1984, Làm ruộng | |
| | 6/6/2005 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205006314 | | | | | | |
| 519 | Nguyễn Hoàng Nhẫn | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Phèn, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Quanh, 1979, Làm ruộng | |
| | 9/6/2005 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205001887 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 520 | Võ Chí Nguyện | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Ngọc Phước, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thùy Dương, 1970, Làm ruộng | |
| | 18/03/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206001167 | | | | | | |
| 521 | Nguyễn Phú Tỷ | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Ngà, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Kim Yến, 1983, Làm ruộng | |
| | 26/03/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206001550 | | | | | | |
| 522 | Lâm Quốc Huy | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lâm T Cẩm Diệu, 1979, Công nhân | |
| | 27/03/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091206005602 | | | | | | |
| 523 | Hồ Hoàng Gia Bảo | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Hồ Anh Tú, 1967, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Kiều Nương, 1969, Làm ruộng | |
| | 05/05/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206001116 | | | | | | |
| 524 | Phan Tấn Huy | Làm thuê | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Minh, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Phong, AG | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Hồng, 1978, Làm ruộng | |
| | 13/07/2006 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206001151 | | | | | | |
| 525 | Nguyễn Văn Dư Tiền | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Trải, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngọc Trúc, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/12/2007 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207017258 | | | | | | |
| 526 | Trần Văn Bền Mãi | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Sơn, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Bèo, 1987, Làm ruộng | |
| | 13/1/2007 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207009540 | | | | | | |
| 527 | Lê Tuấn Kỳ | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Nhu, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Cà Mau | tỉnh Cà Mau | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1976, Làm ruộng | |
| | 12/3/2007 | Không | tỉnh Cà Mau | Kinh, không | Không | | |
| | 091207000142 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 528 | Phạm Phúc Hậu | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Cẩm Lình, 1983, Làm ruộng | |
| | 2/4/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207017599 | | | | | | |
| 529 | Quách Quốc Khiêm | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Quách Quốc Việt, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Hưởng, 1981, Làm ruộng | |
| | 16/6/2007 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207009585 | | | | | | |
| 530 | Huỳnh Minh Phú Lộc | Làm Thuê | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Minh Bọ, 1985, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đặng Thị Mỹ Hằng, 1986, Làm ruộng | |
| | 21/7/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091207009794 | | | | | | |
| 531 | Nguyễn Quốc Hạo | Học nghề | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyên Thanh Khuyên, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | Hớt tóc | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Ngọc Diễm, 1981, Làm ruộng | |
| | 19/8/2007 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207008081 | | | | | | |
| 532 | Trương Hoàng Phúc | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Liêu, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nghị Kim Hen, 1976, Làm ruộng | |
| | 21/8/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091207013206 | | | | | | |
| 533 | Phạm Văn Lý | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Lưu, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Nhiên, 1980, Làm ruộng | |
| | 15/10/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207003093 | | | | | | |
| 534 | Võ Chí Khang | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Ngọc Phước, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thuỳ Dương, 1983, Làm ruộng | |
| | 21/11/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207012278 | | | | | | |
| 535 | Huỳnh Chí Cường | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Thi; 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Cẩm Phùng; 1984, Làm ruộng | |
| | 29/05/2008 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208004799 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 536 | Võ Nhựt Duy | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Đen; 1985, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Xuyên; 1986, Công nhân | |
| | 01/09/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091208016052 | | | | | | |
| 537 | Nguyễn Nhựt Duy | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Hải Đăng; 1990, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Hiền; 1986, Làm ruộng | |
| | 3/10/2008 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208016361 | | | | | | |
| 538 | Lê Vĩ Khang | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Vũ Linh; 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị The; 1976, Làm ruộng | |
| | 31/10/2008 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208002493 | | | | | | |
| 539 | Đặng Trùng Dương | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đặng Thanh Tùng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lưu Thị Huệ, 1988, Làm ruộng | |
| | 7/3/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091201010530 | | | | | | |
| 540 | Trương Minh Khương | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trương Văn Hận, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Hồ Thị Diệu, 1972, Làm ruộng | |
| | 3/8/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091201008164 | | | | | | |
| 541 | Nguyễn Tấn Phát | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thuận, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Châu Thành, AG | xã Châu Thành, AG | Nông dân | Không | Trịnh Ngọc Diễm, 1984, Công nhân | |
| | 10/11/2001 | Không | xã Châu Thành, AG | Kinh, không | Không | | |
| | 091201000761 | | | | | | |
| 542 | Cao Văn Trọng | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Cao Văn Chiếu, 1969, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1972, Công nhân | |
| | 6/6/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091202011176 | | | | | | |
| 543 | Nguyễn Minh Tuấn | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Sang, 1980, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lưu Thị Mung, 1982, Công nhân | |
| | 5/8/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091202001606 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 544 | Lê Minh Kha | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Thân, 1982, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Thành, 1980, Công nhân | |
| | 24/8/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091202014200 | | | | | | |
| 545 | Trần Hải Đường | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Mum, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thu Thảo, 1976, Làm ruộng | |
| | 27/9/2002 | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091202001040 | | | | | | |
| 546 | Lâm Văn Thanh | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lâm Văn Sê, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần T Hồng Thuỷ, 1979, Làm ruộng | |
| | 18/10/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | Đặng Mỹ Anh, 2006, Làm ruộng | |
| | 091202003748 | | | | | | |
| 547 | Nguyễn Hữu Vinh | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1980, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Búp, 1983, Công nhân | |
| | 7/11/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091202005372 | | | | | | |
| 548 | Bùi Văn Vũ | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Bùi Nhớ Anh, 1982, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Oanh, 1983, Công nhân | |
| | 10/11/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091202005210 | | | | | | |
| 549 | Phạm Hoàng Nghĩa | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Hoàng Minh, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Loan, 1985, Công nhân | |
| | 29/3/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091203003494 | | | | | | |
| 550 | Nguyễn Văn Nghị | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Quang, 1970, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Lê Thị Thắm, 1970, Công nhân | |
| | 4/4/2003 | Không | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, không | Không | | |
| | 091203016192 | | | | | | |
| 551 | Lưu Vĩ Hào | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lưu Ngọc Hưng, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Kim Mộng, 1980, Công nhân | |
| | 2/5/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091203008664 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 552 | Nguyễn Thành Tài | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Thành Tích, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Võ Bích Vi, 1984, Công nhân | |
| | 6/8/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091203016912 | | | | | | |
| 553 | Nguyễn Văn Khang | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Tiến Công, 1972, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Loan, 1975, Công nhân | |
| | 15/5/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091204006776 | | | | | | |
| 554 | Ngô Gia Khẩm | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Ngô Văn Tạo, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã U Minh Thượng, AG | xã U Minh Thượng, AG | Nông dân | Không | Phạm T Tuyết Nga, 1974, Làm ruộng | |
| | 15/8/2004 | Không | xã U Minh Thượng, AG | Kinh, không | Không | | |
| | 091204011090 | | | | | | |
| 555 | Lâm Văn Đoàn | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lâm Văn Mách, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm T Tơ Em, 1981, Làm ruộng | |
| | 13/9/2004 | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Tô Thị Phương Anh, 2008, Làm ruộng | |
| | 091204001946 | | | | | | |
| 556 | Hà Thanh Danh | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Hà Văn Giang, 1982, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Huỳnh Chúc Hà, 1983, Công nhân | |
| | 14/11/2004 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091204010514 | | | | | | |
| 557 | Nguyễn Triệu Vỹ | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Thanh Điền, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đoàn Cẩm Thu, 1982, Làm ruộng | |
| | 21/12/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091204003898 | | | | | | |
| 558 | Nguyễn Phát Huy | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thuận, 1983, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | | |
| | 15/5/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091205018506 | | | | | | |
| 559 | Lưu Trí Khanh | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lưu Thanh Tuấn, 1984, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | | |
| | 29/7/2005 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091205003684 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 560 | Nguyễn Hữu Huy | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Búp, 1979, Làm ruộng | |
| | 7/11/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 91205012653 | | | | | | |
| 561 | Bùi Chí Toản | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Bùi Văn Linh, 1973, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Phan Ngọc Em, 1973, Công nhân | |
| | 6/1/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091206003203 | | | | | | |
| 562 | Đặng Minh Khương | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đặng Thanh Tần, 1976, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Mai Thu Ngà, 1981, Công nhân | |
| | 16/03/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091206004255 | | | | | | |
| 563 | Trần Hoàng Minh | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Phước, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Dượng Thị Điệp, 1968, Làm ruộng | |
| | 15/05/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091206001165 | | | | | | |
| 564 | Phạm Đăng Khôi | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Đạt, 1973, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn T Hồng Lạc, 1975, Công nhân | |
| | 03/09/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091206013986 | | | | | | |
| 565 | Trần Minh Nhí | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Tùng Em, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Yến Linh, 1983, Làm ruộng | |
| | 12/10/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091206013775 | | | | | | |
| 566 | Nguyễn Văn Thương | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thời, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Nông dân | Không | Quảng Thị The, 1975, Làm ruộng | |
| | 22/12/2007 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, không | Không | | |
| | 091207012842 | | | | | | |
| 567 | Nguyễn Văn Huy | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 1/12 | Nguyễn Văn Khởi, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Vi, 1975, Làm ruộng | |
| | 19/6/2007 | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207001983 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 568 | Lâm Huỳnh Chiêu | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lâm Thị Đèo, 1978, Làm ruộng | |
| | 25/2/2007 | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091207000132 | | | | | | |
| 569 | Cao Trọng Đạt | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Cao Văn Kiêng; 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Nga; 1971, Làm ruộng | |
| | 05/04/2008 | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208005451 | | | | | | |
| 570 | Quách Quốc | Làm ruộng | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 1/12 | Quách Hải Bền; 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hồng Anh; 1984, Làm ruộng | |
| | 21/05/2008 | Không | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208002020 | | | | | | |
| 571 | Nguyễn Trung Luân | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Dừa; Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Thu; Công nhân | |
| | 20/12/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091208013195 | | | | | | |
| 572 | Lâm Văn Cá Con | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Lâm Thị Huệ, 1969, Làm ruộng | |
| | 20/03/2001 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Không | | |
| | 091201010070 | | | | | | |
| 573 | Danh Thel Sam Bách | Làm ruộng | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Điệp, 1950, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Lợi, 1960, Làm ruộng | |
| | 14/08/2001 | Không | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Khmer, không | Không | | |
| | 091201003303 | | | | | | |
| 574 | Nguyễn Khánh Tân | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Sang, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Văn Thị Hẹn, , 1973, Làm ruộng | |
| | 29/10/2001 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201002321 | | | | | | |
| 575 | Danh Hồng Khải | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Danh De, 1964, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị ER, 1962, Làm ruộng | |
| | 14/02/2002 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091202001610 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 576 | Hồ Hữu Luân | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Hồ Văn Tươi, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Kim Ca, 1981, Làm ruộng | |
| | 12/03/2002 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202005809 | | | | | | |
| 577 | Nguyễn Chí Nguyên | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lắm, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Loan, 1970, Làm ruộng | |
| | 01/09/2002 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202000406 | | | | | | |
| 578 | Danh Rư Xa Na | Làm ruộng | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Danh , 1962, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Khá, 1966, Làm ruộng | |
| | 09/11/2002 | Không | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Khmer, không | Không | | |
| | 091902014209 | | | | | | |
| 579 | Trần Chí Tịnh | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Cảnh, 1979, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Xứng, 1982, Công nhân | |
| | 21/11/2002 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202010866 | | | | | | |
| 580 | Danh Trách | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Sách(chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Thị Nga, 1973, Làm ruộng | |
| | 18/06/2003 | Không | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | Không | | |
| | 091203012455 | | | | | | |
| 581 | Phạm Thanh Huy | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Hoàng, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Hà Bích Thủy, 1979, Làm ruộng | |
| | 15/07/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091203007862 | | | | | | |
| 582 | Phạm Văn Huynh | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Phạm Tấn Hiền, 1978, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Phạm Thị Tuyết Hồng, 1979, Công nhân | |
| | 18/07/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203018854 | | | | | | |
| 583 | Nguyễn Đan Trường | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Út, 1978, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hiền, 1977,Công nhân | |
| | 08/01/2004 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204009608 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 584 | Danh Đà Rô | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 2/12 | Danh Mới, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Danh Thị Đẹp, 1974, Làm ruộng | |
| | 05/10/2004 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091204002330 | | | | | | |
| 585 | Lê Hà Dương | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Rơi, 1976, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Út, 1980, Làm ruộng | |
| | 08/10/2004 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091304013353 | | | | | | |
| 586 | Lê Việt Anh | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Út, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Phương Ba, 1976, Làm ruộng | |
| | 29/10/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | Không | | |
| | 091204016448 | | | | | | |
| 587 | Nguyễn Danh Lược Em | Làm ruộng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Biết, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Thắm, 1971, (chết) | |
| | 29/11/2004 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091204002641 | | | | | | |
| 588 | Đặng Vi Khánh | Làm ruộng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Duông, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Linh, 1986, Làm ruộng | |
| | 14/07/2005 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205016867 | | | | | | |
| 589 | Lê Hoàng Huy | Làm ruộng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Hoàng Mung, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Dương Thị Cà Rong, 1980, Làm ruộng | |
| | 10/11/2005 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205000739 | | | | | | |
| 590 | Lê Phước Thành Đô | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Phước Tiền Em, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Mai Thị Lủng, 1990, Làm ruộng | |
| | 18/5/2007 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207003986 | | | | | | |
| 591 | Nguyễn Văn Hoài | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tèo, 1970, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đồng Thị Kim Chi, 1972, làm ruộng | |
| | 22/01/2008 | Không | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208012925 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 592 | Đặng Văn Khuyên | Làm thuê | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đặng Văn Chiều, 1981, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Phong, AG | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều, 1982, làm ruộng | |
| | 19/02/2008 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208013084 | | | | | | |
| 593 | Danh Thành Trân | Làm thuê | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Danh Tuốc, 1978, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Kim Hoàng, 1983, làm ruộng | |
| | 14/9/2008 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091208016050 | | | | | | |
| 594 | Nguyễn Văn Phước Lộc | Làm thuê | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Lợi, 1980, làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mộng Tuyền, 1984, làm thuê | |
| | 08/10/2008 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091208015349 | | | | | | |
| 595 | Danh Gia Kỳ | Làm thuê | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Ra Ni, 1982, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Thảo, 1986, làm ruộng | |
| | 23/11/2008 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091208013776 | | | | | | |
| 596 | Nguyễn Vũ Luân | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Bằng, 1976, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Mảnh, 1980, Công nhân | |
| | 15/10/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201001362 | | | | | | |
| 597 | Trần Thanh Hiếu | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Thanh Hòa, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Ngọc, 1981, Công nhân | |
| | 11/11/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201015838 | | | | | | |
| 598 | Nguyễn Trường Hưng | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Bá Tấn, 1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mông, 1974, Làm ruộng | |
| | 04/12/2001 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201001522 | | | | | | |
| 599 | Võ Trung Hậu | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Hiền, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Cẩm Tú, 1978, Làm ruộng | |
| | 29/06/2002 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202000514 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 600 | Đinh Tấn Thanh | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Không có tên cha | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đinh Thị Muội, 1984, Công nhân | |
| | 21/11/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202010947 | | | | | | |
| 601 | Nguyễn Tuấn Hưng | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Kiên Giang, 1970, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Đỗ Thị Hồng, 1970, Công nhân | |
| | 02/02/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203004695 | | | | | | |
| 602 | Huỳnh Văn Hải | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Trí, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Huyền Trân, 1977, Làm ruộng | |
| | 07/05/2003 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203006249 | | | | | | |
| 603 | Lê Tấn Phát | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Thị Hồng Đào, 1985, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | | |
| | 07/12/2003 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203003817 | | | | | | |
| 604 | Nguyễn Hoài Linh | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Phước, 1964, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thanh Bế, 1977,Công nhân | |
| | 20/06/2004 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204000692 | | | | | | |
| 605 | Phạm Minh Tiến | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Minh, 1976, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Múa, 1980,Công nhân | |
| | 29/12/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204005780 | | | | | | |
| 606 | Nguyễn Chí Thân | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Chí Tâm, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Uyên, 1984, Làm ruộng | |
| | 07/02/2005 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205005432 | | | | | | |
| 607 | Lưu Văn Tài | Làm ruộng | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lưu Văn Tình, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Hồ Thị Thảo, 1983, Làm ruộng | |
| | 14/9/2005 | Không | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205010227 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 608 | Nguyễn Thanh Nhựt | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Cước, 1965, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thuý Hằng, 1962, Làm ruộng | |
| | 09/12/2005 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091205015913 | | | | | | |
| 609 | Nguyễn Minh Kha | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 0/12 | Nguyễn Hoài Em, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Duyên Em, 1982, Làm ruộng | |
| | 20/8/2007 | Không | | Kinh, không | Không | | |
| | 091207009242 | | | | | | |
| 610 | Nguyễn Minh Khương | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 0/12 | Nguyễn Văn Diễm, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Nhạn, 1982, Làm ruộng | |
| | 25/8/2007 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207007683 | | | | | | |
| 611 | Nguyễn Hoàng Mỹ | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Mẫn, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Ngọc Điệp, 1984, Làm ruộng | |
| | 23/12/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207017489 | | | | | | |
| 612 | Võ Chí Tài | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Hiền, 1975, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Cẩm Tú, 1978, buôn bán | |
| | 16/3/2008 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208003326 | | | | | | |
| 613 | Nguyễn Đăng Khôi | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hoang Thông, 1982, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Cương, 1983, làm ruộng | |
| | 02/8/2008 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208000771 | | | | | | |
| 614 | Lê Hoài Hận | Làm ruộng | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Lê Út Oanh, chết | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Kim Hiền, 1989, Làm ruộng | |
| | 09/02/2009 | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | | |
| | 091209255387 | | | | | | |
| 615 | Đinh Thanh Phương | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đinh Thị Muội, 1980, làm thuê | |
| | 09/10/2008 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208011727 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 616 | Phạm Văn Tài | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Cà, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mỹ Nhân, 1980, Làm ruộng | |
| | 11/09/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201012807 | | | | | | |
| 617 | Phan Minh Thuận | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phan Văn Liêm, 1973, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nga (chết) | |
| | 17/09/2001 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201001515 | | | | | | |
| 618 | Phạm Hoàng Lĩnh | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | `7/12 | Phạm Hồng Thái, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Trần Thu Mai, 1977, Công nhân | |
| | 05/12/2001 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201005708 | | | | | | |
| 619 | Đoàn Ngọc Lạc | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Đoàn Văn Huynh, 1976, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Trần Thị Mẫn, 1978, Công nhân | |
| | 24/12/2001 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201002683 | | | | | | |
| 620 | Phạm Văn Đức | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Cà, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mỹ Nhân, 1980, Làm ruộng | |
| | 19/02/2003 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203000449 | | | | | | |
| 621 | Tạ Thành Đầy | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Tạ Văn Hiền(chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Hường, 1979, Làm ruộng | |
| | 03/05/2003 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203007779 | | | | | | |
| 622 | Nguyễn Nhật Hào | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Ánh, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Từ Thanh Tú, 1981, Làm ruộng | |
| | 02/01/2004 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204011721 | | | | | | |
| 623 | Ngô Gia Bảo | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Dũng , 1977. làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Mỹ Hoa, 1979, Làm ruộng | |
| | 29/01/2004 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204014762 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 624 | Trần Thanh Điền | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Hồng, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đào Thị Mười, 1978, Làm ruộng | |
| | 28/08/2004 | | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204002644 | | | | | | |
| 625 | Lê Quốc Kiệt | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Thanh Sơn, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ngọc Thắm, 1980, Làm ruộng | |
| | 28/02/2005 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205002517 | | | | | | |
| 626 | Lê Văn Khanh | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Hoàng Ngân, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đỗ Thị Kiếm, 1978, Làm ruộng | |
| | 25/05/2005 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205016970 | | | | | | |
| 627 | Phạm Hoàng Huy | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Hồng Thái, 1966, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thu Mai, 1971, Làm ruộng | |
| | 25/5/2006 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206004755 | | | | | | |
| 628 | Phan Minh Thành | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phan Văn Liêm, 1973, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nga (chết) | |
| | 20/11/2005 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205002177 | | | | | | |
| 629 | Lê Vũ Luân | Làm ruộng | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Đen, 1986, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Nhi, 1985, Làm ruộng | |
| | 12/02/2007 | Không | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091207000421 | | | | | | |
| 630 | Phạm Minh Đễ | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Trung Đỉnh, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Dương Thị Hoa, 1971, Làm ruộng | |
| | 26/02/2001 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201014131 | | | | | | |
| 631 | Hữu Phi Hùng | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Hữu Đang, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Xi Phal, 1972, Làm ruộng | |
| | 09/09/2001 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201013035 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 632 | Đào Văn Nhí Em | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đào Văn Linh | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thảo,1971, Làm ruộng | |
| | 01/01/2002 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202005877 | | | | | | |
| 633 | Trần Văn Chí Khương | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Vủ, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thị Gấm, 1978, Làm ruộng | |
| | 18/01/2002 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202001608 | | | | | | |
| 634 | Nguyễn Văn Chiêu | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tường, 1979, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Lê Thị Phương, 1982, Công nhân | |
| | 09/02/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202001924 | | | | | | |
| 635 | Nguyễn Chí Nguyễn | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Lộc, 1975, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Võ Thị Nhi, 1975,Công nhân | |
| | 20/02/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202010705 | | | | | | |
| 636 | Phạm Minh Đương | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Trung Đỉnh | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Dương Thị Hoa, 1971, Làm ruộng | |
| | 02/11/2002 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202003660 | | | | | | |
| 637 | Đặng Thế Vinh | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Đặng Văn Thiện, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Nông dân | Không | Lê Thị Tám (chết) | |
| | 14/11/2003 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203011353 | | | | | | |
| 638 | Phạm Văn Thuận | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Hòa, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Châu Thị Hiền, 1971, Làm ruộng | |
| | 15/02/2004 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204002331 | | | | | | |
| 639 | Hồ Thanh Nguyên | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Hồ Văn Chung, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhanh, 1984, Làm ruộng | |
| | 03/03/2004 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204002332 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 640 | Nguyễn Văn Duy | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kiều, 1980, Làm ruộng | |
| | 30/04/2004 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204007550 | | | | | | |
| 641 | Danh Chum | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 1/12 | Danh Hiệp, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Đếu, 1978, Làm ruộng | |
| | 01/07/2004 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091204002335 | | | | | | |
| 642 | Danh Như | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Danh Dẽo, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Phương, 1973, Làm ruộng | |
| | 20/04/2005 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Không | | |
| | 091205012061 | | | | | | |
| 643 | Lê Hữu Nghị | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Lê Văn Nhanh, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tiếp, Làm ruộng | |
| | 04/6/2005 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205002518 | | | | | | |
| 644 | Đào Văn Giàu | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đào Quyết Thắng, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Tươi, 1980, Làm ruộng | |
| | 24/4/2005 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205012199 | | | | | | |
| 645 | Nguyễn Hoàng Huy | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Lắm, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | | Phạm Thị Ngọc Trắng, 1982, Làm ruộng | |
| | 31/7/2005 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205105290 | | | | Không | | |
| 646 | Đào Nguyễn Dư | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Đào Chơn Thừa, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Xinh, 1980, Công nhân | |
| | 25/08/2005 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205016153 | | | | | | |
| 647 | Mai Trường Sơn | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Mai Văn Trường, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Cần Thơ | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Kim Thị Thi, 1983, Làm ruộng | |
| | 29/8/2005 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205005254 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 648 | Tô Dương Khang | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Tô Huỳnh My, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhanh (chết) | |
| | 18/11/2005 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205002183 | | | | | | |
| 649 | Phạm Vĩ | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Trinh, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đinh Thị Loan, 1981, Làm ruộng | |
| | 24/11/2005 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205007643 | | | | | | |
| 650 | Nguyễn Văn Giàu | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Linh, 1976, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hiền (chết) | |
| | 26/11/2005 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205016969 | | | | | | |
| 651 | Hồ Lưu Nhân | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Hồ Thanh Lưu, 1985, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Kim Trang, 1985, Công nhân | |
| | 01/8/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206007947 | | | | | | |
| 652 | Lý Văn Trọng | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lý Thanh Tùng, 1979, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Út, 1985, Làm ruộng | |
| | 21/9/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | Không | | |
| | 091206014246 | | | | | | |
| 653 | Lý Văn Mạnh | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lý Văn Tiền, 1978, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Nông dân | Không | Thị Qui, 1979, Công nhân | |
| | 11/12/2006 | Không | | Khmer, Không | Không | | |
| | 091206010481 | | | | | | |
| 654 | Danh Phát | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Quyên, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Kha La, 1983, Làm ruộng | |
| | 09/5/2007 | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207016351 | | | | | | |
| 655 | Đặng Nguyễn Nhật Duy | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đặng Thiện Lượm, 1984, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Hồng Nhi, 1987, Làm ruộng | |
| | 01/02/2007 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 09107009283 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 656 | Lê Công Hậu | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Lê Văn Ghê, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Dương Thị Liên, 1986, Làm ruộng | |
| | 13/5/2007 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207016137 | | | | | | |
| 657 | Trần Quốc Pháp | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Đẹt, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Mười Hai, 1970, Làm ruộng | |
| | 09/9/2007 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207003214 | | | | | | |
| 658 | Đào Ánh Sáng | Làm ruộng | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đào Văn Thêm, 1987, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Ánh, 1990, làm ruộng | |
| | 26/10/2008 | | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208013516 | | | | | | |
| 659 | Phạm Đăng Khoa | Làm thuê | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Thương, 1980, làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Võ Thị Bông, 1980, làm thuê | |
| | 05/9/2008 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208008772 | | | | | | |
| 660 | Đỗ Văn Khang | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đỗ Văn Tú, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hiền, 1980, Làm ruộng | |
| | 01/07/2001 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201000920 | | | | | | |
| 661 | Lê Phú Hoà | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Lê Hoàng Thái, 1964,làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Lệ Hiền, 1965, Làm ruộng | |
| | 04/10/2001 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201003689 | | | | | | |
| 662 | Lê Vủ Phong | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Quân, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lâm Thị Kim Ca, 1977, Làm ruộng | |
| | 01/05/2001 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091201015144 | | | | | | |
| 663 | Trương Hoài Linh | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Vũ, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tâm, 1981, Làm ruộng | |
| | 21/03/2002 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202001611 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 664 | Lương Minh Luân | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lương Văn Quới, 1968, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Quyến, 1974, Làm ruộng | |
| | 10/04/2002 | | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202005672 | | | | | | |
| 665 | Đỗ Văn Trên | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Đỗ Văn Tú, 1977, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Hiền, 1980, Làm ruộng | |
| | 12/04/2002 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202000985 | | | | | | |
| 666 | Trịnh Xuân Sinh | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trịnh Xuân Đông, 1981, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dân, 1981, Công nhân | |
| | 02/08/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202003356 | | | | | | |
| 667 | Trịnh Xuân Song | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trịnh Xuân Đông, 1981, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Dân, 1981, Công nhân | |
| | 02/08/2002 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Không | | |
| | 0912020005560 | | | | | | |
| 668 | Nguyễn Văn Mùi | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Liên, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Lựu, 1984, Làm ruộng | |
| | 27/10/2002 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202015549 | | | | | | |
| 669 | Võ Văn Chí | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Sơn, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Dung, 1977, Làm ruộng | |
| | 01/12/2002 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202004035 | | | | | | |
| 670 | Phạm Thanh Tâm | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Thanh Thảo,1974, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thị Trong, 1975, Làm ruộng | |
| | 21/12/2002 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091202009831 | | | | | | |
| 671 | Sử Văn Hoà | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Sử Thị Bé Tám, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trương Thị Nhân,1983, Làm ruộng | |
| | 01/01/2003 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203008739 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 672 | Phạm Linh Tâm | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Phong, 1977, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Thúy, 1976, Công nhân | |
| | 07/01/2003 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203012841 | | | | | | |
| 673 | Trương Hoài Phong | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Vũ, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tâm, 1981, Làm ruộng | |
| | 12/07/2003 | | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203003490 | | | | | | |
| 674 | Võ Vi Hào | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Hải Lăng, 1957 (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Xứng, 1958, Làm ruộng | |
| | 02/09/2003 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203010915 | | | | | | |
| 675 | Nguyễn Văn Sang | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Nguyễn Văn Phủ, 1962 (chết) | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Kim Thị Tươi, 1960, Làm ruộng | |
| | 06/11/2003 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203003815 | | | | | | |
| 676 | Nguyễn Chí Tâm | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Chiến, 1981, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Kía, 1963, Làm ruộng | |
| | 05/12/2003 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091203018661 | | | | | | |
| 677 | Lê Di Khánh | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Móc, 1978, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Nhuồl, 1976, Làm ruộng | |
| | 02/04/2004 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204002635 | | | | | | |
| 678 | Nguyễn Thành Luận | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Thành Thép, 1975, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Thị Thu, 1976, Làm ruộng | |
| | 19/11/2004 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204011069 | | | | | | |
| 679 | Trương Văn Hoài An | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 2/12 | Trương Vân Tuấn, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Hồng Nhiên, 1979, Làm ruộng | |
| | 19/5/2004 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091204002334 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 680 | Trương Văn Tùng | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Mười, 1970, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Diệu, 1980, Làm ruộng | |
| | 01/6/2005 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205004557 | | | | | | |
| 681 | Nguyễn Văn Khang | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Liê, 1971, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đỗ Thị Lựu, 1984, Làm ruộng | |
| | 16/09/2005 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205016080 | | | | | | |
| 682 | Trương Hoài Ân | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trương Văn Vũ, 1973, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Tâm, 1982, Làm ruộng | |
| | 16/9/2005 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 91205002182 | | | | | | |
| 683 | Nguyễn Tấn Kiệt | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1980, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Bống, 1984, Làm ruộng | |
| | 11/24/2005 | Không | | Kinh, Không | Không | | |
| | 091205001882 | | | | | | |
| 684 | Sử Chí Nguyện | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Sử Thị Bé Tám, 1972, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trương Thị Nhân, 1982,làm ruộng | |
| | 01/01/2006 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206008958 | | | | | | |
| 685 | Phạm Nhựt Quốc | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Tình, 1988, Công nhân | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Lê Thị Hiền, 1988, Công nhân | |
| | 29/6/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091206014648 | | | | | | |
| 686 | Lăng Phú Khang | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lăng Công Bằng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Phượng, 1988, Công nhân | |
| | 23/7/2006 | Không | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | Không | | |
| | 091206001521 | | | | | | |
| 687 | Nguyễn Văn Quang | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Nhái, 1982, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Oanh, 1977, Làm ruộng | |
| | 10/02/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | Không | | |
| | 091207001449 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 688 | Lê Thanh Tình | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Hải Đăng, 1983, Làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Quách Thị Nhạn, 1984, Làm ruộng | |
| | 26/6/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Không | | |
| | 091207014277 | | | | | | |
| 689 | Nguyễn Văn Tứ | Làm thuê | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1980, làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Thuận, AG | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Hương, 1983, làm thuê | |
| | 09/6/2008 | Không | xã Vĩnh Thuận, AG | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208002247 | | | | | | |
| 690 | Võ Thanh Hiểu | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Sửa, 1982, làm ruộng | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thị Hồng Diễm, 1987, làm ruộng | |
| | 14/01/2008 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208007182 | | | | | | |
| 691 | Trương Văn Nghĩa | Làm ruộng | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Thảo, 1975, làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trương Thị Tím, 1975, làm ruộng | |
| | 03/9/2008 | Không | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208003650 | | | | | | |
| 692 | Lê Văn Mẫn | Làm thuê | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Mùi, 1980, làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Thuận, AG | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trương Thị Thu Hai, 1984, làm thuê | |
| | 15/02/2008 | Không | xã Vĩnh Thuận, AG | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208007059 | | | | | | |
| 693 | Lê Minh Xuân | Làm thuê | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Ông nội: Lê Văn Thạnh, 1951, làm thuê | Trình độ văn hóa thấp |
| | Không | xã Vĩnh Phong, AG | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | | |
| | 09/3/2008 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, Không | Không | | |
| | 091208012123 | | | | | | |
| 694 | Nguyễn Văn Hiếu | Lao động tự do | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Hưng, 1970, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Phường Rạch Giá | Phường Rạch Giá, AG | Công nhân | | Trần Hồng Tại, 1979, Làm ruộng | |
| | 2/3/2002 | | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | | | |
| | 091202006972 | | | | | | |
| 695 | Nguyễn Can Đảm | Lao động tự do | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Thành Trung, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | xã Hòn đất, AG | xã Hòn đất, AG | Công nhân | | Lê Thanh Phương, 1983, Công nhân | |
| | 15/9/2005 | | xã Hòn đất, AG | Kinh, không | | | |
| | 091205003784 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 696 | Đào Anh Khoa | Lao động tự do | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đào Văn Điễu, 1927, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Mỹ, 1966, Làm ruộng | |
| | 24/9/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205001320 | | | | | | |
| 697 | Trần Đình Chí | Lao động tự do | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Trần Văn Đến, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn T Hồng Nhan, 1979, Làm ruộng | |
| | 8/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205015259 | | | | | | |
| 698 | Lê Văn Đồng | Lao động tự do | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Đoàn, 1985, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Nàng, 1985, Công nhân | |
| | 26/06/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206010391 | | | | | | |
| 699 | Lê Thuận Thành | Lao động tự do | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Hoàng Phi Nhanh; 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Phương; 1975, Công nhân | |
| | 20/10/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208004976 | | | | | | |
| 700 | Kiều Văn Ý | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Kiều Văn Đạm, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Hưởng, 1980, Công nhân | |
| | 8/4/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202005067 | | | | | | |
| 701 | Đoàn Nhựt Thiên | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Đoàn Quốc Thanh, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Mai Thị Diễm, 1983, Công nhân | |
| | 11/5/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201010465 | | | | | | |
| 702 | Phạm Hoàng Khôi | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Hoàng Tính, 1971, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Thuý, 1975, Công nhân | |
| | 10/6/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201011568 | | | | | | |
| 703 | Bùi Âu Cơ | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Bùi Thế Hệ, 1983, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Lan, 1979, Công nhân | |
| | 19/10/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201006106 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 704 | Phan Tiến Đạt | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Phan Tiến Thành, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thái Thị Bê, 1981, Công nhân | |
| | 7/11/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201002570 | | | | | | |
| 705 | Châu Văn Thẩm | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Châu Văn Bình, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Tè Thị Ngoan, 1980, Công nhân | |
| | 16/1/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202012804 | | | | | | |
| 706 | Huỳnh Thanh Duy | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Huỳnh Thanh Phụng, 1971, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Lan, 1975, Công nhân | |
| | 23/3/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202007850 | | | | | | |
| 707 | Nguyễn Trọng Tính | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lơ, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Tống Kiều Phương, 1979, Công nhân | |
| | 3/5/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202010120 | | | | | | |
| 708 | Nguyễn Trung Thành | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hưng, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn T Mỹ Duyên, 1970, Công nhân | |
| | 16/6/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202004101 | | | | | | |
| 709 | Trịnh Hải Đăng | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Trịnh Hải Sơn, 1962, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Út, 1977, Công nhân | |
| | 15/9/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202001332 | | | | | | |
| 710 | Đặng Công Thức | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Đặng Thanh Nhất 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhi 1981, Công nhân | |
| | 13/11/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202008372 | | | | | | |
| 711 | Thái Hoài Linh | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Thái Thành Trinh, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đỗ Thị Phi, 1980, Công nhân | |
| | 6/1/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203018847 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 712 | Huỳnh Phạm Thái | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Phạm Hoàng Tuấn, 1973, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh T Mỹ Phượng, 1976, Công nhân | |
| | 19/1/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203003486 | | | | | | |
| 713 | Nguyễn Vy Khánh | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Thanh Hà, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Hương, 1977, Công nhân | |
| | 20/8/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203007195 | | | | | | |
| 714 | Trần Tuấn Kiệt | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Trần Thanh Nhàn, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Đặc khu Phú Quốc | Đặc khu Phú Quốc,AG | Công nhân | | Nguyễn Kim Thảo, 1977, Công nhân | |
| | 30/9/2003 | | Đặc khu Phú Quốc,AG | Kinh, không | | | |
| | 091203000878 | | | | | | |
| 715 | Võ Văn Tiến | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Văn Tâm, 1961, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Vớt, 1976, Công nhân | |
| | 13/2/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204003908 | | | | | | |
| 716 | Nguyễn Văn Dương | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn My, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê T Tuyết Băng (chết) | |
| | 27/7/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204009499 | | | | | | |
| 717 | Trần Trọng Trí | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Khoa, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Ngọc Diễm, 1976, Công nhân | |
| | 16/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204051273 | | | | | | |
| 718 | Mã Trần Trúc Lâm | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Mã Minh Đức, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Tiếng, 1977, Công nhân | |
| | 20/11/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204016712 | | | | | | |
| 719 | Đặng Hữu Khang | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Đặng Thanh Nhất, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn T Mộng Nghi, 1981, Công nhân | |
| | 13/2/2005 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091205013451 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 720 | Huỳnh Nguyễn Kiệt | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Đức, 1965 (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhuần, 1967, Làm ruộng | |
| | 11/5/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205014189 | | | | | | |
| 721 | Trần Thái An | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Duy Linh, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn T Thanh Tiền, 1978, Công nhân | |
| | 15/7/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205002091 | | | | | | |
| 722 | Nguyễn Quốc Huy | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Hoàng Quốc, 1984, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phan T Thuý An, 19833, Công nhân | |
| | 25/7/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205006913 | | | | | | |
| 723 | Phan Văn Vui | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Hổ, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đoàn Thị Út, 1971, Công nhân | |
| | 18/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205011653 | | | | | | |
| 724 | Huỳnh Ngô Trọng Nhân | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Sển, 1985, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Ngô T Như Ý, 1986, Công nhân | |
| | 20/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205004547 | | | | | | |
| 725 | Nguyễn Văn Toàn | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | (Không có cha) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đặng Ngọc Châu, 1981, Công nhân | |
| | 29/11/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205001098 | | | | | | |
| 726 | Đoàn Nhật Hào | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đoàn Quốc Thanh, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Mai Thị Diễm, 1976, Công nhân | |
| | 14/11/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206010054 | | | | | | |
| 727 | Huỳnh Anh Tuấn | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Hậu, 1964, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Cảnh, 1970, Công nhân | |
| | 20/12/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206018703 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 728 | Lê Hà Phúc | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Quang Khánh, 1983, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hà Thị Thuỷ, 1983, Công nhân | |
| | 16/11/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091207007340 | | | | | | |
| 729 | Lê Thanh Vàng | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Tùng, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Thi, 1983, Làm ruộng | |
| | 29/6/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091207011754 | | | | | | |
| 730 | Phan Quốc Định | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Phan Văn Toàn; 1986, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Ung Thị Thiệp; 1981, Làm ruộng | |
| | 15/12/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208015729 | | | | | | |
| 731 | Đặng Nhựt Hào | Lao động tự do | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Đặng Văn Cường; 1987, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Như; 1990, Làm ruộng | |
| | 12/12/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208006496 | | | | | | |
| 732 | Tào Anh Quốc | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Tào Anh Tuấn, 1973, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phan Thị Bế, 1974, Làm ruộng | |
| | 3/5/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201017245 | | | | | | |
| 733 | Nguyễn Nhật Linh | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Thép, 1968, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Phường Rạch Giá | Phường Rạch Giá, AG | Công nhân | | Nguyễn Thị Buôi, 1969, Công nhân | |
| | 27/9/2001 | | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | | | |
| | 091201014108 | | | | | | |
| 734 | Trương Nhựt Lâm | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trương Văn Tâm, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Chỉnh, 1978, Làm ruộng | |
| | 28/11/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201003148 | | | | | | |
| 735 | Lê Quách Việt Nhân | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12, ĐH CN T | Lê Thiện Thảo, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | Phường Rạch Giá, AG | Phường Rạch Giá, AG | Công nhân | | Quách Thị Hương, 1975, Làm ruộng | |
| | 24/12/2001 | | Phường Rạch Giá, AG | Kinh, không | | | |
| | 091201011744 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 736 | Phan Vũ Luân | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Liêm, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần T Bích Ngân, 1978, Công nhân | |
| | 9/6/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202009589 | | | | | | |
| 737 | Nguyễn Hoàng Sang | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Hoàng Nam, 1979, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Võ Thị Chúc Linh, 1981, Làm ruộng | |
| | 16/6/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202003192 | | | | | | |
| 738 | Trần Văn Bền | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Dững, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Thiều, 1982, Công nhân | |
| | 24/6/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | Nguyễn Thị Vẹn, 2003, Làm ruộng | |
| | 091202015016 | | | | | | |
| 739 | Trương Nhựt Anh | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Toàn, 1979, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Muội, 1985, Làm ruộng | |
| | 27/2/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203003252 | | | | | | |
| 740 | Võ Hoàng Khang | Làm ruộng | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Trọng, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | xã Vĩnh Phong, AG | xã Vĩnh Phong, AG | Công nhân | | Nguyễn Thị Thương, 1983, Làm ruộng | |
| | 4/8/2003 | | xã Vĩnh Phong, AG | Kinh, không | | | |
| | 091203002991 | | | | | | |
| 741 | Tào Mỹ Quốc | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Tào Anh Tuấn, 1973, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phan Thị Bế, 1974, Làm ruộng | |
| | 22/8/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203018694 | | | | | | |
| 742 | Lê Đăng Khoa | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lê Hoàng Nhanh, 1984, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Kim Thảo, 1983, Công nhân | |
| | 2/9/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204009629 | | | | | | |
| 743 | Trần Văn Kiệp | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Trắng, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhung, 1978, Công nhân | |
| | 16/9/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204013794 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 744 | Trần Ngọc Du | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Ngọc Phi, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Đào, 1980, Công nhân | |
| | 12/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204012116 | | | | | | |
| 745 | Nguyễn Văn Thương | Công nhân | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Lợi, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Dân, 1985, Làm ruộng | |
| | 19/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204001491 | | | | | | |
| 746 | Nguyễn Phan Bảo Linh | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Dũng, 1971, (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phan Thị Kích, 1973, Làm ruộng | |
| | 20/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204001081 | | | | | | |
| 747 | Dương Tịnh Biên | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Dương Ngọc Điện, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | | |
| | 10/1/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205003772 | | | | | | |
| 748 | Phạm Minh Huy | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Phạm Út Nhỏ, 1971, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | | |
| | 20/3/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205008929 | | | | | | |
| 749 | Nguyễn Hữu Luân | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Văn Út Em, 1974, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Sương, 1980, Làm ruộng | |
| | 4/11/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205001893 | | | | | | |
| 750 | Nguyễn Nhật Duy | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Dễ, 1978, Làm ruộng | |
| | 10/11/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205016951 | | | | | | |
| 751 | Nguyễn Hữu Trọng | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Mếm , (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Cà Mau | tỉnh Cà Mau | Công nhân | | Trần Thị Thảo, 1980, Công nhân | |
| | 23/05/2006 | | tỉnh Cà Mau | Kinh, không | | | |
| | 091206014996 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 752 | Phạm Hoàng Phúc | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Hoàng Diệu, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn T Cẩm Trinh, 1975, Làm ruộng | |
| | 24/07/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206002966 | | | | | | |
| 753 | Trần Thành Lợi | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Bền, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Trang, 1980, Công nhân | |
| | 23/08/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206001542 | | | | | | |
| 754 | Lê Đăng Khôi | Lao động tự do | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Hoàng Nhanh, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Kim Thảo, 1983, Làm ruộng | |
| | 25/7/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091207004032 | | | | | | |
| 755 | Trần Văn Qúi | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Ô, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Danh Thị Mua, 1980, Công nhân | |
| | 19/6/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201006647 | | | | | | |
| 756 | Nguyễn Văn Quy | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Nam, 1961, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hồ Bão Xuyên, 1976, Công nhân | |
| | 07/07/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201008836 | | | | | | |
| 757 | Trần Văn Thống | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Trần Hiệp Lợi, 1973, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Thoa, 1975, Công nhân | |
| | 20/7/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201009620 | | | | | | |
| 758 | Nguyễn Văn Dự | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đời, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần T Kiều Oanh, 1979, Công nhân | |
| | 26/2/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202004838 | | | | | | |
| 759 | Nguyễn Minh Thuần | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | (không có cha) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Hạnh, 1970, Công nhân | |
| | 19/3/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091202006549 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 760 | Phan Hữu Nghị | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH NN Anh | Phan Vũ Bằng, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Cần Thơ | TP. Cần Thơ | Công nhân | B1 | Lê Thị Gấm, 1982, Công nhân | |
| | 19/1/2003 | | TP. Cần Thơ | Kinh, không | Đoàn | | |
| | 091203002127 | | | | | | |
| 761 | Nguyễn Phong Bình | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Đình, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Pho, 1978, Công nhân | |
| | 18/5/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203011587 | | | | | | |
| 762 | Phan Ngọc Hoà | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Sang, 1967, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Oanh, 1971, Công nhân | |
| | 30/7/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203011473 | | | | | | |
| 763 | Phan Minh Quân | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Phan Văn Kiệt, 1973, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Diễm, 1976, Công nhân | |
| | 25/9/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203002076 | | | | | | |
| 764 | Ngô Bảo Khiêm | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Ngô Văn Mộng, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn T Bích Thủy, 1973, Công nhân | |
| | 6/4/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204011399 | | | | | | |
| 765 | Nguyễn Nhựt Hào | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Dương, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hoàng T Hồng Diễm, 1984, Công nhân | |
| | 22/1/2005 | | | Kinh, không | | | |
| | 091205001151 | | | | | | |
| 766 | Phan Văn Đủ | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phan Văn Dũ, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | | |
| | 5/3/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205001318 | | | | | | |
| 767 | Phan Hữu Nghiêm | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phan Vủ Bằng, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Gấm, 1982, Công nhân | |
| | 7/7/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205001510 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 768 | Nguyễn Chí Nguyện | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Khởi, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Đào, 1984, Công nhân | |
| | 08/06/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202009243 | | | | | | |
| 769 | Phạm Văn Lực | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Tư, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Công nhân | | Phan Thị Chúc, 1979, Làm ruộng | |
| | 16/6/2005 | | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Kinh, không | | | |
| | 091205001514 | | | | | | |
| 770 | Nguyễn Hãi Đăng | Công nhân | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Ngọc Sơn, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | xã Bình An, AG | xã Bình An, AG | Công nhân | | Hồ Thị Duyên, 1967, Công nhân | |
| | 19/06/2006 | | xã Bình An, AG | Kinh, không | | | |
| | 091206001941 | | | | | | |
| 771 | Nguyễn Thanh Quyền | Lao động tự do | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Nam, 1983, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hồ Bảo Xuyên, 1983, Công nhân | |
| | 26/2/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091207016415 | | | | | | |
| 772 | Lê Minh Tân | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lê Minh Vũ, 1971, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Ngân,1979, Công nhân | |
| | 19/2/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201002446 | | | | | | |
| 773 | Nguyễn Hoàng Ngoan | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Hoàng Gian, 1965, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Xiếu, 1967, Công nhân | |
| | 24/4/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201010616 | | | | | | |
| 774 | Lưu Chí Bền | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lưu Minh Vàng, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thuý Quyên, 1979, Công nhân | |
| | 20/10/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201011621 | | | | | | |
| 775 | Phan Chí Nghi | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Phan Văn Công, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lý Thị Cam, 1982, Công nhân | |
| | 3/11/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201002492 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 776 | Võ Hoàng Phúc | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Võ Văn Đặng, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Gấm, 1977, Làm ruộng | |
| | 28/2/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | Trần Phương Nghi, 2005, Làm ruộng | |
| | 091202016962 | | | | | | |
| 777 | Trần Văn Hảo | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Trần Văn Ý, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lâm Thị Mầu, 1980, Công nhân | |
| | 2/3/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202008644 | | | | | | |
| 778 | Lê Văn Hải | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lê Văn Đèo, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Trang, 1981, Công nhân | |
| | 11/3/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091030014671 | | | | | | |
| 779 | Nguyễn Văn Lập | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Triệu, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đỗ T Bé Năm, 1981, Làm ruộng | |
| | 12/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204009646 | | | | | | |
| 780 | Dương Minh Khôi | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Dương Văn Sền, 1954, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Cúc, 1961, Công nhân | |
| | 3/6/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205012545 | | | | | | |
| 781 | Lê Văn Mến | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Cương, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trương Thị The, 1986, Làm ruộng | |
| | 9/9/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205011826 | | | | | | |
| 782 | Nguyễn Quốc Kiệt | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Quốc Mịnh, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Sương, 1985, Làm ruộng | |
| | 26/03/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091206017110 | | | | | | |
| 783 | Bùi Nhựt Em | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Bùi Văn Thanh, ( Bỏ xứ) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Sẵn, 1968, Làm ruộng | |
| | 04/06/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206009631 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 784 | Văn Công Khả | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Phạm Văn Dương, 1987, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Văn Thị Ái Dân, 1980, Công nhân | |
| | 15/09/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206001104 | | | | | | |
| 785 | Nguyễn Đăng Khôi | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Cường, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Út Cưng, 1981, Làm ruộng | |
| | 13/12/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207004344 | | | | | | |
| 786 | Võ Hồng Phương | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Võ Văn Luận, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hồ Thị Út Bé, 1982, Làm ruộng | |
| | 25/12/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207009593 | | | | | | |
| 787 | Nguyễn Văn Mừng Em | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Bích Vân , 1967, Làm ruộng | |
| | 19/5/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091207000838 | | | | | | |
| 788 | Lưu Vĩnh Thái | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lưu Minh Vàng, 1970, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thuý Quyên, 1976, Làm ruộng | |
| | 15/10/2007 | | | Kinh, không | | | |
| | 091207013835 | | | | | | |
| 789 | Lý Quốc Huy | Công nhân | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lý Văn Bắc; Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Cà Hem; Công nhân | |
| | 29/5/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208012539 | | | | | | |
| 790 | Nguyễn Hữu Luân | Lao động tự do | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Dũ; 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Trăm; 1986, Làm ruộng | |
| | 11/12/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208018089 | | | | | | |
| 791 | Nguyễn Hữu Bạc | Làm thuê | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đỗ T Tố Quyên, 1972, Công nhân | |
| | 18/8/2001 | | Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201002678 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 792 | Hồ Nhất Huy | Lao động tự do | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Hồ Văn Cường, 1971, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Ngọc Huệ, 1972, Công nhân | |
| | 18/3/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204013207 | | | | | | |
| 793 | Mai Chí Bảo | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Mai Văn Khanh, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đặng Thị Đậm, 1976, Công nhân | |
| | 1/5/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204011270 | | | | | | |
| 794 | Lê Minh Thành | Lao động tự do | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lê Văn Dũng, 1974, (Chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Cao Mỹ Lệ, 1975, Công nhân | |
| | 15/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204015517 | | | | | | |
| 795 | Huỳnh Văn Qui | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Mến, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Bích, 1984, Công nhân | |
| | 29/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204008794 | | | | | | |
| 796 | Nguyễn Hoàng Hảo | Làm thuê | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Hoàng, 1983, chết | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Nguyễn Thị Út, 1983, chết | |
| | 23/2/2007 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, không | | | |
| | 091207010792 | | | | | | |
| 797 | Đặng Thế Hiển | Công nhân | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Đặng Thanh Tùng; Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lưu Thị Huệ; Công nhân | |
| | 26/06/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208004002 | | | | | | |
| 798 | Trần Hữu Trọng | Lao động tự do | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Trần Vủ Linh; 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Dưa; 1987, Công nhân | |
| | 18/5/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208014478 | | | | | | |
| 799 | Lê Gia Huy | Lao động tự do | ấp Ranh Hạt, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lê Văn Giàu; 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Hồng Thoại; 1976, Công nhân | |
| | 9/6/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208014805 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 800 | Nguyễn Chí Khang | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Nguyễn Minh Vũ, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Hường, 1978, Công nhân | |
| | 02/04/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201011952 | | | | | | |
| 801 | Huỳnh Thanh Tuấn | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Huỳnh Văn Mung, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Dàn, 1977, Công nhân | |
| | 10/05/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201010320 | | | | | | |
| 802 | Nguyễn Chí Nguyện | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hiếu Liêm, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Nga, 1980, Công nhân | |
| | 17/07/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201000979 | | | | | | |
| 803 | Bùi Văn Thương | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Tẻn, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Lê, 1979, Công nhân | |
| | 09/08/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201008065 | | | | | | |
| 804 | Danh Inh Tâm | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Danh Dêl, 1979, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Diệu Thành, 1978, Làm ruộng | |
| | 17/09/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091201014028 | | | | | | |
| 805 | Võ Tấn Phát | Lao động tự do | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Võ Nam Kiệt, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần thị Mỹ Hạnh, 1979, Công nhân | |
| | 07/10/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201005593 | | | | | | |
| 806 | Nguyễn Văn Khánh | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hùng, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phan Thị Chân, 1979, Công nhân | |
| | 09/10/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201002647 | | | | | | |
| 807 | Trần Trong Khiêm | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Tâm, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Lụa, 1980, Công nhân | |
| | 18/11/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201008313 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 808 | Tăng Kinh | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Tăng Nhiển, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Diên, 1979, Công nhân | |
| | 08/12/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201005991 | | | | | | |
| 809 | Trần Hữu Duy | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 1/12 | Trần Văn Tròn, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đặng Thị Sáu, 1974, lam ruộng | |
| | 10/12/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201001360 | | | | | | |
| 810 | Võ Thanh Tùng | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Kiệt, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hồ Kim Nhanh, 1978, Công nhân | |
| | 25/12/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201002422 | | | | | | |
| 811 | Lê Tấn Dương | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Quốc (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Chiêu, 1979, Công nhân | |
| | 23/12/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201001964 | | | | | | |
| 812 | Danh Phát Tài | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Danh Lượng, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị The Quy, 1972, Làm ruộng | |
| | 01/01/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091202005333 | | | | | | |
| 813 | Danh Ngọc Hải | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Bẩy, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đào Thị Muội, 1977, Công nhân | |
| | 03/01/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091202001775 | | | | | | |
| 814 | Phạm Minh Tân | Lao động tự do | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Lớn, 1962, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đinh Thị Nhiều, 1963, Công nhân | |
| | 08/04/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202002366 | | | | | | |
| 815 | Trần Văn Đô | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Ô, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Út Em, 1983, Công nhân | |
| | 22/07/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202010742 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 816 | Lê Hoàng Đô | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lê Hoàng Danh, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Võ Thị Ngân, 1980, Công nhân | |
| | 28/08/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202010050 | | | | | | |
| 817 | Bùi Thuận Thảo | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Bùi Văn Tẻn, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Lê, 1979, Công nhân | |
| | 26/10/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202007646 | | | | | | |
| 818 | Nguyễn Văn Hạt | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Tứ (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhiều, 1970, Làm ruộng | |
| | 19/11/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202001023 | | | | | | |
| 819 | Nguyễn Quốc Lên | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Văn Công (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đỗ Thị Muội, 1976, Làm ruộng | |
| | 08/12/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091202006101 | | | | | | |
| 820 | Đào Nhật Duy | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Đào Văn Truôl, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Duyên, 1882, Công nhân | |
| | 06/01/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203014584 | | | | | | |
| 821 | Nguyễn Chí Yên | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12, ĐH QTKD | Nguyễn Hiếu Liêm, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nga, 1977, Công nhân | |
| | 07/02/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091203000877 | | | | | | |
| 822 | Tăng Tính | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Tăng Nhiễn, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Diên, 1979, Công nhân | |
| | 17/03/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203008713 | | | | | | |
| 823 | Danh Việt Linh | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Danh Thành Lộc, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Ngọc Ánh, 1968, Công nhân | |
| | 26/03/2003 | | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | | | |
| | 091203009726 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 824 | Danh Xiêl | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Hil, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Thị Quy, 1981, Làm ruộng | |
| | 27/07/2003 | | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | | | |
| | 091203008386 | | | | | | |
| 825 | Đặng Văn Huy | Lao động tự do | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Đặng Văn Đen, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Trần Thị Kim, 1976, Làm ruộng | |
| | 19/08/2003 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091203016605 | | | | | | |
| 826 | Lê Văn Tươi | Lao động tự do | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Hòa, 1983, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Bích Em, 1985, Công nhân | |
| | 15/09/2003 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091203013358 | | | | | | |
| 827 | Lê Văn Có | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Còn, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Yến, 1984, Công nhân | |
| | 19/11/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203016386 | | | | | | |
| 828 | Ngô Hoàng Thuận | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Ngô Hoàng Linh , 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Liền, 1979, Công nhân | |
| | 03/01/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204002630 | | | | | | |
| 829 | Đặng Anh Hào | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Đặng Văn Lặt, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Trần Thị Nhỏ, 1979, Công nhân | |
| | 25/1/2004 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091204004472 | | | | | | |
| 830 | Danh Tài | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Thành Lộc, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Ngọc Ánh, 1968, Công nhân | |
| | 05/03/2004 | | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | | | |
| | 091204005070 | | | | | | |
| 831 | Lê Quốc Kiệt | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lê Văn Hùng, 1976,Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Liên, 1980, Công nhân | |
| | 07/04/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204008756 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 832 | Sơn Hoàng Anh | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Sơn Năng, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Thị Thanh, 1976, Công nhân | |
| | 21/04/2004 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091204011365 | | | | | | |
| 833 | Danh Nguyên | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Danh Tiền, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Xà Um, 1975, Công nhân | |
| | 25/04/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091204011515 | | | | | | |
| 834 | Danh Phát Lộc | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Danh Lượng, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị The Quy, 1976, Công nhân | |
| | 04/08/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091204004418 | | | | | | |
| 835 | Danh Nhất Trí | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Danh Phel, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Thị Thu Linh, 1981, Công nhân | |
| | 20/10/2004 | | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | | | |
| | 091204005664 | | | | | | |
| 836 | Danh Ngọc Tài | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Danh Bẩy, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đào Thị Muội, 1977, Công nhân | |
| | 02/11/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091204014421 | | | | | | |
| 837 | Danh Vui | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Danh Buôl, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Sơn Thị Chuyền,1988, Công nhân | |
| | 05/12/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091204000156 | | | | | | |
| 838 | Phan Chí Hải | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Thiện, 1969, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Nhan, 1969, Làm ruộng | |
| | 01/01/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205016772 | | | | | | |
| 839 | Nguyễn Văn Sĩ | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Công Văn, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | | |
| | 11/4/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205009293 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 840 | Phạm Hoàng Giang | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Tâm, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Nga, 1979, Công nhân | |
| | 15/4/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205004206 | | | | | | |
| 841 | Trần Lâm Nhựt | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Khoa, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Công nhân | | Trương Thị Thai, 1979, Công nhân | |
| | 26/06/2005 | | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | | | |
| | 091205008615 | | | | | | |
| 842 | Võ Văn Tùng Em | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Kiệt, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hồ Kim Nhanh, 1980, Công nhân | |
| | 25/08/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205004774 | | | | | | |
| 843 | Lê Minh Hiếu | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Minh Tâm, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Huỳnh Thị Danh Hai, 1980, Công nhân | |
| | 02/9/2005 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091205012897 | | | | | | |
| 844 | Phạm Quốc Bảo | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Hải, 1977, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lữ Thị Hồng Nhân, 1981, lảm ruộng | |
| | 13/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205004141 | | | | | | |
| 845 | Lê Văn Tốt | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Hoà, 1983, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Bích Em, 1985, Công nhân | |
| | 27/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205008842 | | | | | | |
| 846 | Lê Quốc Khánh | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Lê Văn Hùng, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễ Thị Liên, 1980, Làm ruộng | |
| | 14/02/2006 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091206000854 | | | | | | |
| 847 | Trần Chí Hiên | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Trần Quốc Khuyên, 1986, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Hà Thị Mỹ Hạnh, 1982, Làm ruộng | |
| | 18/03/2006 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091206017317 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 848 | Lê Văn Hoài | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN-KT máy | Lê Văn Còn, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Yến, 1984, Làm ruộng | |
| | 9/4/2006 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | Đoàn | | |
| | 091206005761 | | | | | | |
| 849 | Lê Văn Dính | Công nhân | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Đẹp, 1984, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Trần Thị Hằng, 1984, Công nhân | |
| | 03/7/2006 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091206000721 | | | | | | |
| 850 | Huỳnh Tuấn Lên | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Huỳnh Văn Mung, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Thị Dân, 1983, Làm ruộng | |
| | 30/07/2006 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091206004279 | | | | | | |
| 851 | Danh Đạt | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Danh Ơn, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Liên, 1977, Làm ruộng | |
| | 15/9/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091206013879 | | | | | | |
| 852 | Danh Chí Lực | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Thị Kim Hường, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | | |
| | 28/11/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091206003316 | | | | | | |
| 853 | Trương Long Nhựt | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Trương Chiến Thắng, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Đen, 1981, Công nhân | |
| | 27/9/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091207005618 | | | | | | |
| 854 | Danh Tính | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Danh Phép, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Nga, 1978, Công nhân | |
| | 10/10/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091207017063 | | | | | | |
| 855 | Nguyễn Đăng Du | Lao động tự do | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Văn Đà, 1984, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Chúc Ly, Làm ruộng | |
| | 31/10/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207011743 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 856 | Phan Vũ Thạo | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Phan Văn Đà, 1982, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Chi, 1982, làm thuê | |
| | 07/01/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208005101 | | | | | | |
| 857 | Danh Khánh Dư | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Dận, 1972, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Đèo, 1975, làm thuê | |
| | 16/01/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091208016382 | | | | | | |
| 858 | Phạm Ngọc Tài | Làm thuê | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Hải Đảo, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đặng Thanh Thoảng, 1987, làm thuê | |
| | 22/4/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208007498 | | | | | | |
| 859 | Lê Văn Thưởng | Làm thuê | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Đẹp, 1980, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Hằng, 1983, làm ruộng | |
| | 06/5/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208012600 | | | | | | |
| 860 | Danh Hoài An | Làm thuê | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Danh Tùng Lâm, 1978, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Công nhân | | Thị Hà, 1979, làm ruộng | |
| | 20/6/2008 | | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Khmer, Không | Đoàn | | |
| | 091208013394 | | | | | | |
| 861 | Nguyễn Khả Nhân | Làm thuê | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Nhiên, 1970, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hàng Thị Chuyền, 1975, làm thuê | |
| | 13/7/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208017923 | | | | | | |
| 862 | Danh Đậm | Làm thuê | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 3/12 | Danh Dẳng, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lý Thị Châu, 1980, làm thuê | |
| | 23/7/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091208007473 | | | | | | |
| 863 | Danh Minh Khang | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Danh Liệm, 1970, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thạch Kim Huyền, 1970, làm ruộng | |
| | 17/8/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091208008626 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 864 | Danh Thuận An | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Danh Đường, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Phe Ry, 1982, làm thuê | |
| | 12/10/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091208006613 | | | | | | |
| 865 | Phan Văn Dài | Lao động tự do | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 2/12 | Phan Văn Lan, 1971, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Oanh, 1971, làm ruộng | |
| | 15/12/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208012040 | | | | | | |
| 866 | Huỳnh Văn Trường | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Sum, 1964, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Dương Thị Tiến, 1963,Làm thuê | |
| | 16/03/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201003852 | | | | | | |
| 867 | Nguyễn Văn Nhiều | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hoàng, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đỗ Thị Kim Xuyến,1981, Công nhân | |
| | 28/03/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201007568 | | | | | | |
| 868 | Phạm Nhựt Linh | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Cà, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Kiều Nga, 1978, Công nhân | |
| | 20/04/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091201013985 | | | | | | |
| 869 | Nguyễn Văn Kiệt | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Ngon, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Kiều, 1979, Công nhân | |
| | 20/4/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202014703 | | | | | | |
| 870 | Phạm Văn Trọng Dĩ | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Mới, 1977,Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Mai, 1976, Làm thuê | |
| | 06/06/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202010386 | | | | | | |
| 871 | Nguyễn Quốc Trường | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Chế Linh, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Vui, 1979, Công nhân | |
| | 21/8/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091202009716 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 872 | Huỳnh Hoàng Phi | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Vĩnh Phú, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Khoa, 1981, Công nhân | |
| | 01/01/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 09123005033 | | | | | | |
| 873 | Mai Thanh Toàn | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Mai Văn Bẫy, 1967, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Diệp Thị Khoa, 1967, Công nhân | |
| | 09/01/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203001228 | | | | | | |
| 874 | Lê Minh Đăng | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Minh Thức, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Quyên, 1982, Công nhân | |
| | 23/03/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203009477 | | | | | | |
| 875 | Phạm Minh Khánh | Lao động tự do | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Dững, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Út, 1980, Công nhân | |
| | 30/6/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091203007966 | | | | | | |
| 876 | Thạch Đăng Khoa | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Thạch Hải Lâm, 1969, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Phương, 1972, Công nhân | |
| | 19/11/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203007294 | | | | | | |
| 877 | Nguyễn Minh Nhựt | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Linh, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Kiều Oanh, 1976, Công nhân | |
| | 10/01/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204004586 | | | | | | |
| 878 | Phan Hữu Tài | Công nhân | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Phan Hữu Thọ, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thúy Hòa, 1982, Công nhân | |
| | 17/01/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204017198 | | | | | | |
| 879 | Huỳnh Nhựt Trường | Lao động tự do | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Phương, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Ngọc Tiền, 1983, Công nhân | |
| | 08/04/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204011396 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 880 | Lê Minh Kha | Công nhân | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Đến , 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Chi, 1980, Công nhân | |
| | 13/08/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091204001711 | | | | | | |
| 881 | Nguyễn Quốc Khánh | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH Kế Toán | Nguyễn Văn Thanh, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Nguyễn Thị Kiều Linh, 1979, Công nhân | |
| | 02/09/2004 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, không | Đoàn | | |
| | 091204011862 | | | | | | |
| 882 | Danh Nguyễn Luân | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Danh Việt Pha, 1976, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Hận, 1977, Làm thuê | |
| | 03/10/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer,Không | Đoàn | | |
| | 091204012467 | | | | | | |
| 883 | Lê Hữu Đăng | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Minh Thức, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Quyên, 1982, Công nhân | |
| | 05/08/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205006612 | | | | | | |
| 884 | Nguyễn Tấn Thinh | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Kiên Giang, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đỗ Thị Hồng, 1970, Công nhân | |
| | 20/08/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205003538 | | | | | | |
| 885 | Phạm Quốc Anh | Lao động tự do | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 2/12 | Phạm Văn Cu, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Võ Thị Kim Anh, 1977, Công nhân | |
| | 25/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205007631 | | | | | | |
| 886 | Lê Hoàng Nghiêm | Lao động tự do | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Rồng, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Phượng, 1980, Công nhân | |
| | 29/10/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205014873 | | | | | | |
| 887 | Huỳnh Thanh Liêm | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Thương, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Hoàng Thai, 1979, Công nhân | |
| | 17/11/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091205006190 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 888 | Phạm Hoài Nhớ | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phạm Văn Tuấn, 1979, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đinh Thị Láng , 1981, Làm thuê | |
| | 01/12/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091205018906 | | | | | | |
| 889 | Lâm Gia Bảo | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lâm Thanh Điền, 1981, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lưu Thị Bích Thuỷ, 1986, Làm thuê | |
| | 13/7/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206008458 | | | | | | |
| 890 | Phan Bão Minh | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Phan Văn Út, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Công nhân | | Nguyễn Thị Bảo Xuyên, 1988, Công nhân | |
| | 22/8/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091206011876 | | | | | | |
| 891 | Nguyễn Thanh Toàn | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Hữu Tại, 1984, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thanh Tuyền, 1983, Công nhân | |
| | 5/11/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091206000101 | | | | | | |
| 892 | Nguyễn Ngọc Phúc | Công nhân | ấp Vĩnh lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tửng, 1982, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Kiều Tiên, 1985, Làm thuê | |
| | 27/02/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091207007092 | | | | | | |
| 893 | Nguyễn Tấn Phước | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Tuấn, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Trần Phương Oanh, 1977, Làm ruộng | |
| | 15/6/2007 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091207012693 | | | | | | |
| 894 | Nguyễn Chí Hiễn | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Ngon, 1983, Làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Kiều, 1981, Làm thuê | |
| | 02/10/2007 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091207006571 | | | | | | |
| 895 | Lê Đức Lợi | Công nhân | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lê Văn Mong, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Hồng Đào,1980, Công nhân | |
| | 07/12/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207018259 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 896 | Nguyễn Quốc Khải | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1978, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Kiều Linh, 1980, làm thuê | |
| | 11/02/2008 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091208004628 | | | | | | |
| 897 | Lê Minh Khôi | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Đến, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lê Thị Chi, 1980, làm thuê | |
| | 19/02/2008 | | TP. Đồng Nai | Kinh, không | | | |
| | 091208013391 | | | | | | |
| 898 | Nguyễn Chí Vỹ | Làm thuê | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Trí Thức, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Nguyệt, 1979, làm thuê | |
| | 01/9/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208007409 | | | | | | |
| 899 | Nguyễn Hữu Phước | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhanh, 1980, làm thuê | |
| | 28/10/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208018156 | | | | | | |
| 900 | Nguyễn Tấn Tạo | Lao động tự do | ấp Vĩnh Lộc, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Tấn Nhân, 1978, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Thanh Kiều, 1982, làm thuê | |
| | 16/11/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, không | | | |
| | 091208005546 | | | | | | |
| 901 | Trần Tấn Đạt | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn La, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Mai Hồng Cẩm, 1978, Công nhân | |
| | 19/05/2001 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091201005587 | | | | | | |
| 902 | Phạm Hồng Chương | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Hồng Thái Em, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Hồ Bích Tuyền, 1982, Công nhân | |
| | 01/11/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202004053 | | | | | | |
| 903 | Nguyễn Văn Lam | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đường, 1977, chết | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Tuyết Hạnh, 1977, Công nhân | |
| | 16/11/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201003108 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 904 | Hoàng Minh Kha | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Hoàng Minh Trí, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Bùi Diệp Thanh, 1981, Công nhân | |
| | 28/07/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202005165 | | | | | | |
| 905 | Lê Văn Lượng | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Đồng, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Dương Thị Diệu, 1980, Công nhân | |
| | 18/07/2003 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091203006060 | | | | | | |
| 906 | Nguyễn Thành Siêu | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Mừng Em, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lê Thị Nga, 1978, Công nhân | |
| | 24/04/2004 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091204016952 | | | | | | |
| 907 | Mai Duy Khanh | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Mai Văn Tùng, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Mến, 1977, Công nhân | |
| | 08/05/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205003902 | | | | | | |
| 908 | Nguyễn Trung Nguyên | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Thanh, 1968, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Bé Bảy, 1973, Công nhân | |
| | 16/5/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091206006389 | | | | | | |
| 909 | Võ Văn Giàu | Lao động tự do | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Võ Văn Tâm, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Nguyệt, 1980, Công nhân | |
| | 03/9/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207015853 | | | | | | |
| 910 | Lâm Chấn Huy | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Lâm Văn Giao, 1983, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Bích Như, 1982, làm thuê | |
| | 29/10/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208015277 | | | | | | |
| 911 | Trần Nguyễn Thái Long | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Trần Văn Hai, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Ái Lan, 1981, làm thuê | |
| | 06/9/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208000242 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 912 | Đinh Văn Bạo | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Đinh Văn Dũng, 1979, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Kim Chúc, 1988, làm thuê | |
| | 06/4/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208002248 | | | | | | |
| 913 | Phạm Nhật Anh | Công nhân | ấp Lò Rèn, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Văn Thái, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Hồ Thị Cẩm Sang, 1980, làm thuê | |
| | 11/3/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208013374 | | | | | | |
| 914 | Trần Văn Cương | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Hôm, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Dương Thị Chiều, 1978, Công nhân | |
| | 19/04/2001 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091201008075 | | | | | | |
| 915 | Nguyễn Chí Khang | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Mỏng, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Công nhân | | Nguyễn Thị Bé Hai, 1973, Công nhân | |
| | 26/04/2001 | | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | | | |
| | 091201009731 | | | | | | |
| 916 | Bùi Nhật Hào | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Sơn (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thái Thị Kim Anh, 1978, Làm ruộng | |
| | 19/05/2001 | | | Kinh, Không | | | |
| | 0912010122488 | | | | | | |
| 917 | Châu Ngọc Hân | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Châu Hai Em, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Trần Thị Thu Hà, 1976, Công nhân | |
| | 26/06/2001 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091201012365 | | | | | | |
| 918 | Phạm Thanh Nguyên | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Khương, 1973, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Diu, 1975, Công nhân | |
| | 01/07/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201000885 | | | | | | |
| 919 | Nguyễn Văn Ý | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thắng, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Huỳnh Như, 1979, Công nhân | |
| | 01/07/2001 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091201001517 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 920 | Đào Chí Ân | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Đào Trung Kiên, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Công nhân | | Võ Thị Hận, 1977, Công nhân | |
| | 14/04/2002 | | | Kinh, Không | | | |
| | 0912020117736 | | | | | | |
| 921 | Lý Văn Tài | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lý Văn Tiền, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Qui, 1977,Công nhân | |
| | 05/05/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202011422 | | | | | | |
| 922 | Danh Hải Ngoan | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Danh Mãi, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Thắm, 1980, Công nhân | |
| | 18/05/2002 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091202012913 | | | | | | |
| 923 | Nguyễn Hoài Húa | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Hiếu, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Nhanh, 1973, Công nhân | |
| | 01/07/2002 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091202016787 | | | | | | |
| 924 | Lê Tấn Điền | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lê Văn Đạt, 1970, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Nương, 1975, Công nhân | |
| | 01/07/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202015625 | | | | | | |
| 925 | Trần Vĩ Khang | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Sáu Nhỏ, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Bùi Thị Tú Trinh, 1975, Công nhân | |
| | 23/08/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202005711 | | | | | | |
| 926 | Trương Minh Luân | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Trương Văn Diễm, 1980 | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | tỉnh TP. Đồng Nai | Công nhân | | Ngô Thúy Em, 1977 | |
| | 04/09/2002 | | tỉnh TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202006910 | | | | | | |
| 927 | Trần Văn Quốc | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Công nhân | | Trần Thị Lấm, 1980, Công nhân | |
| | 09/01/2003 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091203006452 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 928 | Võ Văn Vạn | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Võ Văn Mum Em, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Lê Thị Linh, 1978, Công nhân | |
| | 02/03/2003 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091203009454 | | | | | | |
| 929 | Nguyễn Khả Đăng | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Điều, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Mộng Thu, 1980, Công nhân | |
| | 10/03/2003 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091203003302 | | | | | | |
| 930 | Lý Văn Giỏi | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Lý Văn Tiền, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh TP. Đồng Nai | tỉnh TP. Đồng Nai | Công nhân | | Thị Qui, 1977,Công nhân | |
| | 12/03/2003 | | tỉnh TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091203005642 | | | | | | |
| 931 | Ngô Quốc Bảo | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Ngô Hoàng Vũ, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Hằng, 1979, Công nhân | |
| | 24/04/2003 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091203009262 | | | | | | |
| 932 | Nguyễn Văn Nhân | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Nghĩa, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Vĩnh Long | tỉnh Vĩnh Long | Công nhân | | Trần Thị Lợi, 1972, Công nhân | |
| | 27/04/2003 | | tỉnh Vĩnh Long | Kinh, Không | | | |
| | 091203006101 | | | | | | |
| 933 | Nguyễn Chí Công | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Lộc, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Võ Thị Nhi, 1975,Công nhân | |
| | 25/05/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203017436 | | | | | | |
| 934 | Phạm Quốc Âu | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Phạm Thanh Hải, 1969, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Hết, 1974, Công nhân | |
| | 13/09/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203011611 | | | | | | |
| 935 | Bùi Thiên Kim | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Sơn, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thái Thị Kim Anh, 1978, Công nhân | |
| | 19/10/2003 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091203006354 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 936 | Nguyễn Văn Thịnh | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Văn Thẳng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đinh Thị Tiến | |
| | 24/01/2004 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091204003487 | | | | | | |
| 937 | Danh Khang | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Thiện Nam, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Danh Sách Tha, 1976, Công nhân | |
| | 19/02/2004 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091204019040 | | | | | | |
| 938 | Danh Nhựt | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Nam, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Danh Sách Tha, 1974, Công nhân | |
| | 20/04/2005 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091205004378 | | | | | | |
| 939 | Trương Minh Quy | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trương Văn Điễm, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Ngô Thúy Em, 1977, Làm ruộng | |
| | 09/05/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204017233 | | | | | | |
| 940 | Trần Mạnh Hùng | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Trần Văn Quang (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhi, 1982, Công nhân | |
| | 02/06/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204006680 | | | | | | |
| 941 | Trần Văn Khải | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Sáu Nhỏ, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Bùi Thị Tú Trinh, 1979, Công nhân | |
| | 07/07/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204007776 | | | | | | |
| 942 | Bùi Văn Chí | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Bùi Văn Sơn (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thái Thị Kim Anh, 1978, Công nhân | |
| | 20/07/2004 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091204002636 | | | | | | |
| 943 | Huỳnh Ngọc Chiến | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Huỳnh Văn Lành, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Mỹ Trang, 1982, Công nhân | |
| | 29/07/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204004636 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 944 | Danh Duy Bảo | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Danh Cường, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Vui, 1975, Công nhân | |
| | 11/09/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091204013756 | | | | | | |
| 945 | Nguyễn Chí Hiếu | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Lộc, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Võ Thị Nhi, 1975,Công nhân | |
| | 25/09/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204007179 | | | | | | |
| 946 | Huỳnh Nhật Khiêm | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Huỳnh Văn Trường, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh TP. Đồng Nai | tỉnh TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Bích Như, 1983, Công nhân | |
| | 05/01/2005 | | tỉnh TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091205001252 | | | | | | |
| 947 | Ngô Văn Hoài | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Ngô Văn Tới, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Tú, 1980, Công nhân | |
| | 07/01/2005 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091205008400 | | | | | | |
| 948 | Trần Quốc Vệ | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Cận, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Hoài Thu, 1976,Công nhân | |
| | 12/04/2005 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091205004725 | | | | | | |
| 949 | Danh Hữu Phước | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Mừng, 1980, Công nhân | |
| | 15/04/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091205012061 | | | | | | |
| 950 | Nguyễn Chí Bảo | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Minh Tâm, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Sáng, 1979, Công nhân | |
| | 29/09/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205004381 | | | | | | |
| 951 | Huỳnh Văn Mực | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Huỳnh Văn Út, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Dung, 1977, Công nhân | |
| | 15/10/2005 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091205006275 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 952 | Nguyễn Tấn Hùng Anh | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Tấn Cường, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Kim Loan, 1980, Làm ruộng | |
| | 05/11/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 074205000376 | | | | | | |
| 953 | Hà Trọng Phúc | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Hà Lâm Vũ, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Thơm, 1980, Công nhân | |
| | 15/12/2005 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091205002951 | | | | | | |
| 954 | Lê Thành Kính | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Thị Kiều Oanh, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | | |
| | 09/01/2006 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091206004731 | | | | | | |
| 955 | Ngô Hoàng Khang | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Ngô Hoàng Giang, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Mẫn, 1978, Công nhân | |
| | 11/04/2006 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091206015967 | | | | | | |
| 956 | Trần Minh Cường | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trần Văn Quang (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhi, 1986, Công nhân | |
| | 15/4/2006 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091206007066 | | | | | | |
| 957 | Bùi Gia Bảo | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Anh Kiệt, 1988, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Công nhân | | Bùi Thuý Hằng, 1988, Công nhân | |
| | 9/11/2006 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091206002608 | | | | | | |
| 958 | Nguyễn Dũng Sang | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Chí Dũng, 1988, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Đồng Nai | tỉnh Đồng Nai | Công nhân | | Phạm Thị Hận Em, 1988, Công nhân | |
| | 18/12/2006 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091206004059 | | | | | | |
| 959 | Trương Văn Bin | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trương Thanh Hùng, 1987, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Phạm Thị Lình, 1988, Làm ruộng | |
| | 05/3/2007 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091207000082 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 960 | Bùi Thanh Vũ | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Đặng Văn Buôl, 1985, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Bùi Thị Nga, 1983, Công nhân | |
| | 26/4/2007 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091207017824 | | | | Đoàn | | |
| 961 | Trần Quốc Sĩ | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Trần Văn Cận, 1983, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Hoài Thu, 1983, Công nhân | |
| | 17/6/2007 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091207012901 | | | | Đoàn | | |
| 962 | Nguyễn Văn Đức | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Thắng, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phạm Thị Huỳnh Như, 1982, Làm ruộng | |
| | 20/7/2007 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091207009761 | | | | | | |
| 963 | Dương Trí Thành | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Dương Minh Triết, 1982, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn T Tuyết Nhung, 1981, Công nhân | |
| | 21/8/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207011296 | | | | | | |
| 964 | Bùi Hải Đăng | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Bùi Văn Thiệt, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Lình, 1985, Làm ruộng | |
| | 06/9/2007 | | | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091207013167 | | | | | | |
| 965 | Nguyễn Ngọc Long | Công nhân | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Tu Ni, 1979, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Duyên, 1979, Làm ruộng | |
| | 07/9/2007 | | | Kinh, Không | | | |
| | 091207010726 | | | | | | |
| 966 | Trần Hữu Lộc | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Trần Văn Phước, 1982, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Hằng, 1981, Làm ruộng | |
| | 24/12/2007 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091207008998 | | | | | | |
| 967 | Nguyễn Nhật Linh | Lao động tự do | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Toàn, 1982, làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Phan Thị Mến, 1982, làm ruộng | |
| | 19/01/2008 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091208006331 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 968 | Lê Hữu Khang | Làm thuê | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lê Văn Được, 1977, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Tuyết Hoa, 1977, làm thuê | |
| | 20/3/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208012363 | | | | | | |
| 969 | Danh Mến | Làm thuê | Tổ 8, Kênh 1 | Trung nông | 5/12 | Danh Thương (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Damh Thị Hà, 1980, làm thuê | |
| | 19/4/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091208001942 | | | | | | |
| 970 | Đặng Quốc Bảo | Làm thuê | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Đặng Quang Minh, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lưu Thị Tuyền, 1978, làm thuê | |
| | 31/7/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208008530 | | | | | | |
| 971 | Bùi Vũ Luân | Làm thuê | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Bùi Văn Lắm (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đặng Kim Anh, 1978, làm thuê | |
| | 25/11/2008 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091208017449 | | | | | | |
| 972 | Trần Thái Hoà | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Trần Văn Xiêm, 1976, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đặng Thị Nhung, 1982, Làm ruộng | |
| | 30/06/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201017392 | | | | | | |
| 973 | Bùi Văn Hậu | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Bùi Văn Đá, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Trần Thị Trinh, 1977, làm thue | |
| | 01/03/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201006567 | | | | | | |
| 974 | Tô Minh Toàn | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Tô Văn Quân, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Thu Mai, 1977, Công nhân | |
| | 09/06/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201017285 | | | | | | |
| 975 | Võ Hoàng Giang | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Trưỡng Vũ, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Mai, 1979, Công nhân | |
| | 01/07/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201017290 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 976 | Phan Chí Cương | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Phan Trường Phục, 1976 (chết) | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lý Thanh Tuyền, 1981, Làm ruộng | |
| | 25/08/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201001373 | | | | | | |
| 977 | Nguyễn Văn Tưởng | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hưởng, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Kim Tư, 1977, Công nhân | |
| | 02/09/2001 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091201003778 | | | | | | |
| 978 | Võ Anh Thư | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Hoàng Mến, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lưu Thị Ngọc Diện, 1980, Công nhân | |
| | 24/09/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201002322 | | | | | | |
| 979 | Nguyễn Văn Mát | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Thê Em, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Huỳnh Thị Phượng, 1980, Công nhân | |
| | 16/11/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201001363 | | | | | | |
| 980 | Lê Tấn Tài | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Văn Thơ, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Nguyễn Thị Huệ, 1975,Công nhân | |
| | 16/12/2001 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | | |
| | 091201013649 | | | | | | |
| 981 | Trịnh Văn Tí | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Trịnh Văn Thống, 1973, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lại Thị Điệp, 1975, Công nhân | |
| | 26/12/2001 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091201001626 | | | | | | |
| 982 | Tăng Trùng Dương | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Tăng Xim, 1972, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Thị Hoa, 1972, Công nhân | |
| | 05/02/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202006129 | | | | | | |
| 983 | Nguyễn Văn Nhớ | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Thắng, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Ngọc Bích, 1978, Công nhân | |
| | 04/04/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202004897 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 984 | Phan Quốc Anh | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phan Văn Liền, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Nguyễn Thị Sau Ly, 1978, Làm ruộng | |
| | 01/07/2002 | | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091202005112 | | | | | | |
| 985 | Trương Văn Cường | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Trương Văn Đậm, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trương Thị Hồng Dân, 1975, Công nhân | |
| | 19/09/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202003250 | | | | | | |
| 986 | Thi Thanh Nhã | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Thi Thị Mộng, 1976, Công nhân | |
| | 07/11/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202005012 | | | | | | |
| 987 | Võ Văn Thoại | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Ngọc Thơ, 1975, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Trịnh Thị Kĩnh Em, 1975, Công nhân | |
| | 18/11/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202007158 | | | | | | |
| 988 | Danh Giá | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Nguyễn Văn Cuôi, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Đinh Thị E, 1979, Công nhân | |
| | 22/11/2002 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091202002750 | | | | | | |
| 989 | Nguyễn Huy Hoàng | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Nguyễn Văn Hồng, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | | |
| | 25/11/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202017082 | | | | | | |
| 990 | Phạm Thành Lãm | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phạm Văn Bừng, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lê Ngọc Chúc, 1979, Công nhân | |
| | 12/31/2002 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091202004843 | | | | | | |
| 991 | Lê Thanh Bình | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Hoàng Thái, 1974, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Lệ Hiền, 1976, Công nhân | |
| | 14/03/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203005879 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 992 | Nguyễn Văn Huy | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đại, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Huỳnh Thị Bích, 1980, Công nhân | |
| | 29/04/2003 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091203009550 | | | | | | |
| 993 | Nguyễn Văn Thụ | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Hưởng, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Lê Kim Tư, 1979, Công nhân | |
| | 04/09/2003 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091203006339 | | | | | | |
| 994 | Phan Thành Nhơn | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Phan Văn Lâm, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | | Nguyễn Thị Nhiều, 1978, Công nhân | |
| | 29/11/2003 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091203002266 | | | | | | |
| 995 | Phan Quốc Kiệt | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Phan Văn Liền, 1978, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Sau Ly, 1978, Làm ruộng | |
| | 23/12/2003 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091203012478 | | | | | | |
| 996 | Võ Nguyên Trấn | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Võ Thành Hiệp, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Trần Thị Chĩnh Nhõ, 1977, Công nhân | |
| | 01/04/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204003351 | | | | | | |
| 997 | Danh Lý | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Danh Na, 1975, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Thị Nhi, 1977, Làm ruộng | |
| | 21/04/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Khmer, Không | | | |
| | 091204013862 | | | | | | |
| 998 | Huỳnh Văn Xinh | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Huỳnh Văn Phánh, 1980, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Phan Thị Nâu, 1979, Công nhân | |
| | 11/05/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204006931 | | | | | | |
| 999 | Tăng Văn Dương | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Tăng Chiều, 1976, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Huỳnh Thị Tiên, 1976, Công nhân | |
| | 04/04/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205001305 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 1000 | Võ Quốc Danh | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Trưởng Vũ, 1977, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Nguyễn Thị Mai, 1977, Công nhân | |
| | 30/04/2005 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091205003539 | | | | | | |
| 1001 | Lê Minh Mẫn | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Lê Thanh Vũ, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Công nhân | | Trần Thị Cà Nen, 1979, Công nhân | |
| | 29/05/2005 | | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | | | |
| | 091205002517 | | | | | | |
| 1002 | Lê Công Hậu | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | | Lê Thị Sen, 1980, Công nhân | |
| | 31/08/2004 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091204002635 | | | | | | |
| 1003 | Bùi Quang Lộc | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Bùi Quang Đá, 1979, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Trần Thị Trinh , 1985, Công nhân | |
| | 11/23/2005 | | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | Không | |
| | 091205021994 | | | | | | |
| 1004 | Trần Quốc Linh | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Trần Tấn Lịnh, , 1984, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Nguyễn Thị Trang , 1984, Công nhân | |
| | 3/30/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091206008696 | | | | | | |
| 1005 | Nguyễn Hữu Bằng | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đượm, 1988, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Lê Thị Thật, 1988, Công nhân | |
| | 09/4/2006 | | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091206002244 | | | | | | |
| 1006 | Lê Duy Mạnh | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Lê Văn Móc, 1978, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Nguyễn Thị Nhuồl, 1976, Công nhân | |
| | 4/22/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091206002075 | | | | | | |
| 1007 | Nguyễn Chí Tân | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 4/12 | Nguyễn Văn Chiến, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Phan Thị Kía, 1963, Công nhân | |
| | 6/11/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091206017318 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 1008 | Huỳnh Chí Bảo | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Huỳnh Cẩm Tiên, 1987, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Không | |
| | 10/15/2006 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | | |
| | 091206002560 | | | | | | |
| 1009 | Võ Nhựt Huy | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Võ Văn Kiệu, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Cao Thị Kim Anh, 1981, Làm ruộng | |
| | 03/5/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207002910 | | | | | | |
| 1010 | Nguyễn Văn Thái | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Nguyễn Tuấn Em, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Cao Thị Chia, 1981, Làm ruộng | |
| | 18/5/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207002657 | | | | | | |
| 1011 | Trương Gia Bảo | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Trương Bé Vinh, 1981, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Lê Thị Lệ Thi, 1982, Làm ruộng | |
| | 17/8/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207006152 | | | | | | |
| 1012 | Trần Văn Thiên | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Trần Thị Thãnh, 1985, Làm ruộng | |
| | 15/9/2007 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207001888 | | | | | | |
| 1013 | Phạm Văn Luân | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Phạm Văn Út, 1981, Công nhân | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Nguyễn Kim Lý, 1987, Công nhân | |
| | 18/9/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207003161 | | | | | | |
| 1014 | Tiết Quốc Khánh | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 5/12 | Tiết Quốc Việt, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Trần Thị Nghĩ, 1985, Làm ruộng | |
| | 25/10/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207004301 | | | | | | |
| 1015 | Châu Minh Thuận | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Châu Minh Út, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | Không | Trịnh Thị Hồng, 1984, Làm ruộng | |
| | 19/11/2007 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207000972 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 1016 | Ngô Tuấn Khang | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Ngô Văn Kiệt, 1983, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Trần Thị Oanh, 1985, Làm ruộng | |
| | 04/12/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | Không | |
| | 091207003543 | | | | | | |
| 1017 | Danh Hoà | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Danh Na, 1980, Làm ruộng | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Thị Nhi, 1981, Làm ruộng | |
| | 19/12/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | | Không | |
| | 091207009545 | | | | | | |
| 1018 | Nguyễn Quốc Việt | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Hoài Thanh, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | Không | Nguyễn Thị Minh Hà, 1980, làm thuê | |
| | 13/12/2008 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208003452 | | | | | | |
| 1019 | Phạm Thanh Văn | Công nhân | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Phạm Văn Bừng, 1983, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Lê Ngọc Chúc, 1983, làm thuê | |
| | 20/9/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208006970 | | | | | | |
| 1020 | Nguyễn Hữu Phước | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Nguyễn Văn Đăm, 1979, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | tỉnh Tây Ninh | tỉnh Tây Ninh | Công nhân | | Huỳnh Thị Gấm, 1979, làm thuê | |
| | 25/12/2008 | Không | tỉnh Tây Ninh | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091208012683 | | | | | | |
| 1021 | Bùi Đăng Khoa | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Bùi Văn Tràm, 1984, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Phan Thị Nhanh, 1982, làm thuê | |
| | 14/12/2008 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208003724 | | | | | | |
| 1022 | Nguyễn Quốc Nghiêm | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Khó, 1978, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Huỳnh Ngọc Triều, 1975, làm thuê | |
| | 09/10/2008 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208009803 | | | | | | |
| 1023 | Mai Văn Tâm | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Mai Văn Niếu, 1980, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Hồ Chí Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công nhân | Không | Trần Thị Dợt, 1980, làm thuê | |
| | 16/12/2008 | Không | TP. Hồ Chí Minh | Kinh, Không | | Không | |
| | 091208007133 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 1024 | Võ Châu Hoàng Kim | Lao động tự do | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | Võ Văn Thôi, 1982, làm thuê | Vắng mặt địa phương |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Công nhân | Không | Châu Thị Niềm, 1980, làm thuê | |
| | 04/5/2008 | Không | TP. Đồng Nai | Kinh, Không | | | |
| | 091208004371 | | | | | | |
| 1025 | Nguyễn Văn Nghĩa | XKLĐ | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12, ĐH Thủy | Nguyễn Văn Hồng, 1975, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | B1 | Trần Thị Thó, 1978, Làm ruộng | |
| | 15/8/1999 | Không | Nhật Bản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091099000620 | | | | | | |
| 1026 | Lê Duy Thanh | XKLĐ | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Lê Văn Tới, 1978, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Đài loan | Trung Quốc | Nông dân | Không | Nguyễn Thị Chúc Nị, 1978, Làm ruộng | |
| | 27/2/2001 | Không | Trung Quốc | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091201015705 | | | | | | |
| 1027 | Lê Duy Khánh | Xuất khẩu lao động | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 11/12 | Lê Văn Tới, 1978, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Đài loan | Đài loan | Nông dân | Không | Nguyễn T Chúc Nị, 1978, Làm ruộng | |
| | 1/9/2005 | Không | Đài loan | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091205001883 | | | | | | |
| 1028 | Nguyễn Tuấn Du | XKLĐ | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Lầm, 1980, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | Không | Lưu Thị Hồng My, 1988, Làm ruộng | |
| | 16/09/2006 | Không | Nhật Bản | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206002046 | | | | | | |
| 1029 | Nguyễn Văn Khiêm | XKLĐ | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Thừa, 1978, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Đài Loan | Trung Quốc | Nông dân | Không | Đỗ Thị Thơ, 1977, Làm ruộng | |
| | 15/7/2001 | Không | Trung Quốc | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091201015515 | | | | | | |
| 1030 | Nguyễn Văn Đăng | XKLĐ | ấp Bờ Xáng, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Văn Thừa, 1978, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Trung Quốc | Trung Quốc | Nông dân | Không | Đỗ Thị Thơ, 1977, Làm ruộng | |
| | 29/7/2003 | Không | Trung Quốc | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091203001543 | | | | | | |
| 1031 | Phạm Quang Thành | XKLĐ | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phạm Minh Sang, 1978, Công nhân | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Hàn Quốc | Hàn Quốc | Nông dân | Không | Phạm T Bích Chiểu, 1975, Công nhân | |
| | 6/11/2002 | Không | Hàn Quốc | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091202014898 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 1032 | Phan Linh Vương | XKLĐ | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH HDVDL | Phan Văn Tới, 1975, Công nhân | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Không | Thái Lan | Nông dân | B1 | Huỳnh Thị Thông, 1980, Công nhân | |
| | 16/10/2001 | | Thái Lan | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091201001628 | | | | | | |
| 1033 | Phạm Công Nguyên | XKLĐ | ấp Kênh 14, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Phạm Minh Sang, 1978, Công nhân | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | Không | Phan Thị Bích Chiều, 1975, Công nhân | |
| | 23/10/2007 | Không | Nhật Bản | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207007331 | | | | | | |
| 1034 | Nguyễn Hoài Hận | XKLĐ | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH GTVT | Nguyễn Văn Dưỡng, 1976, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | B1 | Nguyễn Thị Loan, 1980, Làm ruộng | |
| | 12/11/1999 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | | |
| | 091099007053 | | | | | | |
| 1035 | Nguyễn Hoàng Khang | Làm ruộng | ấp Kinh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH CN Thực Ph | Nguyễn Thanh Đoàn, 1979, Công nhân | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | B1 | Nguyễn Thị Mi, 1979, Công nhân | |
| | 15/09/2000 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091200016608 | | | | | | |
| 1036 | Danh Sa Mít | Công nhân | ấp Kênh 2, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Danh Út, 1973, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | Không | Trương Thị Thuý, 1976, Làm ruộng | |
| | 19/04/2003 | Không | Nhật Bản | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203006163 | | | | | | |
| 1037 | Võ Hoàng Ni | Sinh Viên | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | ĐH KT hình ảnh | Võ Văn Toàn, 1974, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | ĐH KT hình ảnh y học | Nhật bản | Nông dân | B1 | Phan Thị Tím,1975, Làm ruộng | |
| | 01/04/2003 | Không | | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091203011886 | | | | | | |
| 1038 | Kim Jeong Seo | Định cư | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Kim Chang Gil, 1981, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Hàn Quốc | Hàn Quốc | Nông dân | Không | Huỳnh Thị Mỹ Thanh, 1987, Làm ruộng | |
| | 07/5/2007 | Không | Hàn Quốc | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014038 | | | | | | |
| 1039 | Nguyễn Hải Dương | Xuất khẩu lao động | ấp Kênh 1, xã Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Thanh Tâm, 1980, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật bản | Nhật bản | Nông dân | Không | Châu Gói Bạc, 1984, Làm ruộng | |
| | 09/06/2004 | Không | Nhật bản | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204010299 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Họ, chữ đệm, tên thường dùng | Nơi làm việc | Nơi ở hiện nay của bản thân | Thành phần bản thân | Ngoại ngữ | Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Ngày tháng năm sinh | Nhóm, ngạch, bậc lương | Nơi làm việc (nếu có) | Dân tộc, Tôn giáo | Đảng, Đoàn | Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp | |
| | Số thẻ căn cước/CCCD | | | | | | |
| 1040 | Danh Như Ý | XKLĐ Nhật Bản | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Danh Út Duẩn, 1969, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Nhật Bản | Nhật Bản | Nông dân | Không | Thị Thiện, 1968, Làm ruộng | |
| | 11/12/2004 | Không | Nhật Bản | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091204005062 | | | | | | |
| 1041 | Nguyễn Thành Nghị | XKLĐ Hàn Quốc | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 8/12 | Nguyễn Văn Sim, 1979, Làm ruộng | Lao động xuất khẩu ở nước ngoài |
| | Không | Hàn Quốc | Hàn Quốc | Nông dân | Không | Võ Thị Ngọc Nhung, 1982, Làm ruộng | |
| | 04/04/2005 | Không | Hàn Quốc | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091205001503 | | | | | | |
| 1042 | Lâm Phúc Hậu | Chức việc | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Lâm Duy Lịnh, 1974, Làm ruộng | Tu sĩ |
| | Không | Thánh thất cao đài Ban | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thị Ngân, 1979, Làm ruộng | |
| | 28/3/2003 | Không | ấp Vĩnh Trinh, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Không | Không | |
| | 091203003092 | | | | | | |
| 1043 | Danh Nhi Khang | Đi tu | ấp Thắng Lợi, Vĩnh Thuận | Trung nông | 6/12 | | Tu sĩ |
| | Không | Chùa Chắc Băng mới | xã Vĩnh Phong, AG | Nông dân | Không | Thị Kiều, 1978,làm ruộng | |
| | 29/12/2001 | Không | xã Vĩnh Phong, AG | Khmer, Không | Không | Không | |
| | 091201016145 | | | | | | |
| 1044 | Lê Quốc Thịnh | Học viên TC nghề | ấp Kênh 3, Vĩnh Thuận | Trung nông | 10/12 | Lê Văn Sim; 1985, Công nhân | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | Trường CĐ Nghề Kiên Giang | phường Rạch Giá, AG | Nông dân | Không | Lâm Lệ Pha; 1985, Làm ruộng | |
| | 22/10/2008 | Không | phường Rạch Giá, AG | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208014853 | | | | | | |
| 1045 | Trần Văn Tài Em | Học nghề | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Hữ Trài, 1956, Làm ruộng | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | Sửa xe | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Trần Thị Sàn, 1970, Làm ruộng | |
| | 11/05/2006 | Không | tỉnh Cà Mau | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091206006576 | | | | | | |
| 1046 | Phan Văn Kha | Làm ruộng | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Phan Văn Ken, 1984, Làm ruộng | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Đặng Thị Luốc, 1982, Làm ruộng | |
| | 15/2/2007 | Không | ấp Kênh 9, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091207005175 | | | | | | |
| 1047 | Lâm Văn Bảo | Công nhân | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Nguyễn Minh Thường, 1986, buôn bán | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | TP. Đồng Nai | TP. Đồng Nai | Nông dân | Không | Lâm Thị Thuỷ, 1986, buôn bán | |
| | 27/3/2007 | Không | TP. Đồng Nai | Khmer, Không | Đoàn | Không | |
| | 091207014216 | | | | | | |

| Số TT | Họ, chữ đệm, tên khai sinh | Nghề nghiệp | Nơi thường trú của gia đình; bản thân | Thành phần gia đình | Trình độ văn hóa, CMKT | Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp | Lý do tạm hoãn gọi nhập ngũ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Họ, chữ đệm, tên thường dùng** | **Nơi làm việc** | **Nơi ở hiện nay của bản thân** | **Thành phần bản thân** | **Ngoại ngữ** | **Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Ngày tháng năm sinh** | **Nhóm, ngạch, bậc lương** | **Nơi làm việc (nếu có)** | **Dân tộc, Tôn giáo** | **Đảng, Đoàn** | **Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp** | |
| | **Số thẻ căn cước/CCCD** | | | | | | |
| 1048 | Lê Bảo Thanh | Làm ruộng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 9/12 | Lê Tuấn Anh, 1986, làm ruộng | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Lê Thị Kim Chung, 1986, làm ruộng | |
| | 20/11/2008 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, không | Đoàn | Không | |
| | 091208004148 | | | | | | |
| 1049 | Nguyễn Văn Nhóc | Làm ruộng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 12/12 | Nguyễn Hùng Dư,1984, làm ruộng | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Dương Thị Tiền, 1986, làm ruộng | |
| | 22/7/2008 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Đoàn | Không | |
| | 091208008593 | | | | | | |
| 1050 | Lâm Hoàng Nhi | Làm ruộng | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Trung nông | 7/12 | Lâm Văn Huỳnh, 1970, Làm ruộng | Có hoàn cảnh đặt biệt khó khăn |
| | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Nông dân | Không | Phạm Thị Kim Loan, 1965, Làm ruộng | |
| | 07/07/2001 | Không | ấp Kênh 2, Vĩnh Thuận | Kinh, Không | Không | Không | |
| | 091201015153 | | | | | | |